

THƯ MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang (HAMACO) trân trọng kính mời Quý Cổ đông tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 (ĐHĐCĐ). Thông tin cụ thể như sau:

1. Thời gian, địa điểm và hình thức họp ĐHĐCĐ

- a) Thời gian: Từ 07 giờ 30, thứ Ba, ngày 03 tháng 3 năm 2026.
- b) Hình thức: Họp trực tiếp.
- c) Địa điểm: Khách sạn Mường Thanh Luxury Cần Thơ, Khu E1, Cồn Cái Khế, Phường Cái Khế, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam.

2. Tài liệu họp ĐHĐCĐ

- a) Thư mời họp, Giấy xác nhận tham dự/ủy quyền tham dự họp ĐHĐCĐ sẽ được gửi đến Quý cổ đông.
- b) Chương trình họp và Tài liệu họp ĐHĐCĐ sẽ được đăng tải, cập nhật trên website của HAMACO, mục Công bố thông tin tại địa chỉ: <https://hamaco.vn/cong-bo-thong-tin/>.

3. Điều kiện tham dự họp ĐHĐCĐ

- a) Cổ đông của HAMACO có tên trong Danh sách cổ đông chốt ngày 04/02/2026, bao gồm cổ đông đã lưu ký cổ phần theo danh sách do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp và cổ đông chưa lưu ký cổ phần theo Sổ đăng ký cổ đông của Công ty.
- b) Trường hợp Quý cổ đông không thể trực tiếp tham dự họp ĐHĐCĐ, Quý cổ đông được quyền ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân/tổ chức khác đại diện thay mặt tham dự họp, với điều kiện việc ủy quyền được lập phù hợp với quy định của Công ty và pháp luật.
- c) Nhằm bảo đảm công tác tổ chức Cuộc họp ĐHĐCĐ được thuận lợi, đề nghị Quý cổ đông đăng ký tham dự hoặc ủy quyền tham dự và gửi Giấy xác nhận tham dự/ủy quyền tham dự họp ĐHĐCĐ (theo mẫu kèm theo hoặc đăng tải tại <https://hamaco.vn/>) về Công ty trước 16 giờ 00 ngày 25/02/2026, theo địa chỉ liên hệ tại Mục 4 của Thư mời họp; trường hợp không tham dự và không ủy quyền, đề nghị thông báo xác nhận không tham dự trước thời hạn nêu trên.
- d) Khi đến tham dự họp, Quý cổ đông hoặc người được ủy quyền vui lòng xuất trình bản chính Thư mời họp, bản chính Giấy xác nhận tham dự/ủy quyền (trong trường hợp được ủy quyền từ cổ đông) và Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu.

4. Thông tin liên hệ

Thông tin liên quan đến việc tổ chức Cuộc họp ĐHĐCĐ, Quý cổ đông vui lòng liên hệ:
Phòng Hành chính - Nhân sự.

Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang.

184 Trần Hưng Đạo, Phường Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam.

Điện thoại: 0292 3735345 - Email: hamaco@hamaco.vn.

Trân trọng!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**


Lê Hoàng Nam



CHƯƠNG TRÌNH HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

TT	Chương trình	Thời gian
I.	TIẾP ĐÓN VÀ ĐĂNG KÝ CỔ ĐÔNG	
1	Tiếp đón cổ đông/đại diện cổ đông	7h30-08h00
2	Kiểm tra tư cách cổ đông/đại diện cổ đông	
II.	KHAI MẠC CUỘC HỌP	
1	Tuyên bố lý do	08h00-08h30
2	Giới thiệu đại biểu	
3	Báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông	
4	Giới thiệu Chủ tọa đoàn, Ban Thư ký và thông qua danh sách Ban kiểm phiếu	
5	Thông qua Quy chế làm việc và biểu quyết	
6	Thông qua Chương trình họp	
III.	TRÌNH BÀY CÁC BÁO CÁO VÀ TỜ TRÌNH	
1	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 và kế hoạch kinh doanh năm 2026	08h30-10h45
2	Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026	
3	Báo cáo hoạt động của Thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán năm 2025	
4	Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán	
5	Tờ trình phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2025 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026	
6	Tờ trình Báo cáo tổng mức thù lao, thưởng, các lợi ích khác của HĐQT năm 2025 và Kế hoạch chi trả thù lao, thưởng và các lợi ích khác năm 2026	
7	Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính năm 2026	
8	Tờ trình Phương án phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu	
9	Tờ trình Phương án phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động (Esop)	
10	Tờ trình Phương án phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu	
11	Tờ trình Phương án xử lý cổ phiếu lẻ, cổ phiếu cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua khi triển khai Phương án phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu	
12	Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty	
13	Tờ trình sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty	
14	Tờ trình sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị	
15	Tờ trình miễn nhiệm Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021 - 2025 và bầu cử Hội đồng quản nhiệm kỳ 2026 - 2030	
IV	THẢO LUẬN VÀ ĐÓNG GÓP Ý KIẾN	
	Đại hội thảo luận, đóng góp ý kiến cho từng nội dung trên	10h45-11h15
V	BIỂU QUYẾT	
	Đại hội tiến hành biểu quyết từng vấn đề thuộc thẩm quyền	11h15-11h30
VI	BẦU CỬ	
1	Thông qua Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2026 – 2030	11h30-12h15
2	Đại hội tiến hành bầu cử	
3	Công bố kết quả bầu cử	
VII	BẾ MẠC	
1	Thông qua Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026	12h15-12h30
2	Thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026	
3	Tuyên bố bế mạc	



**PHIẾU Ý KIẾN VỀ CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG**

1. Thông tin cổ đông

- a) Tên cổ đông:
b) Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu/GCNĐKKD:.....
c) Ngày cấp: Nơi cấp:
d) Người đại diện theo ủy quyền (đối với cổ đông là tổ chức):
e) Địa chỉ liên hệ:
f) Điện thoại: Email:
g) Số cổ phần sở hữu: cổ phần
(Bằng chữ:)

2. Ý kiến đối với chương trình họp

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

....., ngày tháng năm 2026

NGƯỜI NÊU Ý KIẾN

(Ký, ghi rõ họ tên; đóng dấu nếu là cổ đông pháp nhân)

Đề nghị Quý cổ đông gửi Phiếu ý kiến trước 16 giờ 00 ngày 25/02/2026 về:

**PHÒNG HÀNH CHÍNH - NHÂN SỰ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG**

Địa chỉ: 184 Trần Hưng Đạo, Phường Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Điện thoại: 0292 373 5345

Email: hamaco@hamaco.vn

TỜ TRÌNH

V/v: Danh sách Đoàn chủ tọa, Ban Thư ký, Ban Kiểm phiếu

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 (Luật Doanh nghiệp);
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang;
- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị số 35/NQ/HĐQT.2026 ngày 07/02/2026.

Đề Đại hội tiến hành theo đúng chương trình, Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, cho ý kiến và thông qua nhân sự Đoàn chủ tọa, Ban Thư ký và Ban Kiểm phiếu như sau:

I. ĐOÀN CHỦ TỌA

1. Ông Lê Hoàng Nam - Chủ tịch HĐQT - Chủ tọa;
2. Ông Phạm Ngọc Minh - Phó Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch UBKT (Thành viên HĐQT độc lập) - Thành viên;
3. Ông Mai Bảo Ngọc - Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc - Thành viên;
4. Ông Đào Đức Đại - Thành viên HĐQT, Thành viên UBKT - Thành viên;
5. Bà Lâm Thị Trúc Hà - Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc - Thành viên.

II. BAN THƯ KÝ

1. Ông Huỳnh Văn Vương - Trưởng Ban;
2. Bà Mai Thanh Tâm - Ủy viên.

III. BAN KIỂM PHIẾU

1. Ông Phạm Đức Cường - Trưởng Ban;
2. Bà Huỳnh Tú Mỹ - Ủy viên;
3. Bà Nguyễn Thị Bé Ghí - Ủy viên;
4. Ông Phạm Đạt Thịnh - Ủy viên;
5. Bà Hồ Thị Thùy Linh - Ủy viên;
6. Bà Lâm Anh Thư - Ủy viên;
7. Ông Nguyễn Anh Thi - Ủy viên;
8. Ông Trần Anh Khoa - Ủy viên;
9. Bà Lê Kim Ngân - Ủy viên;
10. Bà Võ Thị Lệ Chi - Cổ đông cá nhân của Công ty, đồng thời không phải là người lao động và/hoặc người nội bộ, người có liên quan đến người nội bộ của Công ty - Ủy viên.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Lê Hoàng Nam

QUY CHẾ LÀM VIỆC VÀ BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026 CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 (Luật Doanh nghiệp);
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 năm 2019 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang (Điều lệ Công ty);
- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị số 35/NQ/HĐQT.2026 ngày 07/02/2026.

Quy chế làm việc và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang (Quy Chế) bao gồm các điều khoản, như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về trình tự, thủ tục tổ chức và biểu quyết các nội dung tại Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang.
2. Quy chế này áp dụng đối với các đối tượng sau đây:
 - a) Cổ đông và người đại diện theo ủy quyền tham dự, biểu quyết tại Cuộc họp ĐHĐCĐ.
 - b) Đoàn Chủ tọa, Ban Thư ký, Ban Kiểm phiếu, Ban Kiểm tra tư cách cổ đông, Ban Tổ chức và các cá nhân, tổ chức khác có liên quan đến việc tổ chức, điều hành, tham dự, biểu quyết, bầu cử và các hoạt động khác của Cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ và từ viết tắt

1. Công ty: Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang.
2. Cổ đông: Cá nhân hoặc tổ chức sở hữu cổ phần của Công ty.
3. HĐQT: Hội đồng quản trị.
4. ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông.
5. Cuộc họp ĐHĐCĐ: Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.
6. Người tham dự họp: Cổ đông của Công ty, người đại diện theo ủy quyền hợp pháp, hợp lệ của Cổ đông của Công ty, đáp ứng điều kiện tham dự Cuộc họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 5 Quy Chế này.
7. Ban Tổ chức: Gồm Chủ tọa, những người được Chủ tọa giới thiệu vào Đoàn Chủ tọa, Ban Kiểm phiếu, Ban Thư ký, Ban Kiểm tra tư cách cổ đông, Người dẫn

chương trình Cuộc họp ĐHĐCĐ (MC) và những người khác do Chủ tọa quyết định.

8. Thông báo mời họp: Thư mời họp ĐHĐCĐ ngày 10/02/2026 của Công ty.
9. Giấy tờ pháp lý của cá nhân: Một trong các loại giấy tờ sau đây: Căn cước công dân, Căn cước, Hộ chiếu, hoặc giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác.
10. Các thuật ngữ, từ viết tắt không được định nghĩa, giải thích khác trong Quy Chế này, thì được định nghĩa, giải thích theo Điều lệ.

Điều 3. Nguyên tắc làm việc của Cuộc họp ĐHĐCĐ

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ đảm bảo nguyên tắc làm việc công khai, công bằng, dân chủ và minh bạch, tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
2. Việc tổ chức và điều hành Cuộc họp phải bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của Cổ đông, đồng thời phù hợp với chiến lược và mục tiêu phát triển bền vững của Công ty.
3. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được tổ chức bảo đảm an ninh, trật tự, kỷ luật và hiệu quả, tạo điều kiện để Cổ đông thực hiện đầy đủ quyền tham dự, thảo luận và biểu quyết theo quy định.
4. Các nội dung đã được thể hiện trong tờ trình, báo cáo, quy chế và tài liệu họp đã gửi đến Cổ đông và/hoặc công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty có thể được trình bày tóm tắt tại Cuộc họp ĐHĐCĐ, với điều kiện không làm thay đổi bản chất, nội dung và giá trị pháp lý của các tài liệu đã công bố.

Điều 4. Hồ sơ đăng ký tham dự Cuộc họp ĐHĐCĐ

Trước khi vào phòng họp, tại thời điểm kiểm tra và đăng ký tham dự Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Cổ đông hoặc người được ủy quyền hợp pháp phải xuất trình các hồ sơ, giấy tờ sau để Ban Kiểm tra tư cách cổ đông đối chiếu:

1. Đối với Cổ đông là cá nhân:
 - a) Trường hợp Cổ đông trực tiếp tham dự Cuộc họp ĐHĐCĐ, Cổ đông xuất trình bản gốc Giấy tờ pháp lý của cá nhân còn thời hạn sử dụng.
 - b) Trường hợp Cổ đông ủy quyền tham dự Cuộc họp ĐHĐCĐ, Người được ủy quyền phải:
 - i) Xuất trình bản gốc Giấy tờ pháp lý của cá nhân còn thời hạn sử dụng;
 - ii) Xuất trình và nộp Giấy ủy quyền hợp lệ;
Giấy ủy quyền hợp lệ phải thỏa mãn đồng thời các quy định sau:
 - Theo đúng quy định tại Khoản 2 Điều 144 Luật Doanh nghiệp 2020: Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy

định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

- Tổng số cổ phần được ủy quyền không vượt quá số cổ phần có quyền biểu quyết mà Cổ đông sở hữu, kể cả trường hợp Cổ đông ủy quyền cho nhiều người;
- Được Cổ đông ký, ghi rõ họ tên; không bị tẩy xóa, sửa chữa, làm sai lệch nội dung. Trường hợp sử dụng bản sao/bản điện tử, phải được gửi từ địa chỉ thư điện tử của Cổ đông có trong danh sách Cổ đông chốt quyền và bản xuất trình tại Cuộc họp phải trùng khớp với bản Công ty đã nhận.

2. Đối với Cổ đông là tổ chức:

- a) Trường hợp người tham dự Cuộc họp ĐHĐCĐ là Người đại diện theo pháp luật của Cổ đông, Người tham dự phải xuất trình bản gốc Giấy tờ pháp lý của cá nhân còn thời hạn sử dụng và tài liệu chứng minh tư cách Người đại diện theo pháp luật của Cổ đông, bao gồm Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trích lục thông tin đăng ký doanh nghiệp hợp lệ hoặc tài liệu hợp pháp khác do cơ quan có thẩm quyền ghi nhận.
- b) Trường hợp người tham dự Cuộc họp ĐHĐCĐ là người được ủy quyền, Người được ủy quyền phải:
 - i) Xuất trình bản gốc Giấy tờ pháp lý cá nhân còn thời hạn sử dụng của Người được ủy quyền;
 - ii) Xuất trình và nộp Giấy ủy quyền hợp lệ.

Giấy ủy quyền hợp lệ phải thỏa mãn đồng thời các quy định sau:

- Theo đúng quy định tại Khoản 2 Điều 144 Luật Doanh nghiệp 2020: Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.
- Tổng số cổ phần được ủy quyền không vượt quá số cổ phần có quyền biểu quyết mà Cổ đông sở hữu, kể cả trường hợp Cổ đông ủy quyền cho nhiều người;
- Được người đại diện theo pháp luật của Cổ đông ký, đóng dấu hợp lệ; không bị tẩy xóa, sửa chữa hoặc làm sai lệch nội dung. Trường hợp sử dụng bản sao/bản điện tử, phải được gửi từ địa chỉ thư điện tử

của Cổ đông có trong danh sách Cổ đông chốt quyền và bản xuất trình tại Cuộc họp phải trùng khớp với bản Công ty đã nhận.

Trường hợp Người tham dự không xuất trình hoặc xuất trình không đầy đủ, hợp lệ các hồ sơ, giấy tờ theo quy định tại Điều này, Ban Kiểm tra tư cách cổ đông có quyền từ chối công nhận tư cách tham dự Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Người tham dự.

Điều 5. Điều kiện tham dự Cuộc họp ĐHĐCĐ

1. Là Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty có tên trong Danh sách Cổ đông của Công ty tại ngày đăng ký cuối cùng (ngày 04/02/2026) để lập Danh sách Cổ đông có quyền tham dự Cuộc họp ĐHĐCĐ, bao gồm cổ đông đã lưu ký cổ phần theo danh sách do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp và cổ đông chưa lưu ký cổ phần theo Sổ đăng ký cổ đông của Công ty; hoặc
2. Người được Cổ đông tại khoản 1 Điều này ủy quyền hợp lệ để tham dự Cuộc họp ĐHĐCĐ.

Người ủy quyền và người được ủy quyền tự chịu trách nhiệm về tính chính xác, xác thực của chữ ký và nội dung trên văn bản ủy quyền đối với các bên liên quan và cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Công ty và Ban Kiểm tra tư cách cổ đông không chịu trách nhiệm và không có nghĩa vụ xác minh chữ ký trên văn bản ủy quyền. Trường hợp có căn cứ nghi ngờ về tính hợp pháp của văn bản ủy quyền, Công ty có quyền báo cáo cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy định pháp luật.

3. Cách thức đăng ký tham dự Cuộc họp ĐHĐCĐ:
 - a) Người tham dự xuất trình hồ sơ theo Điều 4 Quy chế này tại khu vực kiểm tra tư cách cổ đông;
 - b) Người tham dự ký xác nhận tham dự trên Danh sách tham dự do Ban Kiểm tra tư cách cổ đông chuẩn bị;
 - c) Ban Kiểm tra tư cách cổ đông kiểm tra, xác nhận tư cách hợp lệ và cấp Thẻ biểu quyết (theo mẫu đính kèm Quy Chế này) và Phiếu bầu cử theo quy định tại Quy Chế đề cử, ứng cử, bầu cử cho Người tham dự họp.

Điều 6. Điều kiện tiến hành Cuộc họp ĐHĐCĐ

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi tổng số Cổ đông tham dự trực tiếp hoặc thông qua người được ủy quyền hợp lệ, đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp Cuộc họp ĐHĐCĐ không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì việc triệu tập và tiến hành Cuộc họp ĐHĐCĐ lần tiếp theo sẽ được tiến hành theo quy định của Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Luật Doanh nghiệp.

3. Các quy định khác liên quan đến điều kiện tiến hành Cuộc họp ĐHĐCĐ và triệu tập lại Cuộc họp ĐHĐCĐ được thực hiện theo Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Cổ đông đối với việc tham dự Cuộc họp ĐHĐCĐ

1. Quyền của Cổ đông
 - a) Tham dự và phát biểu trong Cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện được ủy quyền.
 - b) Được nhận Thẻ biểu quyết, Phiếu bầu cử và các tài liệu khác theo quy định từ Ban Tổ chức của Cuộc họp ĐHĐCĐ.
 - c) Được tham gia thảo luận tại Cuộc họp ĐHĐCĐ theo các nội dung nằm trong chương trình họp của Cuộc họp ĐHĐCĐ.
 - d) Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và pháp luật có liên quan.
2. Nghĩa vụ của Cổ đông
 - a) Thực hiện đầy đủ thủ tục đăng ký tham dự Cuộc họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Quy chế này;
 - b) Khi có nhu cầu phát biểu, đăng ký theo hướng dẫn của Chủ tọa hoặc Ban Thư ký, nêu rõ mã tham dự, tên Cổ đông và nội dung phát biểu; nội dung phát biểu phải ngắn gọn, đúng trọng tâm và phù hợp với chương trình họp ĐHĐCĐ;
 - c) Tuân thủ Quy chế này, Điều lệ Công ty, pháp luật có liên quan và sự điều hành của Chủ tọa, giữ gìn trật tự, kỷ luật và an ninh tại Cuộc họp ĐHĐCĐ, tôn trọng kết quả biểu quyết hợp pháp của Cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 8. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông

1. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông do HĐQT Công ty quyết định thành lập và có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:
 - a) Kiểm tra, xác nhận điều kiện tham dự Cuộc họp ĐHĐCĐ của Cổ đông;
 - b) Kiểm tra, xác định và tổng hợp số lượng Cổ đông, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Cổ đông tham dự Cuộc họp, trực tiếp hoặc thông qua người được ủy quyền;
 - c) Báo cáo trước Cuộc họp ĐHĐCĐ về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Cuộc họp ĐHĐCĐ.
2. Thành phần Ban Kiểm tra tư cách cổ đông phải bảo đảm tính khách quan, độc lập, trong đó:

- a) Ít nhất một (01) thành viên là Cổ đông của Công ty, đồng thời không phải là người lao động, người quản lý, người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ của Công ty;
- b) Ít nhất một (01) thành viên là nhân sự thuộc Ban Kiểm toán nội bộ của Công ty.
- c) Ban Kiểm tra tư cách cổ đông có thể bố trí thành viên hỗ trợ để thực hiện nhiệm vụ. Trưởng Ban Kiểm tra tư cách cổ đông quyết định số lượng và phân công thành viên hỗ trợ theo yêu cầu thực tế.

Điều 9. Ban Kiểm phiếu

1. Ban Kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được ĐHĐCĐ thông qua để thực hiện việc kiểm phiếu tại Cuộc họp ĐHĐCĐ. Số lượng thành viên Ban Kiểm phiếu do ĐHĐCĐ quyết định thông qua. Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:
 - a) Chuẩn bị và quản lý thùng phiếu, Thẻ biểu quyết, Phiếu bầu cử; phổ biến nguyên tắc, cách thức biểu quyết và bầu cử;
 - b) Hướng dẫn Cổ đông và người được ủy quyền thực hiện việc biểu quyết, bầu cử theo chương trình họp ĐHĐCĐ;
 - c) Tổ chức kiểm phiếu, tổng hợp và xác nhận kết quả biểu quyết, bầu cử;
 - d) Báo cáo và công bố kết quả biểu quyết, bầu cử đối với từng nội dung tại Cuộc họp ĐHĐCĐ;
 - e) Tiếp nhận, xem xét và báo cáo Chủ tọa những trường hợp vi phạm quy định về biểu quyết, bầu cử hoặc các khiếu nại, kiến nghị liên quan đến việc biểu quyết, bầu cử (nếu có) tại Cuộc họp ĐHĐCĐ.
2. Ban Kiểm phiếu có tối thiểu bảy (07) thành viên, trong đó có ít nhất một (01) thành viên độc lập, là hoặc không phải là Cổ đông của Công ty, nhưng không tham gia điều hành và không có lợi ích liên quan trực tiếp đến nội dung biểu quyết, bầu cử.
3. Ban Kiểm phiếu có thể bố trí thành viên hỗ trợ để thực hiện nhiệm vụ. Trưởng Ban Kiểm phiếu quyết định số lượng và phân công thành viên hỗ trợ theo yêu cầu thực tế. Thành viên hỗ trợ không phải là thành viên Ban Kiểm phiếu và không tham gia quyết định, ký xác nhận kết quả kiểm phiếu.

Điều 10. Chủ tọa và Đoàn Chủ tọa

1. Chủ tịch HĐQT làm Chủ tọa Cuộc họp ĐHĐCĐ. Trong thời gian diễn ra Cuộc họp ĐHĐCĐ, Chủ tọa có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác thực hiện nhiệm vụ Chủ tọa trong toàn bộ hoặc một phần thời gian, trên cơ sở thông báo tại Cuộc họp ĐHĐCĐ.
2. Đoàn Chủ tọa gồm Chủ tọa và các Thành viên khác do Chủ tọa chỉ định và được ĐHĐCĐ thông qua.

3. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa

a) Quyền của Chủ tọa:

- i) Điều hành Cuộc họp theo chương trình đã được ĐHĐCĐ; quyết định trình tự, thủ tục và biện pháp xử lý các vấn đề phát sinh trong và ngoài chương trình họp, bảo đảm Cuộc họp ĐHĐCĐ diễn ra đúng quy định;
- ii) Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Đoàn Chủ tọa trong việc điều hành thảo luận, tổ chức biểu quyết, bầu cử và tiếp nhận, giải đáp ý kiến tại Cuộc họp ĐHĐCĐ;
- iii) Tổ chức, sắp xếp việc phát biểu của Cổ đông và người tham dự, trên cơ sở đăng ký phát biểu, thời lượng chương trình và mức độ liên quan đến nội dung Chương trình họp;
- iv) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
- v) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- vi) Ký biên bản và nghị quyết của Cuộc họp;
- vii) Quyết định việc hoãn cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc thay đổi địa điểm họp đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp ĐHĐCĐ dự định khai mạc trong các trường hợp sau đây:
 - Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
- viii) Thực hiện các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế này.

b) Nghĩa vụ của Chủ tọa:

- i) Phân công và giới thiệu các thành viên Đoàn Chủ tọa trình bày báo cáo, tờ trình và các nội dung để Đại hội đồng cổ đông xem xét, thảo luận và thông qua tại Cuộc họp ĐHĐCĐ;
- ii) Tiếp nhận ý kiến, câu hỏi của Người tham dự theo một trong các hình thức sau:
 - Gửi trước hoặc trong Cuộc họp ĐHĐCĐ thông qua kênh tiếp nhận do Ban Tổ chức công bố;
 - Đặt câu hỏi trực tiếp tại Cuộc họp ĐHĐCĐ theo trình tự và sự điều phối của Chủ tọa;

- iii) Trả lời hoặc chỉ định người có thẩm quyền trả lời các ý kiến, câu hỏi; bảo đảm nội dung thảo luận đúng chương trình, đúng thời lượng và tuân thủ trật tự Cuộc họp ĐHĐCĐ.
4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Đoàn Chủ tọa
- a) Quyền của thành viên Đoàn Chủ tọa:
 - i) Hỗ trợ Chủ tọa trong việc điều phối thảo luận và tổ chức biểu quyết, bầu cử đối với các nội dung thuộc chương trình họp ĐHĐCĐ;
 - ii) Tiếp nhận, trả lời hoặc ghi nhận ý kiến của Người tham dự theo phân công của Chủ tọa, bảo đảm nội dung thảo luận đúng chương trình;
 - iii) Thực hiện các quyền khác theo phân công của Chủ tọa và quy định của Quy chế này.
 - b) Nghĩa vụ của thành viên Đoàn Chủ tọa:
 - i) Tư vấn, tham mưu cho Chủ tọa trong việc xử lý các vấn đề phát sinh ngoài chương trình họp (nếu có) trong quá trình diễn ra Cuộc họp;
 - ii) Tuân thủ Quy chế, chương trình họp, các nghị quyết của ĐHĐCĐ và thực hiện đầy đủ phân công của Chủ tọa trong suốt Cuộc họp ĐHĐCĐ.
5. Người dẫn chương trình họp ĐHĐCĐ (MC) thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ Chủ tọa và Đoàn Chủ tọa theo phân công của Chủ tọa, không có thẩm quyền độc lập trong việc điều hành, quyết định nội dung hoặc kết quả biểu quyết tại Cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 11. Ban Thư ký Cuộc họp ĐHĐCĐ

Chủ tọa chỉ định một hoặc một số người làm Ban Thư ký Cuộc họp.

1. Ban Thư ký có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:
- a) Ghi chép đầy đủ, trung thực diễn biến Cuộc họp ĐHĐCĐ và các nội dung được ĐHĐCĐ thông qua, bao gồm cả các ý kiến, nội dung còn bảo lưu tại Cuộc họp ĐHĐCĐ;
 - b) Tiếp nhận và tổng hợp đăng ký phát biểu, câu hỏi của Người tham dự và chuyển đến Chủ tọa để điều hành thảo luận;
 - c) Soạn thảo, trình Chủ tọa ký và công bố Biên bản Cuộc họp ĐHĐCĐ và Nghị quyết đối với các nội dung đã được thông qua;
 - d) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Chủ tọa và theo Quy chế này.

Điều 12. Biểu quyết và thông qua các nội dung tại Cuộc họp ĐHĐCĐ

1. Nguyên tắc:
- a) Tất cả các nội dung thuộc chương trình họp của Cuộc họp ĐHĐCĐ đều được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết của tất cả Cổ đông và người được

- ủy quyền hợp lệ thông qua Thẻ biểu quyết, Phiếu bầu cử theo Quy chế này. Mỗi Người tham dự được cấp Thẻ biểu quyết, Phiếu bầu cử ghi rõ tên Cổ đông và số cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng;
- b) Cuộc họp chỉ thảo luận và thông qua các nội dung đã được đưa vào chương trình họp;
 - c) Tỷ lệ thông qua đối với từng nội dung được thực hiện theo Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật hiện hành;
 - d) Toàn bộ hoạt động biểu quyết, bầu cử tại Cuộc họp được Ban Kiểm phiếu giám sát, kiểm tra và xác nhận kết quả.
2. Biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết (theo mẫu ban hành kèm theo Quy chế này):
- a) Thẻ biểu quyết do Ban Tổ chức phát hành theo mẫu, có dấu treo của Công ty, ghi rõ họ và tên của Cổ đông, số cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng;
 - b) Mục đích sử dụng: Biểu quyết đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ, bao gồm thông qua thành phần Đoàn Chủ tọa, Ban Kiểm phiếu, Quy chế này và Chương trình họp ĐHĐCĐ; bầu cử thành viên HĐQT (Danh sách đề cử, ứng cử; Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử,...); thông qua Biên bản, Nghị quyết và các nội dung phát sinh hợp lệ tại Cuộc họp ĐHĐCĐ;
 - c) Cách thức sử dụng: Người tham dự giơ Thẻ biểu quyết để thể hiện ý kiến theo một trong các phương án: “Tán thành”, “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến” khi Chủ tọa yêu cầu. Ban Kiểm phiếu thực hiện đếm, tổng hợp và xác nhận kết quả bằng cách đếm số Thẻ biểu quyết tán thành, sau đó đếm số Thẻ biểu quyết không tán thành và cuối cùng là đếm số Thẻ biểu quyết không có ý kiến.
 - d) Công bố và hiệu lực: Kết quả biểu quyết được Ban Kiểm phiếu báo cáo và Chủ tọa công bố ngay tại Cuộc họp ĐHĐCĐ; nghị quyết đối với nội dung được thông qua có hiệu lực ngay tại Cuộc họp ĐHĐCĐ.
3. Bầu cử bằng Phiếu bầu cử: Theo quy định tại Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử thành viên HĐQT.

Điều 13. Biên bản và Nghị quyết Cuộc họp ĐHĐCĐ

- 1. Việc ghi và lập Biên bản Cuộc họp ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều 150 Luật Doanh nghiệp 2020 và các điều khoản tương ứng tại Điều lệ Công ty.
- 2. Biên bản Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được Ban Thư ký đọc tại Cuộc họp và được ĐHĐCĐ thông qua trước khi bế mạc. Biên bản Cuộc họp là căn cứ để ban hành Nghị quyết của ĐHĐCĐ.
- 3. Trên cơ sở Biên bản Cuộc họp ĐHĐCĐ và dự thảo Nghị quyết đã được công bố, Chủ tọa thay mặt ĐHĐCĐ ký ban hành Nghị quyết của ĐHĐCĐ đối với các nội dung đã được thông qua.

4. Biên bản Cuộc họp ĐHĐCĐ và Nghị quyết của ĐHĐCĐ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ thời điểm kết thúc Cuộc họp.
5. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan đến kết quả biểu quyết, bầu cử, ĐHĐCĐ giao Chủ tọa phối hợp với Ban Kiểm phiếu và Ban Kiểm tra tư cách cổ đông xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 14. Hiệu lực thi hành

Quy chế này gồm 14 điều và có hiệu lực kể từ thời điểm được ĐHĐCĐ thông qua, phù hợp với pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty./.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Lê Hoàng Nam

Phụ lục: Mẫu Thẻ biểu quyết
*(đính kèm Quy chế làm việc và biểu quyết tại Cuộc họp Đại hội
đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty Cổ phần Vật tư Hậu
Giang)*



HAMACO[®]
NHÀ PHÂN PHỐI CHUYÊN NGHIỆP

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG
Ngày 03/03/2026

<Mã barcode>

THẺ BIỂU QUYẾT

Mã số tham dự:

Tên cổ đông/người tham dự:

Số cổ phần sở hữu: cổ phần

Số cổ phần nhận ủy quyền: cổ phần

Tổng số lượng cổ phần biểu quyết: cổ phần



GIẤY XÁC NHẬN THAM DỰ/ỦY QUYỀN

**V/v: Tham dự và biểu quyết tại Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang (HAMACO)**

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Tên cổ đông:.....
Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu/GCNĐKDN: Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....
Người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức):
Địa chỉ:Điện thoại:
Hiện đang sở hữu (theo Danh sách cổ đông chốt ngày 04/02/2026): cổ phần của HAMACO.
(sau đây gọi là “Bên Ủy Quyền”)

Bằng văn bản này, tôi xác nhận: ☐ Trực tiếp tham dự ☐ Ủy quyền cho (chọn một trong hai mục dưới đây):

1. Ủy quyền cho cá nhân/tổ chức

Tên cá nhân/tổ chức:

Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu/GCNĐKDN:.....Ngày cấp:Nơi cấp:

Người đại diện theo pháp luật (nếu là tổ chức):

Địa chỉ:Điện thoại:

Hoặc

2. Ủy quyền cho một trong những thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) sau đây: (đánh dấu ✓ hoặc X vào 01 ô được lựa chọn)

☐ Ông Lê Hoàng Nam - Chủ tịch HĐQT ☐ Ông Phạm Ngọc Minh - TV độc lập HĐQT, Chủ tịch UBKT

☐ Ông Đào Đức Đại - TV HĐQT, TV UBKT ☐ Bà Lâm Thị Trúc Hà - TV HĐQT, Phó Tổng Giám đốc

☐ Ông Mai Bảo Ngọc - TV HĐQT, TGD

(sau đây gọi là “Bên Được Ủy Quyền”)

NỘI DUNG ỦY QUYỀN

Bên Được Ủy Quyền được thay mặt Bên Ủy Quyền tham dự, thảo luận và biểu quyết toàn bộ số cổ phần thuộc quyền sở hữu của Bên Ủy Quyền đối với tất cả các nội dung tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang, được tổ chức vào ngày 03/03/2026.

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký và chấm dứt hiệu lực khi Đại hội kết thúc hoặc khi Bên Ủy Quyền có thông báo bằng văn bản về việc hủy bỏ ủy quyền hoặc theo quy định của pháp luật.

Bên Được Ủy Quyền không được ủy quyền lại cho bên thứ ba, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Các bên cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đồng thời không phát sinh bất kỳ khiếu nại, khiếu kiện nào liên quan đến việc ủy quyền này.

....., ngày tháng năm 2026

BÊN ĐƯỢC NHẬN QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên; đóng dấu nếu là tổ chức)

BÊN ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên; đóng dấu nếu là pháp nhân)

Ghi chú:

- Trường hợp cổ đông không trực tiếp tham dự họp ĐHĐCĐ và ủy quyền cho cá nhân khác, người được ủy quyền khi đến dự họp vui lòng xuất trình: Giấy xác nhận tham dự/ủy quyền này (bản gốc), Thư mời họp của cổ đông ủy quyền và CCCD/Căn cước/Hộ chiếu (bản chính) của người được ủy quyền để Ban Tổ chức kiểm tra, đối chiếu tư cách tham dự và quyền biểu quyết.
- Trường hợp Bên được ủy quyền là tổ chức, vui lòng xuất trình văn bản ủy quyền của tổ chức cho người đại diện của tổ chức đó tham dự họp ĐHĐCĐ (đính kèm theo CCCD/Căn cước/Hộ chiếu của người đại diện tham dự).
- Trường hợp cổ đông trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho một trong những thành viên HĐQT tham dự họp ĐHĐCĐ thì vui lòng gửi bản gốc Giấy ủy quyền đã ký về Công ty theo địa chỉ: Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang, Địa chỉ 184 Trần Hưng Đạo, Phường Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam trước 16 giờ 00 ngày 25/02/2026.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2025 VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2026

Kính thưa Quý Cổ đông!

Năm 2025, Công ty hoạt động trong bối cảnh thị trường còn nhiều biến động, đặc biệt là chu kỳ điều chỉnh của bất động sản và áp lực chi phí đầu vào. Trước bối cảnh đó, Hội đồng Quản trị định hướng điều hành theo nguyên tắc kỷ luật tài chính, ổn định hoạt động, kiểm soát rủi ro và từng bước củng cố nền tảng cho giai đoạn phát triển tiếp theo.

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, Hội đồng Quản trị kính trình Quý cổ đông báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 và kế hoạch kinh doanh năm 2026 để xem xét và thông qua.

I. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025

1. Tình hình chung

Năm 2025, kinh tế Việt Nam duy trì tăng trưởng tích cực với GDP đạt 8%, song sự phục hồi giữa các khu vực còn phân hóa, trong đó xây dựng và bất động sản dân dụng tiếp tục chậm. Mặt bằng lãi suất hạ nhiệt nhưng dòng vốn vào khu vực tư nhân thận trọng, cùng biến động chi phí năng lượng tiếp tục tạo áp lực lên biên lợi nhuận của doanh nghiệp vật liệu xây dựng.

Trong bối cảnh đầu tư công đóng vai trò lực đỡ chính cho tiêu thụ xi măng và bê tông, trong khi phân khúc dân dụng còn trầm lắng, Công ty xác định năm 2025 là giai đoạn vận hành theo nguyên tắc bảo toàn dòng tiền, tăng trưởng có chọn lọc. Dưới sự giám sát của HĐQT và điều hành của Ban Tổng Giám đốc, Công ty đã chủ động điều chỉnh chiến lược, kiểm soát tồn kho, tập trung vào phân khúc có khả năng thanh khoản cao, qua đó duy trì hoạt động ổn định và củng cố nền tảng cho giai đoạn phát triển tiếp theo.

2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh năm 2025

Bảng kết quả kinh doanh năm 2025

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	% thực hiện kế hoạch 2025	Tăng/giảm 2025 so 2024
Doanh thu thuần	Tr.đ	3.400.000	3.292.409	96,8%	9,1%
Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	45.000	51.299	114%	5,3%
Tỷ lệ chi trả cổ tức	%	10	10	100%	0%

Trên cơ sở bối cảnh thị trường nêu trên, Công ty đã điều hành theo hướng thận trọng, linh hoạt cơ cấu hàng hóa, kiểm soát chặt chi phí và ưu tiên chất lượng tăng trưởng. Nhờ đó, doanh thu vẫn duy trì mức tăng so với năm trước; lợi nhuận vượt kế hoạch và tiếp tục cải thiện; tỷ lệ cổ tức được thực hiện đúng kế hoạch, bảo đảm quyền lợi cổ đông và chủ động cân đối nguồn lực cho mục tiêu phát triển dài hạn.

a) Tình hình tài sản

Chỉ tiêu chính	Đơn vị tính	2024	2025
Tài sản ngắn hạn	Tr.đ	623.930	735.784
Tài sản dài hạn	Tr.đ	452.149	430.938
Tổng tài sản	Tr.đ	1.076.079	1.166.722

b) Tình hình công nợ và hàng tồn kho

Chỉ tiêu chính	Đơn vị tính	2024	2025
Phải thu khách hàng	Tr.đ	244.005	261.931
Hàng tồn kho	Tr.đ	135.461	189.302

c) Cơ cấu vốn

Chỉ tiêu chính	Đơn vị tính	2024	2025
- Tổng nợ phải trả	Tr.đ	790.530	848.460
+ Nợ ngắn hạn	Tr.đ	679.055	698.171
+ Nợ dài hạn	Tr.đ	111.475	150.289
- Tổng vốn chủ sở hữu	Tr.đ	285.549	318.262
Tổng nguồn vốn	Tr.đ	1.076.079	1.166.722

d) Năng lực hoạt động và khả năng thanh toán

Chỉ tiêu chính	Đơn vị tính	2024	2025
Ngày thu tiền bình quân trong kỳ	Ngày	34	28
Ngày lưu kho bình quân trong kỳ	Ngày	18	20
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,7	0,8

e) Cơ cấu chi phí

Chỉ tiêu chính	Đơn vị tính	2024	2025
Chi phí giá vốn hàng bán	Tr.đ	2.654.976	2.948.849
Chi phí bán hàng	Tr.đ	202.511	190.230
Chi phí quản lý doanh nghiệp	Tr.đ	86.307	87.749
Chi phí lãi vay ngân hàng	Tr.đ	36.908	33.895

f) Đầu tư xây dựng cơ bản

Hạng mục	Đơn vị tính	2024	2025
Đầu tư xây dựng cơ bản	Tr.đ	62.281	35.519
Xây dựng cơ bản dở dang	Tr.đ	983	3.425
Tổng	Tr.đ	63.264	38.944

g) Thu nhập bình quân của người lao động

Hạng mục	Đơn vị tính	2024	2025
Thu nhập bình quân/người/tháng	Nghìn đồng	12.850	13.870

II. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giai đoạn 2021 - 2025

Giai đoạn 2021 - 2025, Công ty hoạt động trong bối cảnh thị trường nhiều biến động, Công ty vẫn duy trì quy mô doanh thu ổn định, lợi nhuận phục hồi từ năm 2023 và đạt khoảng 50 tỷ đồng vào năm 2025. Vốn chủ sở hữu tăng hơn 100 tỷ đồng, từ khoảng 210 tỷ đồng năm 2021 lên trên 310 tỷ đồng vào năm 2025, đồng thời Công ty duy trì chính sách cổ tức ổn định, thể hiện định hướng điều hành theo nguyên tắc kỷ luật tài chính - an toàn dòng tiền - tăng trưởng có chọn lọc.

Bảng kết quả kinh doanh giai đoạn 2021 - 2025

Chỉ tiêu	ĐVT	2021	2022	2023	2024	2025
1. Doanh thu thuần	Tr.đ	3.087.570	4.021.572	3.131.016	3.019.120	3.292.409
2. Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	46.577	26.265	40.230	48.723	51.299
3. Tổng tài sản	Tr.đ	1.183.652	1.238.508	1.335.754	1.076.079	1.166.723
4. Vốn chủ sở hữu	Tr.đ	210.560	224.125	253.604	285.549	318.262
5. Cổ tức (%)	%	12	10	10	12	10

III. Mục tiêu kinh doanh giai đoạn 2026 - 2030

Trên cơ sở kết quả hoạt động giai đoạn 2021 - 2025 và bối cảnh thị trường dự báo còn nhiều biến động, Công ty định hướng mục tiêu giai đoạn 2026 - 2030 theo nguyên tắc tăng trưởng có chọn lọc - an toàn tài chính - nâng cao hiệu quả, nhằm củng cố nền tảng và tạo giá trị bền vững cho cổ đông. Mục tiêu tài chính chủ yếu:

- Doanh thu tăng trưởng bình quân: 5 - 8%/năm.
- Lợi nhuận sau thuế tăng trưởng bình quân: 8 - 12%/năm.
- Duy trì cơ cấu tài chính lành mạnh, kiểm soát hệ số nợ và bảo đảm khả năng thanh toán an toàn.
- Vốn chủ sở hữu tăng trưởng ổn định, hướng tới quy mô 400 - 500 tỷ đồng vào cuối giai đoạn.
- Duy trì chính sách cổ tức tiền mặt ổn định trong khoảng 10 - 12%/năm, phù hợp kết quả kinh doanh và dòng tiền.
- Thực hiện cổ phiếu thưởng vào cuối giai đoạn trên cơ sở kết quả tích lũy lợi nhuận, khả năng dòng tiền và tuân thủ quy định pháp luật hiện hành.

IV. Kế hoạch kinh doanh năm 2026

1. Tình hình chung

Bước sang năm 2026, môi trường kinh doanh dự báo tiếp tục chịu tác động đan xen giữa bất ổn toàn cầu và các yếu tố nội tại đang cải thiện, trong đó đầu tư công giữ vai trò động lực tăng trưởng chủ đạo, còn thị trường bất động sản được kỳ vọng phục hồi theo lộ trình tháo gỡ pháp lý và cải thiện niềm tin. Trước triển vọng phục hồi mang tính chọn lọc của ngành vật liệu xây dựng, Công ty xác định chiến lược điều hành trên nguyên tắc thận trọng - chủ động - linh hoạt, tránh tăng trưởng nóng và ưu tiên bảo toàn vốn, nâng cao hiệu quả và chuẩn bị nền tảng cho phát triển bền vững dài hạn.

2. Mục tiêu chung

- Tập trung tăng trưởng có chọn lọc, ưu tiên các ngành hàng và sản phẩm có tỷ suất lợi nhuận cao, dòng tiền tốt và rủi ro thấp, từng bước cải thiện chất lượng tăng trưởng và cơ cấu lợi nhuận của toàn hệ thống.
- Duy trì hoạt động sản xuất ổn định và hiệu quả, phát huy vai trò của các mảng sản xuất và dịch vụ có lợi thế cạnh tranh, đồng thời kiểm soát chặt chẽ chi phí vận hành, tồn kho và công nợ nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.
- Bảo toàn và phát triển vốn cho cổ đông, đảm bảo cân đối hài hòa giữa mục tiêu tăng trưởng, an toàn tài chính và lợi ích dài hạn của cổ đông; tiếp tục nâng cao tính minh bạch, kỷ luật tài chính và hiệu quả quản trị theo chuẩn mực của doanh nghiệp niêm yết.

3. Mục tiêu cụ thể

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026	Tăng/giảm 2026 so 2025
1. Doanh thu thuần	Tr.đ	3.292.409	3.500.000	6,3%
2. Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	51.299	55.000	7,2%
3. Cổ tức (%/mệnh giá cổ phiếu)	%	10	10	0%

4. Định hướng và giải pháp trọng tâm năm 2026

Để triển khai hiệu quả mục tiêu kinh doanh năm 2026 trong bối cảnh thị trường còn nhiều biến động, Công ty tập trung phát huy lợi thế nội tại và tăng cường điều hành chủ động, linh hoạt, kịp thời trong ra quyết định; trên cơ sở đó, triển khai các nhóm giải pháp trọng tâm sau:

a) Khóa mục tiêu - khóa nguồn lực

HĐQT phê duyệt kế hoạch kinh doanh kèm các ngưỡng kiểm soát về vốn, công nợ, tồn kho và rủi ro, bảo đảm mọi quyết định điều hành gắn với biên lợi nhuận tối thiểu và an toàn dòng tiền.

b) Điều hành theo kịch bản

Ban Điều hành vận hành theo các kịch bản thị trường; HĐQT kích hoạt cơ chế điều chỉnh ngay khi các chỉ số trọng yếu (doanh thu, biên lợi nhuận, tồn kho, dòng tiền) vượt ngưỡng kiểm soát.

c) Kỷ luật tài chính và dòng tiền

Siết công nợ theo hạn mức, kiểm soát tồn kho theo định mức; đầu tư/mua sắm tài sản chỉ phê duyệt khi có thẩm định hiệu quả và kế hoạch hoàn vốn rõ ràng.

d) Quản trị rủi ro chủ động

Ban hành danh mục rủi ro trọng yếu năm 2026; báo cáo cảnh báo sớm định kỳ và xử lý kịp thời các rủi ro vượt ngưỡng kiểm soát.

e) Con người gắn với kết quả

Quản lý bắt buộc gắn 3 trụ: tăng trưởng - hiệu quả - tuân thủ; đãi ngộ gắn liền với kết quả và trách nhiệm.

f) Điều hành bằng dữ liệu

Triển khai dashboard điều hành thời gian thực về doanh thu, biên lợi nhuận, tồn kho, công nợ và dòng tiền để ra quyết định nhanh, đúng và nhất quán.

Hội đồng Quản trị cam kết tiếp tục thực hiện vai trò định hướng chiến lược, giám sát và trách nhiệm cao nhất, đồng hành cùng Ban Điều hành trong việc nâng cao giá trị doanh nghiệp và bảo vệ lợi ích hợp pháp của cổ đông.

Trên đây là Báo cáo kết quả kinh doanh 2025 và kế hoạch kinh doanh 2026 của HĐQT tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Hoàng Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2026

Kính thưa Quý Cổ đông!

Trong bối cảnh kinh tế - tài chính tiếp tục biến động, Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang kiên định định hướng quản trị thận trọng, minh bạch và kỷ luật tài chính, lấy hiệu quả sử dụng vốn và lợi ích dài hạn của cổ đông làm trọng tâm trong mọi quyết định chiến lược và giám sát điều hành.

Năm 2025, HĐQT đã thực hiện đầy đủ vai trò định hướng chiến lược, giám sát điều hành và kiểm soát nội bộ; phối hợp chặt chẽ với Ban Điều hành trong công tác quản trị tài chính, quản lý rủi ro và tối ưu hóa dòng tiền, qua đó duy trì ổn định hoạt động và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông.

1. Kết quả nhiệm kỳ 2020 - 2025

Năm 2025 khép lại nhiệm kỳ 2020 - 2025 của HĐQT trong bối cảnh Công ty hoạt động giữa nhiều biến động của môi trường kinh tế - thị trường, bao gồm tác động kéo dài của đại dịch Covid-19 và khó khăn của thị trường bất động sản, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất - kinh doanh và các ngành hàng trọng điểm. Trên cơ sở đó, HĐQT tập trung vào các trụ cột quản trị xuyên suốt: (1) bảo toàn và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, (2) kiểm soát rủi ro tài chính và vận hành, và (3) củng cố nền tảng quản trị theo hướng minh bạch - tuân thủ - phát triển bền vững.

a) Kết quả tích cực, tạo đà phát triển giai đoạn tiếp theo

- i) Công ty duy trì đà tăng trưởng ổn định và từng bước mở rộng quy mô hoạt động. Các chỉ tiêu về hiệu quả vận hành và năng lực tài chính được cải thiện theo lộ trình, góp phần củng cố vị thế trên thị trường và tạo nền tảng cho việc triển khai các mục tiêu phát triển trong giai đoạn tiếp theo.
- ii) Vốn chủ sở hữu cuối năm 2025 đạt hơn 310 tỷ đồng, tăng trên 47% so với năm 2020, chủ yếu từ nguồn tích lũy lợi nhuận sau thuế.
- iii) Trong giai đoạn 5 năm, HĐQT duy trì chính sách cổ tức ổn định, thể hiện cam kết đối với cổ đông; Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 50% năm 2021 và chi trả cổ tức tiền mặt mức 12% các năm 2021 và 2024, cùng mức 10% cho các năm còn lại, phù hợp với kết quả hoạt động và khả năng tài chính.

b) Ứng dụng công nghệ trong quản trị

Công ty triển khai các giải pháp công nghệ trong quản lý hàng tồn kho, bán hàng và kế toán, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị nội bộ, gia tăng khả năng tiếp cận và gắn kết khách hàng.

c) Tăng cường hệ thống quản trị, kiểm soát nội bộ và tuân thủ

HĐQT chỉ đạo rà soát, hoàn thiện Điều lệ, quy chế nội bộ và cơ chế kiểm soát nhằm bảo đảm phù hợp quy định pháp luật và thông lệ quản trị doanh nghiệp; củng cố hệ thống quản trị rủi ro theo hướng phòng ngừa, phát hiện và xử lý kịp thời rủi ro pháp lý, tài chính và vận hành.

d) Củng cố năng lực tài chính và quản trị dòng tiền

Công ty tập trung kiểm soát chi phí, quản lý công nợ, tối ưu tồn kho và cân đối dòng tiền, nâng cao khả năng thanh toán và an toàn tài chính.

e) Phát triển nguồn nhân lực và bộ máy điều hành

HĐQT giám sát việc kiện toàn tổ chức, bổ nhiệm, phân công và đánh giá đội ngũ quản lý; thúc đẩy đào tạo, phát triển năng lực và xây dựng đội ngũ kế thừa.

f) Minh bạch thông tin và quan hệ cổ đông

Công ty thực hiện công bố thông tin đầy đủ, kịp thời theo quy định pháp luật; duy trì kênh trao đổi với cổ đông và các bên liên quan, bảo đảm quyền tiếp cận thông tin.

2. Tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025, HĐQT báo cáo kết quả triển khai như sau:

a) Về Kế hoạch kinh doanh năm 2025

HĐQT ban hành nghị quyết triển khai, giao Tổng Giám đốc xây dựng chương trình hành động, ngân sách và hệ thống chỉ tiêu giám sát theo quý; theo dõi, đánh giá định kỳ.

b) Về Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024

Tổ chức trích lập các quỹ và chi trả cổ tức đúng tỷ lệ, thời hạn được ĐHĐCĐ phê duyệt.

c) Về Báo cáo thù lao, tiền lương của HĐQT năm 2024

Việc chi trả được thực hiện theo mức được ĐHĐCĐ phê duyệt và thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

d) Về Kế hoạch chi trả thù lao, tiền lương của HĐQT năm 2025

HĐQT ban hành quyết định triển khai, giao Chủ tịch HĐQT tổ chức phân bổ và chi trả theo thẩm quyền.

e) Về Kế hoạch chi trả cổ tức năm 2025

HĐQT đã xác định thời điểm chốt danh sách cổ đông và tổ chức chi tạm ứng cổ tức theo phương án được ĐHĐCĐ thông qua; đồng thời thực hiện công bố thông tin và báo cáo theo đúng quy định hiện hành.

f) Về Kế hoạch lựa chọn Công ty kiểm toán năm tài chính 2025

HĐQT đã thực hiện việc lựa chọn và ký kết hợp đồng với Công ty kiểm toán đáp ứng điều kiện theo quy định, bảo đảm độc lập, năng lực chuyên môn và danh sách được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

g) Về Đổi tên trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Công ty đã hoàn tất thủ tục đăng ký thay đổi tên doanh nghiệp tại cơ quan đăng ký kinh doanh; đồng thời cập nhật đồng bộ trên con dấu, hóa đơn, hồ sơ pháp lý, hệ thống nhận diện và các kênh công bố thông tin.

h) Về Quy chế họp ĐHĐCĐ trực tuyến và Quy chế hướng dẫn bỏ phiếu điện tử

HĐQT đã ban hành và đưa vào áp dụng các Quy chế theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ; tổ chức hướng dẫn triển khai cho các bộ phận liên quan nhằm bảo đảm việc tổ chức họp và biểu quyết được thực hiện minh bạch, an toàn và phù hợp với quy định pháp luật.

Nhìn chung, HĐQT xác nhận các nội dung của Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 đã được tổ chức triển khai đầy đủ, đúng thẩm quyền và phù hợp với quy định pháp luật, Điều lệ và các quy chế nội bộ của Công ty; đồng thời tiếp tục duy trì cơ chế giám sát, đánh giá định kỳ nhằm bảo đảm hiệu quả, minh bạch và phát triển bền vững trong quá trình thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

3. Báo cáo về công tác quản trị Công ty năm 2025

Căn cứ quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty, HĐQT báo cáo công tác quản trị Công ty trong năm 2025 với các nội dung chủ yếu như sau:

a) Tổng kết các cuộc họp của HĐQT và các quyết định của HĐQT

Trong năm 2025, HĐQT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và họp theo yêu cầu, bảo đảm tuân thủ pháp luật, Điều lệ và Quy chế hoạt động của HĐQT; các hình thức họp trực tiếp, lấy ý kiến bằng văn bản được áp dụng phù hợp, bảo đảm tính hợp lệ.

HĐQT tập trung xem xét, quyết định các vấn đề trọng tâm về định hướng chiến lược, kế hoạch sản xuất – kinh doanh, quản trị tài chính, quản trị rủi ro, nhân sự quản lý và công bố thông tin. Các nghị quyết, quyết định được giao Tổng Giám đốc và Ban Điều hành triển khai; HĐQT thực hiện giám sát, đánh giá định kỳ về tiến độ, hiệu quả và mức độ tuân thủ, qua đó góp phần nâng cao hiệu lực quản trị và hiệu quả điều hành của Công ty.

Xem chi tiết thông tin về thành viên HĐQT, các cuộc họp HĐQT và các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT tại mục II.1, II.2 và II.5 của Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2025 được đăng tải trên website của HAMACO.

b) Báo cáo đánh giá về các giao dịch giữa Công ty với các bên liên quan

HDQT đã giám sát và đánh giá các giao dịch giữa Công ty và các bên liên quan theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ và quy chế nội bộ; các giao dịch phát sinh được phê duyệt đúng thẩm quyền, bảo đảm nguyên tắc minh bạch, công bằng và phù hợp với điều kiện thị trường, không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông.

Chi tiết báo cáo giao dịch giữa Công ty với các bên liên quan tại Phụ lục 02 của Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2025 được đăng tải trên website của HAMACO.

c) Hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc HDQT

Ủy ban kiểm toán đã thực hiện chức năng giám sát về tuân thủ pháp luật, hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và chất lượng báo cáo tài chính theo quy định và Quy chế hoạt động. Các nội dung giám sát, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán được báo cáo HDQT để xem xét, chỉ đạo Ban Điều hành và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện; qua đó góp phần nâng cao tính minh bạch, trung thực của thông tin tài chính và hiệu quả quản trị của Công ty.

Chi tiết hoạt động của Ủy ban kiểm toán tại Mục III của Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2025 được đăng tải trên website của HAMACO.

d) Hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc HDQT

Trong năm 2025, Ban Kiểm toán nội bộ đã thực hiện chức năng kiểm tra, đánh giá việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ, quy chế nội bộ và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và quy trình tài chính - kế toán của Công ty theo kế hoạch được phê duyệt; đồng thời thực hiện vai trò hỗ trợ Ủy ban kiểm toán trong việc rà soát chất lượng báo cáo tài chính, theo dõi việc thực hiện các kiến nghị của kiểm toán độc lập và báo cáo kịp thời các vấn đề trọng yếu phát sinh cho HDQT và Ủy ban kiểm toán để xem xét, chỉ đạo.

Chi tiết thành phần và hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ tại Mục II.4, Mục III của Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2025 được đăng tải trên website của HAMACO.

4. Báo cáo hoạt động giám sát của HDQT đối với Tổng giám đốc và Ban điều hành trong năm 2025

HDQT đã thực hiện chức năng giám sát đối với Tổng Giám đốc và Ban Điều hành nhằm bảo đảm hoạt động điều hành tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ và các quy chế nội bộ, đồng thời bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông. HDQT triển khai giám sát thông qua việc phê duyệt và điều chỉnh kế hoạch kinh doanh, theo dõi việc thực hiện nghị quyết của HDQT và Đại hội đồng cổ đông, giám sát công tác quản trị tài chính, quản lý công nợ, tồn kho và đầu tư; kiểm soát việc tuân thủ pháp luật, công bố thông tin, giao dịch với bên liên quan,

chất lượng báo cáo tài chính và việc thực hiện các kiến nghị của kiểm toán độc lập, Ủy ban kiểm toán và Ban Kiểm toán nội bộ.

Kết quả giám sát cho thấy Ban Điều hành đã tổ chức triển khai hoạt động theo đúng thẩm quyền, duy trì ổn định sản xuất - kinh doanh, bảo đảm an toàn tài chính, tuân thủ pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin.

Chi tiết nội dung giám sát, đánh giá và các biện pháp thực hiện được trình bày tại Mục II.3, Mục III của Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2025 được đăng tải trên website của HAMACO.

5. Báo cáo thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT năm 2025

Việc chi trả thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT trong năm 2025 được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, bảo đảm minh bạch, đúng thẩm quyền và phù hợp với mức độ tham gia, trách nhiệm của từng thành viên.

Hạng mục	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025
Tổng tiền lương (đối với thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành)	2.250.000.000 đồng	2.227.679.830 đồng
Thù lao Hội đồng quản trị 2024 (chi trả trong năm 2025)	1.042.229.870 đồng	1.042.229.870 đồng
Thù lao Hội đồng quản trị 2025 (tính theo 2,5% lợi nhuận sau thuế hợp nhất) tạm tính	1.126.356.586 đồng	Chi trả trong năm 2026

Chi tiết thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT năm 2025 được trình bày tại Mục 9.1 của Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 được đăng tải trên website của HAMACO.

6. Báo cáo tiền lương, thưởng, thu nhập khác của Tổng Giám đốc và người quản lý khác

Hạng mục	Tiền lương, thưởng	Thù lao	Tổng thu nhập 2025
Tổng Giám đốc	724.003.165 đồng	192.947.567 đồng	916.950.733 đồng

Chi tiết tiền lương, thưởng, thu nhập khác của Tổng Giám đốc và người quản lý khác năm 2025 được trình bày tại Mục 9.1 của Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 được đăng tải trên website của HAMACO.

7. Kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT

a) Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm qua, HĐQT đã thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT. HĐQT tổ chức các cuộc họp định kỳ và họp theo yêu cầu, thông qua nghị quyết, quyết định về các vấn đề trọng yếu liên quan đến định hướng chiến lược, kế hoạch sản xuất - kinh doanh, quản trị tài chính, quản trị rủi ro, đầu tư, tổ chức bộ máy và công bố thông tin.

Các nghị quyết, quyết định của HĐQT được triển khai kịp thời, có giám sát và đánh giá định kỳ về tiến độ, hiệu quả và mức độ tuân thủ; qua đó góp phần duy trì sự ổn định hoạt động, nâng cao hiệu quả điều hành và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông.

b) Kết quả hoạt động của từng thành viên HĐQT

Các thành viên HĐQT đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích tốt nhất của Công ty và cổ đông; tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT, đóng góp ý kiến, biểu quyết đối với các nội dung thuộc thẩm quyền theo quy định.

Trên cơ sở phân công nhiệm vụ, từng thành viên HĐQT đã theo dõi, giám sát các lĩnh vực được giao, phối hợp với Ban Điều hành trong việc triển khai nghị quyết, quyết định của HĐQT; kịp thời báo cáo, đề xuất và kiến nghị các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản trị, kiểm soát rủi ro và tuân thủ pháp luật.

Đối với thành viên HĐQT độc lập, HĐQT ghi nhận vai trò trong việc đưa ra ý kiến khách quan, góp phần tăng cường tính minh bạch, phòng ngừa xung đột lợi ích và nâng cao chất lượng quyết định quản trị.

c) Kết quả hoạt động của thành viên HĐQT độc lập trong Ủy ban kiểm toán

Chi tiết được trình bày tại Báo cáo hoạt động của thành viên HĐQT độc lập trong Ủy ban kiểm toán.

d) Đánh giá chung

HĐQT đánh giá tập thể HĐQT và từng thành viên đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ và các quy chế nội bộ; thể hiện tinh thần trách nhiệm, phối hợp và đồng thuận cao trong quá trình ra quyết định, qua đó góp phần nâng cao hiệu lực quản trị và hỗ trợ Ban Điều hành thực hiện các mục tiêu phát triển của Công ty trong giai đoạn tiếp theo.

8. Kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2026

HĐQT xây dựng kế hoạch hoạt động năm 2026 với các nội dung trọng tâm như sau:

- a) **Định hướng chiến lược và kế hoạch sản xuất - kinh doanh:** Rà soát, phê duyệt và giám sát triển khai kế hoạch kinh doanh năm 2026 trên cơ sở đánh giá diễn biến thị trường, năng lực tài chính và nguồn lực của Công ty; bảo đảm mục tiêu tăng trưởng gắn với hiệu quả, an toàn tài chính và phát triển bền vững.
 - b) **Quản trị tài chính, dòng tiền và đầu tư:** Giám sát lập và thực hiện ngân sách, quản lý công nợ, tồn kho và dòng tiền; xem xét, quyết định chủ trương đầu tư, mua sắm tài sản và sử dụng nguồn vốn theo thẩm quyền, bảo đảm tuân thủ pháp luật và hiệu quả sử dụng vốn.
 - c) **Tăng cường kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro:** Tiếp tục hoàn thiện quy chế, quy trình nội bộ; giám sát nhận diện, đánh giá và kiểm soát rủi ro pháp lý, tài chính và vận hành; nâng cao hiệu quả phối hợp giữa HĐQT, Ủy ban kiểm toán và Ban Kiểm toán nội bộ.
 - d) **Tổ chức bộ máy và nhân sự quản lý:** Giám sát kiện toàn cơ cấu tổ chức, bổ nhiệm, đánh giá và phát triển đội ngũ quản lý; xây dựng đội ngũ kế thừa, gắn kết kết quả thực hiện nhiệm vụ với cơ chế đãi ngộ và trách nhiệm giải trình.
 - e) **Minh bạch thông tin và quan hệ cổ đông:** Chỉ đạo thực hiện công bố thông tin đầy đủ, kịp thời; duy trì cơ chế trao đổi với cổ đông và các bên liên quan, nâng cao chất lượng báo cáo quản trị và báo cáo thường niên.
 - f) **Ứng dụng công nghệ trong quản trị:** Định hướng tiếp tục ứng dụng công nghệ trong công tác quản trị, giám sát và báo cáo nhằm nâng cao hiệu quả điều hành, tăng tính minh bạch và thúc đẩy ra quyết định dựa trên dữ liệu.
- 9. Định hướng hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ 2026 - 2030**
- Trên cơ sở kết quả nhiệm kỳ 2020 - 2025 và bối cảnh kinh tế - thị trường dự báo tiếp tục biến động, HĐQT xác định định hướng phát triển giai đoạn 2026 - 2030 theo các trụ cột sau:
- a) **Phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh:** Cùng cố vị thế doanh nghiệp phân phối vật tư uy tín, mở rộng thị trường và danh mục ngành hàng theo lộ trình phù hợp với năng lực tài chính và điều kiện thị trường.
 - b) **An toàn tài chính và hiệu quả sử dụng vốn:** Duy trì cơ cấu tài chính lành mạnh, kiểm soát đòn bẩy, tối ưu vòng quay vốn và quản lý rủi ro tín dụng, công nợ và tồn kho.
 - c) **Hoàn thiện hệ thống quản trị theo thông lệ tốt:** Nâng cao chất lượng quản trị công ty; tăng cường vai trò giám sát của HĐQT, Ủy ban kiểm toán và Ban Kiểm toán nội bộ; hướng tới tiệm cận các chuẩn mực quản trị tiên tiến.
 - d) **Chuyển đổi số và hiện đại hóa quản trị:** Từng bước mở rộng, hoàn thiện ứng dụng công nghệ trong quản lý vận hành, tài chính, bán hàng và quan hệ cổ đông; nâng cao năng lực phân tích, báo cáo và hỗ trợ ra quyết định.

- e) **Phát triển nguồn nhân lực và văn hóa doanh nghiệp:** Xây dựng đội ngũ chuyên nghiệp, gắn kết, đề cao trách nhiệm, tuân thủ và hiệu quả; thúc đẩy đào tạo, kế thừa và phát triển lãnh đạo.
- f) **Gắn kết lợi ích cổ đông và các bên liên quan:** Bảo đảm hài hòa lợi ích giữa cổ đông, người lao động, đối tác và khách hàng; duy trì chính sách cổ tức phù hợp với kết quả kinh doanh và định hướng phát triển dài hạn.

Năm 2026, HĐQT ưu tiên kỷ luật tài chính và hiệu quả vận hành, lấy dòng tiền và vòng quay vốn làm nền để mở rộng tăng trưởng có chọn lọc. HĐQT cam kết tiếp tục thực hiện vai trò định hướng chiến lược, giám sát độc lập và trách nhiệm giải trình cao nhất; đồng hành cùng Ban Điều hành trong việc nâng cao giá trị doanh nghiệp, bảo vệ lợi ích hợp pháp của cổ đông và các bên liên quan, hướng tới sự phát triển ổn định, minh bạch và bền vững của Công ty trong giai đoạn tiếp theo.

Trên đây là Báo cáo kết quả hoạt động 2025 và kế hoạch hoạt động 2026 của HĐQT tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Hoàng Nam

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG
CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP TRONG ỦY BAN KIỂM TOÁN
TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG!

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 (Luật Doanh nghiệp);
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 năm 2019 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang;
- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;
- Căn cứ Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán.

Thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) độc lập trong Ủy ban kiểm toán (UBKT) xin báo cáo kết quả hoạt động trong năm 2025 tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 như sau:

I. Tổ chức và cơ chế hoạt động của UBKT

1. Thành phần UBKT

UBKT trực thuộc HĐQT Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang gồm có 02 thành viên:

STT	Họ tên	Chức danh	Vị trí UBKT	Ngày bổ nhiệm
1	Ông Phạm Ngọc Minh	Phó Chủ tịch HĐQT, thành viên độc lập	Chủ tịch	03/05/2021
2	Ông Đào Đức Đại	Thành viên HĐQT không điều hành	Thành viên	03/05/2021

2. Cơ chế hoạt động của UBKT

UBKT hoạt động theo Quy chế hoạt động của UBKT do HĐQT ban hành phù hợp với Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật hiện hành.

II. Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán

1. Các cuộc họp của UBKT

STT	Họ tên	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Phạm Ngọc Minh	4/4	100%
2	Ông Đào Đức Đại	4/4	100%

2. Các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán

- a) Ủy ban kiểm toán đã duy trì việc tổ chức các cuộc họp định kỳ theo quý nhằm thực hiện chức năng định hướng, tư vấn và giám sát đối với hoạt động của Ban Kiểm toán nội bộ trong quá trình triển khai công tác kiểm toán nội bộ tại Công ty. Trên cơ sở đó, UBKT đã xem xét, cho ý kiến và chỉ đạo Ban Kiểm toán nội bộ xây dựng, triển khai Kế hoạch kiểm toán nội bộ giai đoạn năm 2025, bao gồm chương trình hành động và các nội dung chuyên môn liên quan.
- b) Các kết luận, khuyến nghị của Ủy ban kiểm toán, được đưa ra trên cơ sở phân tích các kết quả kiểm toán cụ thể của Ban Kiểm toán nội bộ, đã được báo cáo và gửi đến Hội đồng quản trị và Ban Điều hành để xem xét, tổ chức thực hiện. Đồng thời, UBKT cũng đề xuất các biện pháp nhằm tăng cường kiểm soát và hạn chế rủi ro trong hoạt động của Công ty.

III. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của UBKT và từng thành viên UBKT trong năm 2025

1. Chi tiết thù lao năm 2025 của các thành viên Ủy ban kiểm toán được thể hiện trong phần thuyết minh của Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025. Ngoài phần thù lao này, các thành viên UBKT không hưởng thêm các khoản lợi ích hay thù lao nào khác.
2. Chi phí hoạt động của UBKT năm 2025 tuân thủ theo đúng quy định của các quy định và quy chế nội bộ của Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang.

IV. Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty năm 2025

1. UBKT thống nhất và thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán độc lập. Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành, phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của Công ty; không phát hiện các sai sót trọng yếu có thể ảnh hưởng đến tính trung thực của Báo cáo tài chính.
2. Các vấn đề quan trọng được thảo luận công khai, dân chủ tại các cuộc họp HĐQT và được xem xét, đánh giá một cách thấu đáo, thận trọng nhằm đi đến quyết định thống nhất trước khi ban hành Nghị quyết. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT được ban hành đúng thẩm quyền, đảm bảo tính hợp pháp, hợp lệ và được công bố thông tin kịp thời theo quy định của pháp luật.
3. Công ty kiểm toán độc lập được lựa chọn đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về năng lực chuyên môn, tính độc lập và khách quan trong việc đưa ra ý kiến kiểm toán, phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

V. Đánh giá về các giao dịch với bên liên quan theo quy định trong năm 2025

Đánh giá các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty kiểm soát với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và người có liên quan; cũng như các giao dịch với doanh nghiệp mà các đối tượng này là thành viên sáng lập hoặc người quản lý trong vòng 03 năm gần nhất:

1. Các giao dịch với các bên liên quan được kiểm soát chặt chẽ, tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ về kiểm soát giao dịch với bên liên quan;
2. Không phát hiện xung đột lợi ích trong quá trình thực hiện các giao dịch và đã được công bố thông tin đầy đủ, kịp thời theo quy định của pháp luật.

VI. Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty trong năm 2025

1. HĐQT và Ban Điều hành thường xuyên rà soát, cập nhật, sửa đổi và bổ sung kịp thời các quy chế, quy định liên quan đến công tác bán hàng, quản lý công nợ và rủi ro tài chính nhằm đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế và các quy định hiện hành.
2. UBKT thực hiện chức năng giám sát và hỗ trợ Ban Kiểm toán nội bộ trong việc đánh giá, rà soát mức độ đầy đủ và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, qua đó kiến nghị các biện pháp cải tiến nhằm nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro trong toàn Công ty.
3. HĐQT và Ban Điều hành thường xuyên theo dõi sát diễn biến thị trường, thực hiện công tác dự báo và xây dựng các phương án phù hợp nhằm hạn chế rủi ro liên quan đến hàng tồn kho, công nợ và các rủi ro đặc thù của từng ngành hàng.
4. UBKT nhận định hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty cơ bản phù hợp với quy mô và đặc thù hoạt động, tuy nhiên cần tiếp tục hoàn thiện theo hướng chuẩn hóa và số hóa.

VII. Kết quả giám sát đối với HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp

1. Kết quả giám sát đối với hoạt động của HĐQT
 - a) Nhằm đảm bảo việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng quý để đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, thảo luận công khai và ban hành các quyết định kịp thời trên cơ sở tuân thủ Quy chế hoạt động của HĐQT.
 - b) Bên cạnh các cuộc họp định kỳ, HĐQT tổ chức họp bất thường hoặc lấy ý kiến bằng hình thức email, văn bản đối với các vấn đề cấp thiết và ban hành các kết luận, quyết định kịp thời.

- c) Các cuộc họp của HĐQT được tổ chức đúng trình tự, thủ tục theo quy định; nội dung các cuộc họp được báo cáo, thảo luận, xem xét một cách đầy đủ, thận trọng và đưa ra các giải pháp phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.
 - d) HĐQT đã lập Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2025 phản ánh đầy đủ, trung thực tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2025 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2026.
2. Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc và người điều hành khác
- a) Ban Điều hành đã tổ chức triển khai kịp thời, đầy đủ các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT dưới sự giám sát của HĐQT, đảm bảo phù hợp với định hướng và mục tiêu đã đề ra.
 - b) Trong quá trình hoạt động và triển khai các Nghị quyết, quyết định của HĐQT, Ban Điều hành chủ động báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo của HĐQT đối với các vấn đề phát sinh, khó khăn, vướng mắc nhằm đảm bảo hiệu quả điều hành.
 - c) Công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Giám đốc và người điều hành khác được thực hiện đúng thẩm quyền, đảm bảo tuân thủ Điều lệ, Quy chế và các quy định nội bộ của Công ty.

VIII. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa UBKT với HĐQT, Tổng Giám đốc và các cổ đông

- 1. UBKT nhận được sự phối hợp và hợp tác đầy đủ từ HĐQT, Ban Điều hành và đội ngũ cán bộ quản lý tại các phòng ban chức năng, các đơn vị bán hàng trong việc cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết phục vụ công tác kiểm tra, giám sát.
- 2. UBKT thực hiện hoạt động phối hợp với các bên liên quan theo đúng Quy chế hoạt động của UBKT và các quy định nội bộ của Công ty.
- 3. Tổng Giám đốc, các thành viên Ban Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý luôn tạo điều kiện thuận lợi, đáp ứng kịp thời và đầy đủ các yêu cầu của UBKT trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

IX. Kết quả giám sát kiểm toán nội bộ

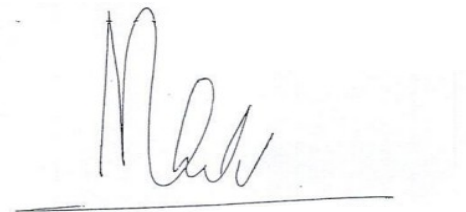
- 1. Chức năng Kiểm toán nội bộ (KTNB) đóng vai trò quan trọng trong việc đánh giá và góp phần nâng cao hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và quản trị công ty, qua đó tăng cường và bảo vệ giá trị của tổ chức. Trên cơ sở đó, UBKT thường xuyên giám sát và tạo điều kiện để KTNB có đầy đủ nguồn lực và điều kiện cần thiết nhằm thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định, đảm bảo hoạt động của KTNB được thực hiện một cách độc lập, khách quan và hiệu quả.

2. Quy chế tổ chức và hoạt động, quy trình và phương pháp KTNB đã được xây dựng và từng bước chuẩn hóa, đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và hướng tới tiệm cận theo các thông lệ tốt về hoạt động kiểm toán nội bộ.
3. Kế hoạch kiểm toán hàng năm được xây dựng trên cơ sở bám sát các rủi ro trọng yếu trong hoạt động của Công ty.
4. Trong năm 2025, KTNB đã hoàn thành kế hoạch kiểm toán theo đúng tiến độ và nguồn lực đã đề ra. Kết quả kiểm toán nội bộ cho thấy hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty được thiết kế phù hợp và vận hành hiệu quả; các đơn vị và quy trình được kiểm toán có mức độ tuân thủ tốt, các phát hiện chủ yếu liên quan đến các rủi ro ở mức độ thấp, không phát sinh rủi ro trọng yếu ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.
5. Thông qua hoạt động kiểm toán nội bộ, hiệu quả hoạt động và nhận thức về tuân thủ của các đơn vị từng bước được nâng cao, qua đó góp phần tích cực vào việc thực hiện các mục tiêu hoạt động chung của Công ty.

Trên đây là báo cáo hoạt động trong năm 2025 của thành viên HĐQT độc lập trong UBKT.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

**TM. ỦY BAN KIỂM TOÁN
CHỦ TỊCH**



Phạm Ngọc Minh



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International

Số: 028/2026/BCKTHN-CT.00287

PKF

Accountants &
business advisers

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

**Quý Cổ đông, các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang (được gọi tắt là "Công ty") và các Công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 26 tháng 02 năm 2026, từ trang 05 đến trang 46 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH

Phó Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0600-2023-009-1

LÂM HOÀI NHÂN

Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 5907-2023-009-1

Người được ủy quyền

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH CẦN THƠ

Thành phố Cần Thơ, ngày 26 tháng 02 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

	Mã	Thuyết	31/12/2025	01/01/2025
	số	minh		
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		735.784.121.062	623.929.704.012
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	75.275.321.252	75.832.658.187
Tiền	111		55.275.321.252	61.201.171.022
Các khoản tương đương tiền	112		20.000.000.000	14.631.487.165
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	118.681.039.183	164.524.029.923
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		118.681.039.183	164.524.029.923
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		345.443.633.959	239.604.222.370
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	261.930.586.176	244.005.262.463
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4.1	16.413.428.460	13.849.909.901
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5.1	137.167.239.704	42.162.213.925
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(70.067.620.381)	(60.413.163.919)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140	5.8	188.715.802.013	135.461.153.500
Hàng tồn kho	141		189.302.322.099	135.461.153.500
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(586.520.086)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		7.668.324.655	8.507.640.032
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9.1	2.100.985.870	3.938.766.437
Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.651.568.280	2.885.539.521
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.18	1.915.770.505	1.683.334.074
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

	Mã	Thuyết	31/12/2025	01/01/2025
	số	minh		
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		430.938.521.869	452.149.440.502
Các khoản phải thu dài hạn	210		61.900.505.000	76.857.360.000
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212	5.4.2	59.431.050.000	59.431.050.000
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.7	-	-
Phải thu dài hạn khác	216	5.5.2	32.185.070.000	29.312.520.000
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	5.6	(29.715.615.000)	(11.886.210.000)
Tài sản cố định	220		324.933.039.055	339.809.980.509
Tài sản cố định hữu hình	221	5.11	218.102.712.529	230.570.620.729
Nguyên giá	222		479.677.332.261	485.145.959.715
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(261.574.619.732)	(254.575.338.986)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.12	106.830.326.526	109.239.359.780
Nguyên giá	228		130.954.966.374	131.855.076.374
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(24.124.639.848)	(22.615.716.594)
Bất động sản đầu tư	230	5.13	8.148.876.259	8.499.054.423
Nguyên giá	231		15.157.601.023	15.157.601.023
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(7.008.724.764)	(6.658.546.600)
Tài sản dở dang dài hạn	240		3.424.883.704	983.125.827
Chi phí sản xuất, KD dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.14	3.424.883.704	983.125.827
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	8.700.000.000	4.500.000.000
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		8.700.000.000	4.500.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		23.831.217.851	21.499.919.743
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9.2	21.395.675.506	17.611.169.911
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.10	1.591.086.024	2.323.728.452
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
Lợi thế thương mại	269	5.15	844.456.321	1.565.021.380
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.166.722.642.931	1.076.079.144.514

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

	Mã	Thuyết	31/12/2025	01/01/2025
	số	minh		
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		848.460.481.161	790.530.322.186
Nợ ngắn hạn	310		698.171.097.965	679.055.048.878
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.16	108.576.277.691	111.532.190.809
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.17	39.797.716.538	13.956.374.581
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.18	4.957.838.707	5.004.044.531
Phải trả người lao động	314		28.093.162.644	30.922.192.299
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.19	3.711.975.282	11.095.557.641
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		630.252.525	542.479.137
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.20.1	26.104.767.773	30.194.322.449
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.21.1	478.392.814.352	469.362.607.955
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.22	7.906.292.453	6.445.279.476
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		150.289.383.196	111.475.273.308
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337	5.20.2	15.494.047.223	12.965.471.722
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.21.2	134.795.335.973	98.509.801.586
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

	Mã	Thuyết	31/12/2025	01/01/2025
	số	minh		
NGUỒN VỐN				
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		318.262.161.770	285.548.822.328
Vốn chủ sở hữu	410	5.23	318.262.161.770	285.548.822.328
Vốn góp của chủ sở hữu	411		96.380.610.000	96.380.610.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		96.380.610.000	96.380.610.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		622.500.000	622.500.000
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		20.027.951.362	20.027.951.362
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		163.166.367.137	132.073.573.898
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		118.112.103.709	90.339.379.099
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		45.054.263.428	41.734.194.799
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		38.064.733.271	36.444.187.068
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.166.722.642.931	1.076.079.144.514

LÂM ANH THƯ
Người lập biểu

LÂM THỊ THU HIỀN
Kế toán trưởng



MAI BẢO NGỌC
Tổng Giám đốc

TP.Cần Thơ, ngày 26 tháng 02 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: 184, Trần Hưng Đạo, Phường Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	3.372.622.175.324	3.063.883.273.230
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	80.213.505.790	44.763.397.189
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		3.292.408.669.534	3.019.119.876.041
Giá vốn hàng bán	11	6.3	2.948.849.171.572	2.654.975.688.560
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		343.559.497.962	364.144.187.481
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	10.706.576.748	11.027.347.667
Chi phí tài chính	22	6.5	37.844.466.276	39.518.064.572
Trong đó: chi phí lãi vay	23		33.894.621.998	36.907.913.554
Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
Chi phí bán hàng	25	6.6	190.230.213.054	202.511.139.144
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	87.748.821.234	86.307.129.524
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		38.442.574.146	46.835.201.908
Thu nhập khác	31	6.8	26.584.192.562	10.755.516.314
Chi phí khác	32	6.9	1.254.278.887	689.525.027
Lợi nhuận khác	40		25.329.913.675	10.065.991.287
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		63.772.487.821	56.901.193.195
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.18	11.739.993.293	7.539.138.055
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	6.10	732.642.428	638.608.667
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		51.299.852.100	48.723.446.473
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		45.054.263.428	41.734.194.799
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		6.245.588.672	6.989.251.674
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.12	4.675	4.093

LÂM ANH THƯ
Người lập biểu

LÂM THỊ THU HIỀN
Kê toán trưởng



MAI BẢO NGỌC
Tổng Giám đốc

TP.Cần Thơ, ngày 26 tháng 02 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: 184, Trần Hưng Đạo, Phường Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		63.772.487.821	56.901.193.195
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		42.718.706.979	42.561.028.225
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03		28.070.381.548	28.265.684.557
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(30.330.774.392)	(17.016.017.929)
Chi phí lãi vay	06		33.894.621.998	36.907.913.554
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		138.125.423.954	147.619.801.602
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(96.650.564.397)	146.938.840.523
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(60.692.231.430)	28.211.987.652
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(3.404.040.592)	(115.070.481.142)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.252.932.637)	(8.004.697.244)
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(36.394.805.494)	(33.728.684.058)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(11.433.507.850)	(7.455.219.096)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		1.000.000	14.652.350
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(966.176.870)	(1.344.801.647)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(72.667.835.316)	157.181.398.940
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(34.300.369.695)	(68.556.660.306)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		29.448.507.579	14.361.379.909
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(40.857.009.260)	(172.836.710.660)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24		82.500.000.000	99.961.013.479
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(601.100.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.292.000.173	41.446.784.519
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		41.482.028.797	(85.624.193.059)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33	7.1	3.081.620.783.586	3.439.401.633.382
Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(3.036.305.042.802)	(3.664.898.062.205)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(14.687.271.200)	(13.402.496.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		30.628.469.584	(238.898.925.223)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(557.336.935)	(167.341.719.342)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		75.832.658.187	243.174.377.529
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5.1	75.275.321.252	75.832.658.187

LÂM ANH THU
Người lập biểu

LÂM THỊ THU HIỀN
Kế toán trưởng

MAI BẢO NGỌC
Tổng Giám đốc
TP.Cần Thơ, ngày 26 tháng 02 năm 2026

TỜ TRÌNH

***V/v: Phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2025
và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026***

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 (Luật Doanh nghiệp);
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang;
- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị số 35/NQ/HĐQT.2026 ngày 07/02/2026.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (gọi tắt là lợi nhuận sau thuế), trích lập các quỹ năm 2025 và kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2026 của Công ty:

1. Phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025

a) Kết quả kinh doanh năm 2025 (hợp nhất)

- i) Lợi nhuận sau thuế hợp nhất : 51.299.852.100 đồng;
- ii) Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát: 6.245.588.672 đồng;
- iii) Lợi nhuận sau thuế thuộc cổ đông Công ty mẹ : 45.054.263.428 đồng.

b) Tổng lợi nhuận sau thuế được phân phối

- Tính trên lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ : 45.054.263.428 đồng;
- i) Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (4%) : 1.802.170.537 đồng;
- ii) Chi trả cổ tức (10%/mệnh giá) : 9.638.061.000 đồng;
(đã chi trả trong tháng 02/2026)
- iii) Lợi nhuận còn lại chưa phân phối : 33.614.031.891 đồng;
- iv) Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước : 118.112.103.709 đồng;
- v) Trích nguồn phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu : 28.162.348.638 đồng;
- vi) Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối : 123.563.786.962 đồng.

Việc phân phối lợi nhuận bảo đảm tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty và phù hợp tình hình tài chính, nhu cầu vốn hoạt động của Công ty.

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2026:

- a) Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: Dự kiến trích 4% lợi nhuận sau thuế thuộc cổ đông Công ty mẹ năm 2026;
- b) Chi trả cổ tức năm 2026: Dự kiến tỷ lệ 10%/mệnh giá (bằng tiền mặt). Việc chi trả thù lao Hội đồng quản trị năm 2026 được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Tờ trình về thù lao Hội đồng quản trị năm 2026

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2025, kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026; đồng thời giao Hội đồng quản trị quyết định thời điểm chi trả cổ tức năm 2026 và tổ chức triển khai thực hiện theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**




Lê Hoàng Nam

TỜ TRÌNH

V/v: Báo cáo Tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác của HĐQT năm 2025 và Kế hoạch chi trả thù lao, thưởng của HĐQT năm 2026

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 (Luật Doanh nghiệp);
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang;
- Căn cứ Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông số 01-NQ/ĐHĐCĐ.2025 ngày 03/03/2025;
- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị số 35/NQ/HĐQT.2026 ngày 07/02/2026.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo Tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác của HĐQT năm 2025 và Kế hoạch chi trả Tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác của HĐQT năm 2026 như sau:

1. Báo cáo Tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác của HĐQT năm 2025:

Hạng mục	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025
Tổng tiền lương của Hội đồng quản trị ⁽ⁱ⁾	2.250.000.000 đồng	2.227.679.830 đồng
Thù lao Hội đồng quản trị 2024 (tính theo 2,5% lợi nhuận sau thuế hợp nhất) ⁽ⁱ⁾	1.042.229.870 đồng	1.042.229.870 đồng
Thù lao Hội đồng quản trị 2025 (tính theo 2,5% lợi nhuận sau thuế hợp nhất). ⁽ⁱⁱ⁾	1.126.356.586 đồng	1.126.356.586 đồng (chi trả trong năm 2026)

⁽ⁱ⁾ Chi tiết thu nhập của từng thành viên HĐQT được thể hiện trong Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán.

⁽ⁱⁱ⁾ Thù lao HĐQT năm 2025 sẽ được chi trả trong năm 2026, do đó chi tiết thu nhập của từng thành viên HĐQT trên Thuyết minh báo cáo tài chính năm 2025 chưa bao gồm số liệu này.

2. Phê duyệt Kế hoạch chi trả Tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác của HĐQT năm 2026:

STT	Hạng mục	Kế hoạch 2026
1	Tổng tiền lương (đối với thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành)	1.680.000.000 đồng

2	Tổng thù lao cố định (đối với Hội đồng quản trị không trực tiếp điều hành)	1.440.000.000 đồng
3	Thưởng theo lợi nhuận vượt kế hoạch	10% phần lợi nhuận sau thuế hợp nhất vượt kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, căn cứ theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo Tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác của HĐQT năm 2025 và Kế hoạch chi trả Tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác của HĐQT năm 2026; đồng thời giao Hội đồng quản trị xác định mức thù lao, thưởng cho từng thành viên và thời điểm chi trả. Việc chi trả thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Kính trình.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Lê Hoàng Nam

TỜ TRÌNH

V/v: Lựa chọn công ty kiểm toán cho năm tài chính 2026

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 (Luật Doanh nghiệp);
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang;
- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị số 35/NQ/HĐQT.2026 ngày 07/02/2026.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn công ty kiểm toán cho năm tài chính 2026 với nội dung như sau:

1. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty;
2. Công ty kiểm toán được lựa chọn phải thuộc danh sách được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận;
3. Hội đồng quản trị quyết định phạm vi dịch vụ và mức phí kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Lê Hoàng Nam

TỜ TRÌNH

V/v: Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG!**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 17/06/2020 và các văn bản liên quan;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 26/11/2019 và các văn bản liên quan;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang;
- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị số 36/NQ/HĐQT.2026 ngày 07/02/2026.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu như sau:

1. **Tên cổ phiếu:** Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang
 2. **Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông
 3. **Mã chứng khoán:** HAM
 4. **Mệnh giá:** 10.000 đồng/cổ phiếu
 5. **Vốn điều lệ hiện tại:** 96.380.610.000 đồng
 6. **Số lượng cổ phiếu đã phát hành:** 9.638.061 cổ phiếu
- Trong đó:
- Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 9.638.061 cổ phiếu
 - Tổng số cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
7. **Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành:** 4.819.030 cổ phiếu
 8. **Giá trị phát hành dự kiến tính theo mệnh giá:** 48.190.300.000 đồng
 9. **Hình thức phát hành:** Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
 10. **Đối tượng phát hành:** Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ phiếu. Thời điểm chốt danh sách được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định.
 11. **Tỷ lệ phát hành (số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/số lượng cổ phiếu đang lưu hành):** 50%

- 12. Tỷ lệ thực hiện quyền:** 2:1. Mỗi cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ có 01 quyền nhận thêm cổ phiếu, cứ 02 quyền nhận thêm cổ phiếu sẽ nhận được thêm 01 cổ phiếu mới.
- 13. Phương án xử lý cổ phiếu lẻ:** Số cổ phiếu phát hành thêm cho mỗi cổ đông sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân (nếu có) sẽ được hủy bỏ.
Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 179 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách cổ đông. Với tỷ lệ thực hiện quyền 2:1, cổ đông A được nhận $179 \times 1/2 = 89,5$ cổ phiếu. Theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị, cổ đông A thực nhận 89 cổ phiếu mới. Số phần thập phân là 0,5 cổ phiếu sẽ bị hủy bỏ.
- 14. Nguồn vốn thực hiện:** Quỹ đầu tư phát triển và Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo thứ tự thực hiện như sau:
- Giá trị Quỹ đầu tư phát triển được xác định tại ngày 31/12/2025 căn cứ theo Báo cáo tài chính riêng năm 2025 đã được kiểm toán: 20.027.951.362 đồng.
 - Giá trị Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được xác định tại ngày 31/12/2025 căn cứ theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán: 28.162.348.638 đồng.
- 15. Thời gian thực hiện:** Sau khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua và sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo về việc nhận đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành, dự kiến từ Quý II/2026. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn thời điểm phát hành thích hợp để đảm bảo quyền lợi của cổ đông và theo quy định của pháp luật.
- 16. Đăng ký chứng khoán bổ sung và đăng ký giao dịch bổ sung:** Sau khi hoàn tất đợt phát hành, ĐHĐCĐ thông qua và ủy quyền cho HĐQT thực hiện các thủ tục đăng ký chứng khoán bổ sung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- 17. Thông qua việc thay đổi Vốn điều lệ:** Thông qua việc thay đổi Điều lệ Công ty tại Khoản 1 Điều 6 Điều lệ Công ty và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo về việc nhận được báo cáo kết quả đợt phát hành.
- 18. Trình tự thực hiện chào bán/phát hành:**
Công ty thực hiện việc chào bán/phát hành cổ phiếu theo thứ tự như sau:
- (1) Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.
 - (2) Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động.
 - (3) Chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Công ty.
- 19. Thông qua việc ủy quyền:**
Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề liên quan đến đợt phát hành, cụ thể:
- Chủ động xây dựng và giải trình hồ sơ báo cáo phát hành chứng khoán gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan chức năng khác. Đồng thời, chủ động điều chỉnh phương án phát hành và các hồ sơ khác có liên quan theo tình hình thực

tế của Doanh nghiệp hoặc yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan chức năng khác.

- Lựa chọn ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.
- Chủ động xây dựng phương án đảm bảo tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật.
- Thực hiện các thủ tục, công việc và lựa chọn thời điểm thích hợp để đăng ký chứng khoán bổ sung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) và đăng ký giao dịch chứng khoán bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) số lượng cổ phiếu phát hành thêm theo kết quả thực tế của đợt phát hành sau khi UBCKNN thông báo bằng văn bản về việc nhận được báo cáo kết quả đợt phát hành;
- Thực hiện các thủ tục thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp của Công ty liên quan tới việc thay đổi vốn điều lệ theo kết quả thực tế của đợt phát hành với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo về việc nhận được báo cáo kết quả đợt phát hành;
- Sửa đổi các điều liên quan đến vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo về việc nhận được báo cáo kết quả đợt phát hành;
- Thực hiện các công việc khác có liên quan nhằm đảm bảo cho đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu được thành công;
- Tùy từng trường hợp cụ thể, Hội đồng quản trị được ủy quyền lại cho Chủ tịch HĐQT/Người đại diện theo pháp luật để thực hiện một hoặc một số công việc cụ thể nêu trên.

Trên đây là Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Lê Hoàng Nam

TỜ TRÌNH

V/v: Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 17/06/2020 và các văn bản liên quan;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 26/11/2019 và các văn bản liên quan;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang;
- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị số 36/NQ/HĐQT.2026 ngày 07/02/2026.

Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang kính trình Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thông qua phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động (“ESOP”), với nội dung như sau:

I. Mục đích

- Tạo động lực để người lao động nâng cao hiệu quả làm việc, đóng góp cho sự tăng trưởng Công ty.
- Gắn một phần thu nhập của người lao động với lợi ích cổ đông Công ty.
- Thu hút và giữ chân nhân tài, đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty.

II. Thông tin phát hành

1. **Tên cổ phiếu:** Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang
2. **Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông
3. **Mã chứng khoán:** HAM
4. **Mệnh giá cổ phiếu:** 10.000 đồng/cổ phiếu
5. **Vốn điều lệ hiện nay:** 96.380.610.000 đồng
6. **Tổng số cổ phiếu đã phát hành:** 9.638.061 cổ phiếu

Trong đó:

- Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 9.638.061 cổ phiếu
 - Tổng số cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
7. **Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành:** 480.000 cổ phiếu.
 8. **Tổng giá trị dự kiến phát hành tối đa theo mệnh giá:** 4.800.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn tỷ, tám trăm triệu đồng)

9. Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

10. Nguyên tắc xác định giá phát hành: bằng mệnh giá.

11. Đối tượng phát hành: Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang (“Công ty/HAMACO”); Cán bộ quản lý của HAMACO và các Công ty thuộc hệ thống của HAMACO; và cán bộ nhân viên của HAMACO tại thời điểm lập danh sách, đáp ứng tiêu chuẩn tham gia Chương trình ESOP và thuộc danh sách người lao động được tham gia Chương trình ESOP do HĐQT thông qua theo ủy quyền của ĐHĐCĐ.

12. Tiêu chí tham gia Chương trình ESOP: Là các đối tượng (sau đây gọi tắt là “người lao động” hoặc “NLĐ”) thỏa mãn đủ các tiêu chuẩn như sau:

- Thành viên HĐQT (*không bao gồm Thành viên độc lập HĐQT*) tại HAMACO nhiệm kỳ 2021 – 2025 của Công ty;
- Cán bộ quản lý công tác tại HAMACO và các Công ty thuộc hệ thống của HAMACO bao gồm: Ban Tổng Giám đốc/ Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng ban, Trưởng phòng/ Quyền trưởng phòng, Phó phòng, Trưởng chi nhánh, Quản đốc, Phó Quản đốc, Trưởng trạm có ký hợp đồng lao động và đang làm việc, hưởng lương tại Công ty, các Công ty thuộc hệ thống của HAMACO tính đến ngày 31/12/2024. Danh sách các Công ty thuộc hệ thống của HAMACO cụ thể như sau:
 - + Công ty Cổ phần Bê tông Hamaco (HAMACO sở hữu 81,8% vốn Điều lệ)
 - + Công ty TNHH MTV Hamaco Petro (HAMACO sở hữu 100% vốn Điều lệ)
 - + Công ty TNHH MTV Bê tông Hamaco - Hậu Giang (CTCP Bê tông Hamaco - công ty con của HAMACO sở hữu 100% Vốn Điều lệ)
 - + Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Xanh Hamaco (HAMACO sở hữu 100% Vốn Điều lệ)
- Cán bộ nhân viên công tác tại HAMACO đã ký hợp đồng lao động trước thời điểm 01/01/2021.
- Có những đóng góp vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong giai đoạn 2021 – 2025.
- Có nguyện vọng gắn bó lâu dài, tự nguyện tham gia Chương trình ESOP theo các tiêu chuẩn đặt ra;
- Thành viên tham gia chương trình phát hành cổ phiếu cho người lao động nộp đơn xin nghỉ việc/ đơn xin từ nhiệm trước khi kết thúc thời gian thu tiền sẽ không được tiếp tục tham gia chương trình phát hành cổ phiếu cho người lao động, không phụ thuộc vào thời gian nộp tiền của người lao động.
- Không áp dụng đối với: NLĐ bị xử lý kỷ luật lao động hoặc đang trong thời gian chờ xử lý kỷ luật/chờ xem xét xử lý kỷ luật trong thời gian từ năm 2021 - 2025;

13. Nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng:

Chi tiết tại Phụ lục 01 đính kèm tờ trình này.

14. Hạn chế chuyển nhượng: Số cổ phiếu phát hành theo chương trình ESOP sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 100% trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.

Các quyền, lợi ích phát sinh từ cổ phiếu ESOP này trong thời gian hạn chế chuyển nhượng nêu tại Điều này sẽ không bị hạn chế chuyển nhượng.

15. Xử lý trong trường hợp Người lao động nghỉ việc/ chấm dứt Hợp đồng lao động trong thời gian hạn chế chuyển nhượng:

Trong thời gian hạn chế chuyển nhượng, nếu có Người lao động nghỉ việc hoặc Công ty/ các Công ty thuộc hệ thống của HAMACO cho thôi việc hoặc các hình thức chấm dứt Hợp đồng lao động khác thì số cổ phiếu đã phát hành cho Người lao động đó sẽ được Công ty mua lại với giá 10.000 đồng/ cổ phiếu và không còn bị hạn chế chuyển nhượng trừ một số trường hợp khác, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định. Công ty được phép bán ra theo quy định của pháp luật hiện hành.

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định chi tiết Phương án bán ra số cổ phiếu được Công ty mua lại.

16. Thời gian thực hiện: Sau khi được UBCKNN thông báo nhận đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành, dự kiến từ Quý II – Quý III/2026.

17. Phương án sử dụng vốn: Toàn bộ số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu ESOP sẽ được sử dụng để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

18. Phương án xử lý trong trường hợp không chào bán hết: Số lượng cổ phiếu chưa chào bán hết theo dự kiến, sẽ được ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT chào bán cho người lao động khác sao cho giá bán không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phiếu. Trong trường hợp HĐQT vẫn không tìm được người lao động phù hợp, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT điều chỉnh giảm tổng số lượng cổ phiếu chào bán theo đúng số lượng cổ phiếu thực tế đã phân phối.

19. Cam kết việc đưa chứng khoán vào giao dịch trên thị trường chứng khoán có tổ chức: Sau khi hoàn tất đợt phát hành, ĐHĐCĐ thông qua và ủy quyền cho HĐQT thực hiện các thủ tục đăng ký chứng khoán bổ sung với Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch chứng khoán bổ sung với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

20. Thông qua việc thay đổi Vốn điều lệ: Thông qua việc thay đổi Điều lệ (Mục vốn điều lệ) và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền sau khi có thông báo của UBCKNN về việc nhận đầy đủ Báo cáo kết quả phát hành.

21. Trình tự thực hiện chào bán/phát hành

Công ty thực hiện việc chào bán/phát hành cổ phiếu theo thứ tự như sau:

(1) Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

(2) *Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động.*

(3) *Chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của công ty.*

22. Ủy quyền Hội đồng quản trị:

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT thực hiện các công việc liên quan tới việc triển khai Chương trình ESOP như sau:

- Xây dựng và giải trình hồ sơ xin phép phát hành cổ phiếu theo Chương trình ESOP gửi cho UBCKNN và các cơ quan có thẩm quyền khác. Đồng thời, chủ động điều chỉnh Chương trình ESOP và các hồ sơ khác có liên quan theo tình hình thực tế của Công ty hoặc theo yêu cầu của UBCKNN và/hoặc các cơ quan có thẩm quyền khác hoặc cho mục đích tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan (nếu có);
- Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty;
- Thông qua danh sách, số lượng Người lao động được tham gia Chương trình ESOP; và xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng Người lao động được tham gia Chương trình ESOP và thời gian thực hiện;
- Thông qua việc cập nhật, bổ sung, điều chỉnh danh sách, số lượng Người lao động được tham gia Chương trình ESOP, bao gồm cả việc chấm dứt quyền của Người lao động tham gia Chương trình ESOP;
- Quyết định xử lý số lượng cổ phiếu dôi dư sau khi phân phối (nếu có) hoặc số cổ phiếu không được đăng ký mua hết/không bán hết (nếu có) do Người lao động tự nguyện từ bỏ quyền mua cổ phiếu hoặc do Người lao động tham gia Chương trình ESOP đã nộp đơn xin nghỉ việc/đơn xin từ nhiệm không được thực hiện quyền mua cổ phiếu;
- Xây dựng kế hoạch chi tiết về sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu ESOP theo Chương trình ESOP;
- Thực hiện công việc cần thiết để thông qua và sửa đổi Điều lệ, bao gồm các điều liên quan đến vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu trong Điều lệ và hoạt động của Công ty sau khi có thông báo của UBCKNN về việc nhận đầy đủ Báo cáo kết quả phát hành;
- Thực hiện các thủ tục thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của Công ty liên quan tới việc thay đổi vốn điều lệ theo kết quả thực tế của đợt phát hành cổ phiếu theo Chương trình ESOP với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sau khi có thông báo của UBCKNN về việc nhận đầy đủ Báo cáo kết quả phát hành;
- Thực hiện các thủ tục, công việc và lựa chọn thời điểm thích hợp để đăng ký chứng khoán bổ sung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch bổ sung tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội số lượng cổ phiếu phát hành theo phương án đã được ĐHĐCĐ thông qua sau khi có thông báo của UBCKNN về việc nhận đầy đủ Báo cáo kết quả phát hành;

- Thực hiện các thủ tục khác với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu theo Chương trình ESOP theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc quy định pháp luật;
- Tùy từng trường hợp cụ thể, Hội đồng quản trị được ủy quyền lại cho Chủ tịch HĐQT/ Người đại diện theo pháp luật để thực hiện một hoặc một số công việc cụ thể nêu trên; và
- Các vấn đề khác có liên quan đến việc phát hành cổ phiếu theo Chương trình ESOP.

Trên đây là Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Lê Hoàng Nam

PHỤ LỤC 01

(đính kèm Tờ trình Đại hội đồng cổ đông về Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động)

NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH SỐ CỔ PHIẾU ĐƯỢC PHÂN PHỐI CHO TỪNG ĐỐI TƯỢNG NGƯỜI LAO ĐỘNG THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH ESOP

Nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng tại Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang (HAMACO) và các Công ty con thuộc HAMACO, cụ thể được xác định như sau:

STT	Đối tượng	Số lượng (cổ phiếu)
I	Thành viên HĐQT (không bao gồm Thành viên độc lập HĐQT) tại HAMACO nhiệm kỳ 2021 – 2025 của Công ty; Cán bộ quản lý công tác tại HAMACO và các Công ty con thuộc HAMACO bao gồm: Ban Tổng Giám đốc/ Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng ban, Trưởng phòng/ Quyền trưởng phòng, Phó phòng, Trưởng chi nhánh, Quản đốc, Phó Quản đốc, Trưởng trạm	370.000
II	Cán bộ nhân viên công tác tại HAMACO	110.000
	Tổng số	480.000

I. Thành viên Hội đồng quản trị (không bao gồm Thành viên độc lập HĐQT) và Nhóm Cán bộ quản lý tại HAMACO và các Công ty con thuộc HAMACO (Gọi tắt là “Nhóm I”)

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không bao gồm Thành viên độc lập HĐQT)

Số lượng cổ phiếu được phân phối cho thành viên Hội đồng quản trị (không bao gồm Thành viên độc lập HĐQT) nhiệm kỳ 2021 – 2025 được xác định cụ thể như sau:

STT	Chức danh	Số lượng cổ phiếu phân bổ (cổ phiếu/ người)
1	Chủ tịch HĐQT	39.000
2	Thành viên HĐQT	8.000
	- <i>Kiểm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc</i>	+ 6.000
	- <i>Kiểm nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc</i>	+ 3.000

2. Nhóm Cán bộ quản lý công tác tại HAMACO và các Công ty con thuộc HAMACO

$$\begin{array}{l} \text{Số lượng cổ phiếu mỗi Người lao động} \\ \text{tham gia chương trình ESOP được mua} \end{array} = A + B + C + D$$

Trong đó:

- A là Số lượng cổ phiếu phân bổ theo hệ số thâm niên
- B là Số lượng cổ phiếu phân bổ theo hệ số cấp bậc
- C là Số lượng cổ phiếu phân bổ theo hệ số hiệu quả làm việc
- D là Số lượng cổ phiếu phân bổ theo Đóng góp của Người lao động có thành tích đặc biệt cho sự phát triển của Công ty/ Công ty con

a) Số lượng cổ phiếu phân bổ theo hệ số thâm niên (A):

Hệ số thâm niên được xác định là khoảng thời gian mà CBNV đã làm việc thực tế tại Công ty mẹ - HAMACO và các công ty con, bao gồm cả trường hợp Người lao động gia nhập làm việc tại Công ty mẹ, sau đó được điều động, luân chuyển hoặc chuyển công tác sang làm việc tại công ty con trong cùng hệ thống.

- b)** Thời gian làm việc được tính liên tục, không gián đoạn, kể từ ngày Người lao động chính thức bắt đầu làm việc tại Công ty mẹ hoặc công ty con đầu tiên trong hệ thống HAMACO cho đến ngày 31/12/2025, cụ thể như sau:

Tiêu chí	Số lượng cổ phiếu phân bổ theo hệ số thâm niên (A) (cổ phiếu/người)
≥ 25 năm	3.500
≥ 15 năm và < 25 năm	2.500
≥ 11 năm và < 15 năm	2.000
≥ 5 năm và < 11 năm	1.500
≥ 1 năm và < 5 năm	500

- c) Số lượng cổ phiếu phân bổ theo hệ số cấp bậc (B):** được xác định dựa trên chức vụ và bộ phận làm việc của Người lao động tham gia chương trình ESOP năm 2026, cụ thể như sau:

Tiêu chí	Số lượng cổ phiếu phân bổ theo hệ số cấp bậc (B) (cổ phiếu/người)
S1	4.000
S2	3.000
S3	2.500
S4	2.000
S5	1.800
S6	1.500
S7	1.000
S8	800
S9	500
S10	0

Trong đó, Tiêu chuẩn các cấp bậc S1, S2, ... được quy định chi tiết như sau:

Tiêu chí	Tiêu chuẩn vị trí	Công ty (*)
S1	- Tổng Giám đốc/ Phó Tổng Giám đốc	HAMACO
S2	- Người phụ trách Quản trị Công ty - Kế toán trưởng	HAMACO
	- Tổng Giám đốc/ Giám đốc	Bê tông, Green, Hậu Giang
S3	- Phó Tổng Giám đốc/ Phó Giám đốc	Bê tông, Green, Hậu Giang
S4	- Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ - Trưởng ban Xây dựng cơ bản - Trưởng ban Pháp chế - Trưởng phòng - Cửa hàng trưởng	HAMACO
S5	- Kế toán trưởng	Bê tông, Green, Hậu Giang
S6	- Trưởng chi nhánh	HAMACO
S7	- Phó phòng	HAMACO

Tiêu chí	Tiêu chuẩn vị trí	Công ty (*)
	- Trưởng phòng	Bê tông, Green, Hậu Giang
	- Giám đốc	Petro
S8	- Kế toán trưởng	Petro
S9	- Quyền Trưởng phòng	Bê tông, Green, Hậu Giang
	- Trưởng phòng	Petro
S10	- Quản đốc - Trưởng trạm - Phó phòng - Phó Quản đốc - Trợ lý Chủ tịch	Bê tông, Green, Hậu Giang

(*) Danh sách tên viết tắt của Công ty, các công ty con của HAMACO như sau:

Tên viết tắt	Tên công ty
HAMACO	Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang
Bê tông	Công ty Cổ phần Bê tông Hamaco
Petro	Công ty TNHH MTV Hamaco Petro
Hậu Giang	Công ty TNHH MTV Bê Tông Hamaco - Hậu Giang
Green	Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Xanh Hamaco

- d) **Số lượng cổ phiếu phân bổ theo hệ số hiệu quả làm việc (C):** được xác định dựa trên mức độ hoàn thành công việc phân bổ trong năm 2025 của Người lao động tham gia chương trình ESOP, cụ thể như sau:

Tiêu chí	Số lượng cổ phiếu phân bổ theo hệ số hiệu quả làm việc (cổ phiếu/người)
Hoàn thành công việc $\geq 150\%$	3.500
Hoàn thành công việc $\geq 140\%$ và $< 150\%$	3.000
Hoàn thành công việc $\geq 130\%$ và $< 140\%$	2.500
Hoàn thành công việc $\geq 120\%$ và $< 130\%$	2.000
Hoàn thành công việc $\geq 110\%$ và $< 120\%$	1.800

Tiêu chí	Số lượng cổ phiếu phân bổ theo hệ số hiệu quả làm việc (cổ phiếu/người)
Hoàn thành công việc $\geq 100\%$ và $< 110\%$	1.500
Hoàn thành công việc $\geq 90\%$ và $< 100\%$	1.000
Hoàn thành công việc $\geq 80\%$ và $< 90\%$	500
Không xếp loại	0

e) **Số lượng cổ phiếu phân bổ theo Đóng góp của Người lao động có thành tích đặc biệt cho sự phát triển của Công ty/ Công ty con (D)**

Công ty xem xét phân bổ cổ phiếu ESOP cho Người lao động có đóng góp nổi bật, lâu dài đối với sự phát triển và hiệu quả hoạt động của Công ty, cụ thể:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	Số lượng cổ phiếu phân bổ (cổ phiếu/người)
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG			
1.	Phạm Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc	2.500
2.	Huỳnh Việt Hùng	Người phụ trách QTCT	1.500
3.	Nguyễn Thị Bé Ghí	Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ	1.500
4.	Nguyễn Hồng Phúc	Trưởng Ban Xây dựng cơ bản	1.500
5.	Khổng Liên Phương	Trưởng Ban Pháp chế	2.000
6.	Trần Thị Thanh Vân	Trưởng phòng Hành chính nhân sự	1.500
7.	Lâm Thị Thu Hiền	Kế toán trưởng	2.000
8.	Phạm Đức Cường	Trưởng phòng Công nghệ thông tin	1.500
9.	Quách Kim Ngân	Trưởng phòng Mua hàng	1.500
10.	Lục Quốc Cường	Trưởng phòng Bán hàng	1.800
11.	Nguyễn Kim Diệu	Cửa hàng trưởng Trà Nóc	1.800

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	Số lượng cổ phiếu phân bổ (cổ phiếu/người)
12.	Võ Hồng Sang	Trưởng phòng Kinh doanh Sơn	1.800
13.	Trần Thanh Tùng	Trưởng chi nhánh Bạc Liêu	2.000
14.	Hoàng Văn Hùng	Trưởng chi nhánh Phú Quốc	2.000
CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG HAMACO			
1.	Đỗ Xuân Thành	Tổng Giám đốc	2.500
2.	Trần Duy Minh	Phó Tổng giám đốc	1.500
3.	Phạm Kim Quỳnh	Kế toán trưởng	1.500
4.	Lý Quốc Toàn	Trưởng phòng Bán hàng	1.500
CÔNG TY TNHH MTV VẬT LIỆU XÂY DỰNG XANH HAMACO			
1.	Nguyễn Thanh Liêm	Giám Đốc	2.500
2.	Nguyễn Thanh Thảo	Trưởng phòng Hành chính nhân sự	1.500
3.	Vũ Thị Lan Phương	Kế toán trưởng	1.500
4.	Cao Minh Thiện	Trưởng phòng Kinh doanh	1.500
CÔNG TY TNHH MTV BÊ TÔNG HAMACO - HẬU GIANG			
1.	Nguyễn Thanh Điền	Tổng giám đốc	2.500
2.	Nguyễn Ngọc Lộc	Trưởng phòng Bán hàng	1.500
3.	Lê Ngọc Viện	Trưởng phòng Dịch vụ khách hàng	1.500

Lưu ý: Xác định số lượng cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng trong nhóm I

Để đảm bảo phân phối hết 370.000 cổ phiếu, ĐHĐCĐ giao cho HĐQT quyết định phân phối như sau:

- Nếu tổng số lượng cổ phiếu phân bổ cho tất cả người lao động trong nhóm I = 370.000 cổ phiếu, thì số lượng cổ phiếu ESOP của từng người được giữ nguyên.
- Nếu tổng số lượng cổ phiếu phân bổ cho tất cả người lao động trong nhóm I < 370.000 cổ phiếu, thì số lượng cổ phiếu còn lại được phân phối cho

người lao động có số lượng cổ phiếu nhiều nhất trong Danh sách ESOP.

- Nếu tổng số lượng cổ phiếu phân bổ cho tất cả người lao động trong nhóm I > 370.000 cổ phiếu, thì số lượng cổ phiếu bị dư ra được trừ đi cho người lao động có số lượng cổ phiếu nhiều nhất trong Danh sách ESOP.

II. Cán bộ nhân viên công tác tại HAMACO (Gọi tắt là “Nhóm II”)

$$\begin{array}{l} \text{Số lượng cổ phiếu} \\ \text{mỗi người lao} \\ \text{động được mua} \\ \text{(ESOP}_i\text{)} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Tổng số Cổ phiếu ESOP phát hành} \\ \text{cho cấp độ nhân viên của} \\ \text{HAMACO (T}_{\text{ESOP}_i}\text{)} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Tổng số điểm của tất cả người lao} \\ \text{động thuộc cấp độ nhân viên của} \\ \text{HAMACO được mua cổ phiếu} \\ \text{ESOP} \end{array}} * \begin{array}{l} \text{Số điểm của người lao} \\ \text{động (SCORE}_i\text{)} \end{array}$$

Trong đó:

$$\text{SCORE}_i = a_i * b_i$$

- **T_{ESOP}**: là tổng số cổ phiếu ESOP tối đa phát hành cho cấp độ nhân viên được phát hành đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, bằng 110.000 cổ phiếu
- **SCORE_i**: Số điểm của Người lao động i được quyền mua
- **a_i**: là hệ số thâm niên của Người lao động i
- **b_i**: là hệ số hoàn thành công việc của cá nhân của Người lao động i

1. Cách xác định các hệ số:

a) Hệ số thâm niên (a)

Hệ số thâm niên được xác định dựa trên thời gian thực tế làm việc của Người lao động (là nhân viên) được tham gia Chương trình ESOP năm 2026 tại Công ty tính đến ngày 31/12/2025, cụ thể như sau:

STT	Tiêu chí	Hệ số thâm niên (a)
1	>= 10 năm	1
2	>= 8 năm và < 10 năm	0,8
3	>= 5 năm và < 8 năm	0,5

b) Hệ số hoàn thành công việc (b)

Hệ số hoàn thành công việc được xác định bằng kết quả mức độ hoàn thành những chỉ tiêu được giao và những sáng kiến cải tiến nhằm nâng cao hiệu suất công việc. Tiêu chí này được xem xét, đánh giá theo thang điểm sau:

STT	Mức độ hoàn thành	Hệ số hoàn thành công việc (b)
1	Hoàn thành công việc $\geq 140\%$	5
2	Hoàn thành công việc $\geq 130\%$ và $< 140\%$	4
3	Hoàn thành công việc $\geq 120\%$ và $< 130\%$	3,5
4	Hoàn thành công việc $\geq 110\%$ và $< 120\%$	3
5	Hoàn thành công việc $\geq 100\%$ và $< 110\%$	2,5
6	Hoàn thành công việc $\geq 90\%$ và $< 100\%$	2
7	Không xếp loại	0

2. Nguyên tắc làm tròn (nếu có):

- a) Sau khi xác định số lượng cổ phiếu phân phối cho người lao động theo công thức nêu trên, số lượng cổ phiếu ESOP của từng người sẽ được làm tròn tới hàng trăm, như sau:
 - Nếu số lẻ sau hàng trăm có giá trị < 50 (làm tròn xuống) thì hàng trăm được giữ nguyên.
Ví dụ số lượng cổ phiếu phân phối cho người lao động sau khi áp dụng công thức nêu trên là 2.512 cổ phiếu. Theo nguyên tắc làm tròn nêu trên, người lao động sẽ được nhận 2.500 cổ phiếu.
 - Nếu số lẻ sau hàng trăm có giá trị ≥ 50 (làm tròn lên) thì hàng trăm được cộng thêm một đơn vị.
Ví dụ nếu số lượng cổ phiếu được phân bổ là 2.488 cổ phiếu thì được làm tròn là 2.500 cổ phiếu.
- b) Sau khi tính số lượng cổ phiếu mỗi người lao động được phân phối theo nguyên tắc làm tròn trên, để đảm bảo phân phối hết 110.000 cổ phiếu, HĐQT quyết định phân phối như sau:
 - Nếu tổng số lượng cổ phiếu phân bổ cho tất cả người lao động thuộc nhóm II = 110.000 cổ phiếu, thì số lượng cổ phiếu ESOP của từng người sau khi được làm tròn tới hàng trăm được giữ nguyên theo nguyên tắc làm tròn.
 - Nếu tổng số lượng cổ phiếu phân bổ cho tất cả người lao động thuộc nhóm II < 110.000 cổ phiếu, thì số lượng cổ phiếu còn lại được phân phối cho người lao động có tổng điểm cá nhân cao nhất trong Danh sách ESOP.

Trường hợp có từ hai (02) Người lao động trở lên có tổng điểm cá nhân cao nhất bằng nhau, số lượng cổ phiếu còn lại sẽ được phân bổ cho Người lao động có thâm niên công tác lớn nhất trong nhóm Người lao động có tổng điểm cao nhất.

- Nếu tổng số lượng cổ phiếu phân bổ cho tất cả người lao động thuộc nhóm II > 110.000 cổ phiếu, thì số lượng cổ phiếu bị dư ra được trừ đi cho người lao động có tổng điểm cá nhân cao nhất trong Danh sách ESOP.

Trường hợp có từ hai (02) Người lao động trở lên có tổng điểm cá nhân cao nhất bằng nhau, số lượng cổ phiếu phân bổ vượt sẽ được điều chỉnh giảm từ Người lao động có thâm niên công tác nhỏ nhất trong nhóm Người lao động có tổng điểm cao nhất.

TỜ TRÌNH

V/v: Phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của công ty

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 (Luật Doanh nghiệp);
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 năm 2019 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang;
- Căn cứ Nhu cầu thực tế của Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang;
- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị số 36/NQ/HĐQT.2026 ngày 07/02/2026.

Để phù hợp với tình hình kinh doanh thực tế của doanh nghiệp, Hội đồng quản trị (“HĐQT”) kính trình Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thông qua phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang, với nội dung cụ thể như sau:

1. **Tên tổ chức phát hành:** Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang
2. **Tên cổ phiếu:** Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang
3. **Mã cổ phiếu:** HAM
4. **Loại cổ phiếu chào bán:** Cổ phiếu phổ thông
5. **Mệnh giá cổ phiếu:** 10.000 đồng/cổ phiếu
6. **Vốn điều lệ hiện tại của Công ty:** 96.380.610.000 đồng
7. **Tổng số lượng cổ phiếu đã phát hành:** 9.638.061 cổ phiếu

Trong đó:

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 9.638.061 cổ phiếu
 - Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
8. **Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán:** Tối đa 4.481.127 cổ phiếu
 9. **Tổng giá trị cổ phiếu dự kiến chào bán thêm theo mệnh giá:** 44.811.270.000 đồng
 10. **Hình thức chào bán:** Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.

- 11. Đối tượng chào bán:** Tất cả các cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang có tên trong danh sách Người sở hữu cổ phần tại ngày đăng ký cuối cùng (ngày chốt danh sách) do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam cung cấp để thực hiện quyền mua.
- 12. Mức tăng vốn điều lệ dự kiến**
- Vốn điều lệ dự kiến trước phát hành (đã bao gồm số lượng cổ phiếu dự kiến sau phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động) :
 - 149.370.910.000 đồng
 - Số vốn điều lệ dự kiến tăng (theo mệnh giá) : 44.811.270.000 đồng
 - Vốn điều lệ sau khi phát hành : 194.182.180.000 đồng
- 13. Nguyên tắc và căn cứ xác định giá chào bán:** Giá phát hành được xác định bằng mệnh giá.
- 14. Giá chào bán:** 10.000 đồng/cổ phiếu
- 15. Tổng giá trị số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán:** 44.811.270.000 đồng
- 16. Tỷ lệ thực hiện quyền:** 10:3 (Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cứ 01 cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được nhận 01 quyền mua cổ phiếu và cứ 10 quyền mua cổ phiếu sẽ được mua 03 cổ phiếu mới).
- 17. Phương án làm tròn đối với cổ phiếu lẻ (nếu có) phát sinh khi thực hiện quyền:** Để đảm bảo không vượt quá số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán, số lượng cổ phiếu chào bán thêm mà cổ đông hiện hữu được mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân (nếu có) sẽ được HĐQT ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn đối tượng phân phối, tiêu chí, phương thức phân phối cho các nhà đầu tư khác với điều kiện giá bán phải lớn hơn hoặc bằng 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Ví dụ: Tại ngày chốt danh sách cổ đông được quyền mua cổ phiếu chào bán thêm, cổ đông A đang sở hữu 119 cổ phiếu. Với tỷ lệ thực hiện quyền 10:3, cổ đông A được quyền mua $(119 \times 3 / 10) = 35,7$ cổ phiếu. Theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị thì số cổ phiếu mà cổ đông A được quyền mua là 35 cổ phiếu, số cổ phiếu lẻ 0,7 cổ phiếu sẽ được HĐQT quyết định phân phối lại cho các nhà đầu tư khác với điều kiện giá bán phải lớn hơn hoặc bằng 10.000 đồng/cổ phiếu.*
- 18. Phương án xử lý cổ phiếu lẻ (nếu có), cổ phiếu cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua:** Việc xử lý số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống (nếu có) và cổ phiếu của cổ đông không đăng ký mua, không nộp tiền mua phải đảm bảo tuân thủ quy định tại Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và tuân thủ quy định về đầu tư góp vốn vào công ty mẹ, công ty con theo quy định tại Khoản 2 Điều 195 Luật Doanh nghiệp 2020.
- Số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống (nếu có) và số cổ phiếu do cổ đông hiện hữu không đăng ký, không nộp tiền mua, được HĐQT ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn đối tượng phân phối, tiêu chí, phương thức phân phối và giá chào bán

không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu (*với điều kiện giá chào bán không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phiếu*).

- Số lượng cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống và Số lượng cổ phiếu do cổ đông hiện hữu không đăng ký, không nộp tiền mua khi phân phối lại sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong thời hạn 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.
- Đối với trường hợp phân phối lại cổ phiếu thuộc một trong các trường hợp được quy định tại khoản 3 Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, HĐQT sẽ thực hiện xin ý kiến ĐHĐCĐ để thông qua việc phân phối lại.
- Trong trường hợp, hết hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật (*bao gồm cả thời gian được gia hạn - nếu có*), nếu vẫn còn cổ phiếu chưa phân phối hết thì số cổ phiếu chưa được phân phối hết này được hủy và HĐQT ra quyết định kết thúc đợt chào bán. HĐQT cân nhắc lựa chọn và điều chỉnh phương án sử dụng vốn để đảm bảo không ảnh hưởng đến nguồn vốn cũng như hoạt động kinh doanh của Công ty.

19. Quy định về cổ phiếu chào bán và Chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu:

- Cổ phiếu chào bán là cổ phiếu phổ thông và không bị hạn chế chuyển nhượng.
- Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho người khác trong thời gian quy định và chỉ được chuyển nhượng 01 (một) lần (*người nhận chuyển nhượng quyền mua không được chuyển nhượng quyền mua đó cho người thứ ba*). Bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận mức giá chuyển nhượng, thanh toán tiền và chịu trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định liên quan đến việc chuyển nhượng.

20. Phương thức phân phối

- Đối với cổ đông đã lưu ký cổ phiếu HAM: Làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký mua cổ phiếu tại các thành viên lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký.
- Đối với cổ đông chưa lưu ký cổ phiếu HAM: Làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu, đăng ký mua cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang tại 184 Trần Hưng Đạo, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

21. Phương thức thanh toán: Nộp tiền mua cổ phiếu vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu theo quy định.

22. Thời gian dự kiến chào bán: Sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, sau khi hoàn thành việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động và sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng, dự kiến thực hiện từ Quý III – Quý IV/2026.

23. Phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài: ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT triển khai phương án đảm bảo việc chào bán cổ

phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty theo quy định.

24. Mục đích và Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán:

Toàn bộ số tiền dự kiến huy động được từ đợt chào bán sẽ được phân bổ sử dụng cho các hoạt động bổ sung vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể như sau:

STT	Mục đích sử dụng vốn	Giá trị dự kiến (đồng)
1	Thanh toán khoản nợ vay với tổ chức tín dụng (Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ)	44.811.270.000

Tiến độ sử dụng vốn dự kiến từ Quý IV/2026, thời gian cụ thể do HĐQT quyết định phù hợp với tiến độ thực hiện.

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT xây dựng phương án sử dụng vốn cụ thể, quyết định và được quyền điều chỉnh phân bổ nguồn tiền thu được từ đợt chào bán và/hoặc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh phương án sử dụng vốn phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty khi thực hiện chào bán cổ phiếu, kế hoạch phát triển chung của Công ty và đảm bảo lợi ích của cổ đông đáp ứng các quy định của pháp luật.

Trường hợp thay đổi mục đích sử dụng vốn, HĐQT phải thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành và báo cáo tại cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất về việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán này.

25. Phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn trong trường hợp cổ phiếu không chào bán

hết theo dự kiến: Trong trường hợp cổ phiếu không phân phối hết và số lượng vốn huy động không đạt đủ như dự kiến, HĐQT quyết định phương án bù đắp phần vốn thiếu hụt bao gồm và không giới hạn việc huy động nguồn vốn hợp pháp khác, sử dụng nguồn vốn thu được từ hoạt động kinh doanh; điều chỉnh phương án sử dụng vốn theo đúng quy định của pháp luật.

26. Cam kết việc đưa chứng khoán vào giao dịch trên thị trường chứng khoán có tổ

chức: Sau khi hoàn tất đợt chào bán, ĐHĐCĐ thông qua và ủy quyền cho HĐQT thực hiện các thủ tục đăng ký chứng khoán bổ sung với Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) và đăng ký giao dịch chứng khoán bổ sung với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) theo quy định.

27. Thông qua việc thay đổi Vốn điều lệ:

Thông qua việc thay đổi Điều lệ công ty (mục vốn điều lệ) và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

28. Trình tự thực hiện chào bán/phát hành:

Công ty thực hiện việc chào bán/phát hành cổ phiếu theo thứ tự như sau:

- (1) Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.
- (2) Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động.
- (3) Chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của công ty.

29. Ủy quyền Hội đồng quản trị:

Để việc triển khai thực hiện công tác chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu được nhanh chóng và thuận lợi, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT thực hiện các công việc liên quan tới việc chào bán như sau:

- Triển khai phương án chào bán cổ phiếu, quyết định số lượng cổ phiếu phát hành theo số lượng cổ phiếu đang lưu hành thực tế tại thời điểm triển khai phương án chào bán, đảm bảo tổng số lượng cổ phiếu phát hành không vượt quá số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành tối đa đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo tỷ lệ thực hiện quyền cổ định là 10:3.
- Quyết định thời điểm thực hiện phương án chào bán, thực hiện các thủ tục cần thiết với các cơ quan chức năng để đăng ký chào bán cổ phiếu. Chủ động xây dựng và giải trình hồ sơ xin phép chào bán gửi cho UBCKNN và các cơ quan chức năng khác. Đồng thời, chủ động điều chỉnh phương án chào bán và các hồ sơ khác có liên quan theo tình hình thực tế của Doanh nghiệp hoặc theo yêu cầu của UBCKNN và các cơ quan chức năng khác.
- Lập phương án xử lý số cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) và cổ phiếu không chào bán hết do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua (nếu có) theo quy định của Pháp luật. Lựa chọn nhà đầu tư, thực hiện đàm phán, quyết định các điều kiện và điều khoản, xác định tiêu chí, danh sách nhà đầu tư được phân phối mua số lượng cổ phiếu do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết trong đợt chào bán chứng khoán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu với giá bán phải lớn hơn hoặc bằng 10.000 đồng/cổ phiếu hoặc hủy bỏ và kết thúc đợt chào bán. Việc lựa chọn nhà đầu tư đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty theo quy định pháp luật hiện hành.
- Trong các trường hợp việc phân phối số cổ phiếu chưa bán hết không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo quy định, HĐQT sẽ thực hiện xin ý kiến ĐHĐCĐ để thông qua việc phân phối cổ phiếu.
- Quyết định Phương án sử dụng vốn cụ thể và chủ động điều chỉnh về việc sử dụng nguồn vốn thu được, thời điểm giải ngân nguồn vốn, mục đích sử dụng vốn phù hợp với tình hình thực tế của Công ty và đáp ứng các quy định của pháp luật có liên quan.
- Thực hiện các thủ tục cần thiết với các cơ quan chức năng để đăng ký chào bán cổ phiếu.
- Sửa đổi các điều liên quan đến vốn điều lệ, cổ phần trong Điều lệ Công ty sau khi có thông báo bằng văn bản của UBCKNN về việc nhận được báo cáo kết quả đợt chào bán.
- Thực hiện các thủ tục thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của Công ty liên quan tới việc thay đổi vốn điều lệ theo kết quả thực tế của đợt phát hành với cơ quan nhà

nước có thẩm quyền sau khi UBCKNN thông báo bằng văn bản về việc nhận được báo cáo kết quả đợt chào bán.

- Thực hiện các thủ tục, công việc và lựa chọn thời điểm thích hợp để đăng ký chứng khoán bổ sung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) và đăng ký giao dịch chứng khoán bổ sung với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) số lượng cổ phiếu phát hành theo phương án đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua sau khi UBCKNN thông báo bằng văn bản về việc nhận được báo cáo kết quả đợt chào bán.
- Điều chỉnh, thay đổi phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán với giá trị thay đổi nhỏ hơn 50% số tiền thu được từ đợt chào bán nếu thấy cần thiết. Việc thay đổi phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán phải được báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên gần nhất.
- Tùy từng trường hợp cụ thể, Hội đồng quản trị được ủy quyền lại cho Chủ tịch Hội đồng quản trị/ Người đại diện theo pháp luật để thực hiện một hoặc một số công việc cụ thể nêu trên.
- Ngoài những nội dung ủy quyền trên đây, trong quá trình thực hiện phương án chào bán, ĐHCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định sửa đổi, bổ sung, hoàn chỉnh nội dung các tài liệu liên quan đến phương án chào bán (bao gồm cả quyết định về các nội dung chưa được trình bày trong phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu này) theo yêu cầu của Cơ quan quản lý Nhà nước sao cho việc chào bán cổ phiếu của Công ty được thực hiện đúng quy định, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và Công ty.

Trên đây là Phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Lê Hoàng Nam

TỜ TRÌNH

V/v: Phương án xử lý cổ phiếu lẻ (nếu có), cổ phiếu cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua khi triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 (Luật Doanh nghiệp);
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 năm 2019 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang;
- Căn cứ nhu cầu thực tế của Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang;
- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị số 36/NQ/HĐQT.2026 ngày 07/02/2026.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang kính trình Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thông qua chi tiết **Phương án xử lý cổ phiếu lẻ (nếu có), cổ phiếu cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua khi triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu** của Công ty theo Tờ trình số: 05 ngày 07/02/2026 trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 như sau:

1. Việc xử lý số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống (nếu có) và cổ phiếu của cổ đông không đăng ký mua, không nộp tiền mua phải đảm bảo tuân thủ quy định tại Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và tuân thủ quy định về đầu tư góp vốn vào công ty mẹ, công ty con theo quy định tại Khoản 2 Điều 195 Luật Doanh nghiệp 2020.
2. Số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống (nếu có) và số cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hoặc không nộp tiền mua sẽ được ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT thực hiện phân phối (xác định tiêu chí, danh sách nhà đầu tư được mua cổ phiếu) cho đối tượng khác (*có thể bao gồm hoặc không bao gồm phân phối cho 04 nhà đầu tư thuộc danh sách (*)*), đảm bảo tuân thủ các tiêu chí, phương thức phân phối và giá chào bán không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu (với điều kiện giá chào bán không thấp hơn 10.000

đồng/cổ phiếu), thực hiện các thủ tục cần thiết để phân phối cổ phiếu theo phương án đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua để đợt chào bán đảm bảo thành công và đem lại lợi ích cao nhất cho Công ty và cổ đông.

(*) Danh sách 04 nhà đầu tư với thông tin như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ hiện tại tại Công ty	Số ĐKSH	Tỷ lệ sở hữu tại ngày (04/02/2026)
1	Lê Hoàng Nam	Chủ tịch HĐQT	092078009326	7,31%
2	Mai Bảo Ngọc	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	086080002788	2,05%
3	Đào Đức Đại	Thành viên HĐQT không điều hành kiêm Thành viên Ủy ban kiểm toán	031066004151	0,99%
4	Lâm Thị Trúc Hà	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	092178001163	3,21%

- a) Đại hội đồng cổ đông chấp thuận việc các nhà đầu tư thuộc danh sách (*) được phép mua thêm cổ phiếu được phân phối lại do cổ phiếu cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua, số cổ phiếu lẻ trong trường hợp danh sách nhà đầu tư được mua cổ phiếu trong đợt phân phối lại được Hội đồng quản trị lựa chọn có 04 nhà đầu tư thuộc danh sách (*). Đồng thời, Đại hội đồng cổ đông chấp thuận việc:
- (i) 04 nhà đầu tư thuộc danh sách (*) và người có liên quan được phép mua cổ phiếu phân phối lại do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua, số cổ phiếu lẻ (nếu có) trong trường hợp dẫn đến tỷ lệ sở hữu của các đối tượng này vượt mức sở hữu được quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 35 Luật Chứng khoán;
 - (ii) 04 nhà đầu tư thuộc danh sách (*) và người có liên quan được phép mua cổ phiếu từ 10% vốn điều lệ trở lên của tổ chức phát hành trong một đợt chào bán hoặc trong các đợt chào bán, phát hành trong 12 tháng gần nhất.
- b) Trường hợp lựa chọn nhà đầu tư khác thuộc quy định tại khoản 3 Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020, Hội đồng quản trị thực hiện trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Số lượng cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống và số lượng cổ phiếu do cổ đông hiện hữu không đăng ký, không nộp tiền mua khi phân phối lại sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong thời hạn 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.
4. Trong trường hợp, hết hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật (*bao gồm cả thời gian được gia hạn - nếu có*), nếu vẫn còn cổ phiếu chưa phân phối hết thì số cổ phiếu chưa được phân phối hết này được hủy và HĐQT ra quyết định kết thúc đợt chào bán. HĐQT cân nhắc lựa chọn và điều chỉnh phương án sử dụng vốn để đảm bảo không ảnh hưởng đến nguồn vốn cũng như hoạt động kinh doanh của Công ty.

Trên đây là Phương án xử lý cổ phiếu lẻ (nếu có), cổ phiếu cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua khi triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Lê Hoàng Nam

TỜ TRÌNH

**V/v: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty
Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang**

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 (Luật Doanh nghiệp);
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 năm 2019 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang;
- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị số 35/NQ/HĐQT.2026 ngày 07/02/2026.

Căn cứ yêu cầu tuân thủ pháp luật hiện hành và định hướng nâng cao chuẩn mực quản trị, Hội đồng quản trị đã tiến hành rà soát toàn diện Điều lệ Công ty nhằm bảo đảm sự phù hợp với hệ thống pháp luật và yêu cầu vận hành thực tiễn của Công ty trong giai đoạn phát triển mới.

Trên cơ sở đó, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang theo nội dung chi tiết và toàn văn Điều lệ sửa đổi, bổ sung đính kèm Tờ trình này.
2. Ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Công ty ký ban hành Điều lệ Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
3. Điều lệ Công ty sửa đổi, bổ sung có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thay thế toàn bộ các quy định trước đây trái với nội dung sửa đổi, bổ sung.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Lê Hoàng Nam



BẢNG TÓM TẮT ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI TRONG ĐIỀU LỆ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG (Ngày 03/3/2026)

Ghi chú:

- Phụ lục này cập nhật các nội dung chính được sửa đổi trong Dự thảo Điều lệ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua để các cổ đông tiện theo dõi, so sánh.
- Các nội dung đề xuất thay đổi trong mục “Nội dung hiện hành” là các dòng chữ thể hiện dưới dạng gạch chân.
- Các nội dung cần sửa đổi bổ sung tại mục “Sau khi sửa đổi, bổ sung” là nội dung gạch chân.

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
Phần mở đầu	Số và ngày nghị quyết	Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01-NQ/ĐHĐCĐ.2023 ngày 01 tháng 04 năm 2023.	Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết số <u>01-NQ/ĐHĐCĐ.2026 ngày 03 tháng 03 năm 2026</u> của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang.	Cập nhật căn cứ thông qua Điều lệ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2026
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	Sửa đổi điểm a khoản 1	a) Vốn điều lệ là tổng mệnh giá cổ phần đã bán <u>hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần</u> và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này.	a) Vốn điều lệ là tổng mệnh giá cổ phần đã bán và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này.	Chuẩn hoá khái niệm để thống nhất cách hiểu
	Sửa đổi điểm e khoản 1	e) Ngày thành lập là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;	e) Ngày thành lập là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Công ty ghi nhận ngày 03 tháng 3 năm 1976 là ngày truyền thống của Công ty.	Cập nhật thông tin lịch sử ngày thành lập
	Sửa đổi điểm f khoản 1	f) Người điều hành doanh nghiệp là Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó giám đốc (Phó tổng giám đốc), Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;	f) Người điều hành doanh nghiệp là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc và Kế toán trưởng.	Xác định rõ nhóm chức danh điều hành chủ chốt

Điều 1. Giải thích thuật ngữ	Sửa đổi điểm g khoản 1	g) <i>Người quản lý doanh nghiệp</i> là người quản lý <u>công ty</u> , bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, <u>Giám đốc</u> (Tổng giám đốc) và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;	g) <i>Người quản lý doanh nghiệp</i> là người quản lý <u>Công ty</u> , bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người đại diện phần vốn góp của Công ty tại công ty con, công ty liên kết;	Điều chỉnh phạm vi “người quản lý” để bao quát thêm người đại diện phần vốn của Công ty
	Sửa đổi điểm i khoản 1	i) <i>Cổ đông</i> là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty- cổ phần ;	i) <i>Cổ đông</i> là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của <u>Công ty</u> ;	Chuẩn hoá thuật ngữ
	Sửa đổi điểm j khoản 1	j) <i>Cổ đông sáng lập</i> là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty- cổ phần ;	j) <i>Cổ đông sáng lập</i> là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập Công ty;	Chuẩn hoá thuật ngữ
	Sửa đổi điểm k khoản 1	k) <i>Cổ đông lớn</i> là cổ đông <u>được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán</u> ;	k) <i>Cổ đông lớn</i> là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.	Diễn giải rõ tiêu chí nhận diện cổ đông lớn
	Bổ sung điểm n khoản 1		n) <i>Công ty</i> là Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang	Bổ sung thuật ngữ
	Bổ sung khoản 4		4. <u>Các từ hoặc thuật ngữ nào được đề cập trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.</u>	Thiết lập nguyên tắc viện dẫn/diễn giải thuật ngữ

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty.	Sửa đổi khoản 1	1. Tên Công ty - Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG - Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HAUGIANG MATERIALS <u>JOINT - STOCK</u> COMPANY - Tên Công ty viết tắt: HAMACO	1. Tên Công ty a) Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG b) Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HAUGIANG MATERIALS <u>JOINT STOCK</u> COMPANY c) Tên viết tắt: HAMACO	Chuẩn hoá hình thức trình bày và chính tả tên tiếng Anh
	Sửa đổi khoản 3	3. Trụ sở đăng ký của Công ty: - Địa chỉ trụ sở chính: 184 Trần Hưng Đạo, <u>P. An Nghiệp, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ</u> - Điện thoại: <u>0292. 3832 176</u> - Fax: <u>0292. 3734 426</u> - E-mail: hamaco@hamaco.vn - Website: <u>www.hamaco.com.vn</u>	3. Trụ sở đăng ký của Công ty: a) Địa chỉ trụ sở chính: 184, Trần Hưng Đạo, <u>Phường Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam</u> b) Điện thoại: <u>02923.735.345</u> c) Fax: d) E-mail: hamaco@hamaco.vn đ) Website: <u>https://hamaco.vn/</u> <u>Trong trường hợp có thay đổi, các thông tin nêu trên coi như được tự động cập nhật trong Điều lệ này.</u>	Cập nhật địa chỉ theo đơn vị hành chính hiện hành và chuẩn hoá thông tin; bổ sung cơ chế tự động cập nhật.
	Sửa đổi khoản 5	5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 <u>Điều 59</u> hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại <u>Điều 60</u> Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.	5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 <u>Điều 53</u> hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại <u>Điều 54</u> Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.	Sửa lỗi dẫn chiếu để khớp số điều trong Điều lệ
Điều 3. Người đại diện theo	Sửa đổi khoản 1	1. Công ty có <u>01</u> người đại diện theo pháp luật là Tổng giám đốc.	1. Công ty có <u>hai (02)</u> người đại diện theo pháp luật, bao gồm: <u>Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng giám đốc.</u> a) <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại</u>	Điều chỉnh mô hình người đại diện theo pháp luật nhằm phân định rõ thẩm quyền đại

pháp luật của Công ty			<u>diện theo pháp luật của Công ty đối với các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ các quyết định thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</u> b) <u>Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty đối với các hoạt động điều hành sản xuất, kinh doanh hằng ngày, theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị</u>	diện giữa cấp quản trị (Chủ tịch HĐQT) và cấp điều hành (TGD), tăng cường kiểm soát quản trị và phù hợp nhu cầu vận hành công ty đại chúng
	Sửa đổi khoản 2	2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật theo quy định của pháp luật và được quy định tại Khoản 4 Điều 35 Bản Điều lệ này.	2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.	Chuẩn hoá quy định theo mô hình 02 người đại diện
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	Sửa đổi nội dung thành khoản 1	Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.	1. Công ty hoạt động trong các ngành, nghề đã đăng ký theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và được ghi nhận tại Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật tại từng thời điểm. Công ty được thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu kinh doanh và chiến lược phát triển của Công ty.	Chuẩn hoá diễn đạt theo Giấy chứng nhận ĐKDN; bổ sung nguyên tắc thực hiện

	Bổ sung khoản 2		<u>2. Công ty được tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà pháp luật không cấm. Công ty có quyền tự chủ kinh doanh và lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh; chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh; chủ động điều chỉnh quy mô và ngành, nghề kinh doanh phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tế.</u>	Ghi nhận nguyên tắc quyền tự do kinh doanh và quyền tự chủ của doanh nghiệp
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	Sửa đổi nội dung khoản 2	2. <u>Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.</u>	2. Việc xác định và điều chỉnh vốn điều lệ của Công ty được Đại hội đồng Cổ đông xem xét, thông qua tại từng thời điểm phù hợp; các thay đổi về vốn điều lệ được ghi nhận trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và công bố theo quy định của pháp luật. Sau khi việc góp vốn hoặc điều chỉnh vốn điều lệ đã được thực hiện đầy đủ theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, vốn điều lệ được coi như đã tự động cập nhật trong Điều lệ này mà không phải thực hiện thủ tục sửa đổi, bổ sung Điều lệ nữa.	Thiết lập cơ chế ghi nhận vốn điều lệ theo nghị quyết ĐHĐCĐ; giảm thủ tục sửa Điều lệ khi chỉ cập nhật số vốn.
	Sửa đổi nội dung khoản 3	3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.	3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm <u>cổ phần phổ thông</u> . Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.	Phù hợp thực trạng cơ cấu cổ phần tại thời điểm thông qua Điều lệ

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đồng sáng lập	Bổ sung khoản 8		<u>8. Công ty được phép phát hành cổ phần mới cho người lao động theo chương trình được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt; tổng số cổ phần phát hành trong năm không vượt quá 5% tổng số cổ phần đang lưu hành của Công ty.</u>	Bổ sung cơ sở cho chương trình phát hành ESOP theo Luật chứng khoán/Nghị định 155
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	Điều chỉnh nội dung khoản 3	3. Trong thời hạn <i>chín mươi (90) ngày</i> kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn <i>sáu mươi (60) ngày</i> kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.	3. Trong thời hạn <i>chín mươi (90) ngày</i> kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn <i>sáu mươi (60) ngày</i> kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu. <u>Quy định tại khoản này không áp dụng cho trường hợp cổ phần Công ty được niêm yết/đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán tập trung và cổ đông đã đăng ký lưu ký cổ phần thuộc sở hữu của mình vào tài khoản lưu ký mở tại thành viên lưu ký hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.</u>	Đồng bộ với cơ chế đăng ký, lưu ký chứng khoán

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	Sửa thành khoản 1	Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.	1. Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.	Chuẩn hoá cấu trúc điều khoản để thuận tiện bổ sung quy định mới
	Bổ sung khoản 2		<u>2. Trường hợp chứng khoán được đăng ký lưu ký tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, việc chứng nhận quyền sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật chứng khoán.</u>	Đồng bộ với quy định về đăng ký/lưu ký
Điều 10. Thu hồi cổ phần	Sửa đổi nội dung khoản 5	5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn <u>phải</u> chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh và tiền lãi theo <i>lãi suất cho vay của Ngân hàng Ngoại thương <u>Việt</u> Nam (Vietcombank)</i> vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.	5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn <u>phải</u> chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh và tiền lãi theo <i>lãi suất cho vay của Ngân hàng Ngoại thương <u>Việt</u> Nam (Vietcombank)</i> vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.	Sửa lỗi kỹ thuật văn bản, bảo đảm tính chuẩn mực và tránh cách hiểu sai
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị	Sửa đổi nội dung khoản 3, khoản 4,	Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm: 1. Đại hội đồng cổ đông;	Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm: 1. Đại hội đồng cổ đông; 2. Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán trực	Chuẩn hoá cách trình bày, xác định rõ Ủy ban kiểm toán là bộ phận trực thuộc HĐQT

và kiểm soát	khoản 5.	2. Hội đồng quản trị; 3. Ủy ban kiểm toán (trực thuộc Hội đồng Quản trị); 4. Tổng giám đốc.	thuộc Hội đồng quản trị; 3. Tổng giám đốc.	
Điều 12. Quyền của cổ đông	Sửa đổi nội dung điểm b khoản 2	b) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, <u>báo cáo của Ủy Ban kiểm toán</u> , hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;	b) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;	Điều chỉnh danh mục tài liệu tiếp cận phù hợp cơ cấu và chế độ tài liệu/báo cáo của Công ty
	Sửa đổi nội dung điểm c khoản 2	c) Yêu cầu <u>Ủy Ban kiểm toán</u> kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;	c) Yêu cầu <u>Hội đồng quản trị</u> kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.	Điều chỉnh chủ thể tiếp nhận/thực hiện yêu cầu kiểm tra cho phù hợp cơ cấu quản trị

Điều 12. Quyền của cổ đồng	Sửa đổi nội dung điểm d khoản 2	d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là <u>03 ngày</u> làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;	d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là <u>năm (05)</u> ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên Cổ đông, số lượng từng loại Cổ phần của Cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;	Tăng thời hạn tiếp nhận kiến nghị để bảo đảm thời gian kiểm tra tính hợp lệ
	Chuyển điểm d thành điểm f. Bổ sung nội dung tạo điểm d khoản 2		<u>đ) Đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp theo quy định tại khoản 2 Điều 140 Luật Doanh nghiệp; việc triệu tập phải được thực hiện trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</u>	Bổ sung cơ chế theo quy định Điều 140 Luật Doanh nghiệp (đã sửa đổi/bổ sung) nhằm bảo vệ quyền cổ đông
	Bổ sung điểm e khoản 2		e) <u>Cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài có quyền và nghĩa vụ ngang nhau. Không hạn chế tỷ lệ sở hữu của cổ đông nước ngoài, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.</u>	Khẳng định nguyên tắc đối xử bình đẳng giữa cổ đông trong nước và nước ngoài
	Chuyển điểm e thành điểm g khoản 2	e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.	g) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.	

Điều 14. Đại hội đồng cổ đồng	Điều chỉnh nội dung khoản 1	1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đồng có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. <u>Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác</u> , Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.	1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đồng có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.	Chuẩn hoá câu chữ theo hướng rõ ràng, tránh lặp ý
	Sửa đổi nội dung điểm b, c và chỉnh thành điểm b khoản 4	b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, <u>Ủy ban kiểm toán thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;</u> c) <u>Trường hợp Ủy ban kiểm toán không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại</u>	b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, <u>cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;</u> Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký	Điều chỉnh cơ chế triệu tập họp theo quy định cập nhật tại Điều 140 Luật Doanh nghiệp; xác lập đúng chủ thể có quyền yêu cầu/triệu tập trong trường hợp HĐQT không thực hiện nghĩa vụ

Điều 14. Đại hội đồng cổ đồng		điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp; Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.	kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.	
	Sửa đổi nội dung điểm d và chuyển thành điểm c khoản 4	d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.	c) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.	Chuẩn hoá cấu trúc điều khoản
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đồng	Sửa đổi nội dung điểm h khoản 1	h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên Ủy Ban kiểm toán</u> gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;	h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;	Điều chỉnh mô tả nhiệm vụ theo cơ cấu tổ chức hiện tại
	Sửa đổi nội dung điểm k khoản 1	k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ủy Ban kiểm toán ;	k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị;	Điều chỉnh mô tả nhiệm vụ theo cơ cấu tổ chức hiện tại

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đồng	Sửa đổi nội dung điểm 1 khoản 1	1) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, <u>Ủy ban kiểm toán;</u>	1) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;	Điều chỉnh mô tả nhiệm vụ theo cơ cấu tổ chức hiện tại
	Sửa đổi nội dung khoản 2	2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề <u>sau:</u>	2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề <u>tại khoản 1 Điều này và</u> các vấn đề sau:	Chuẩn hoá cấu trúc quy định, tránh hiểu nhầm rằng khoản 2 là danh mục độc lập thay vì danh mục bổ sung
	Lược bỏ điểm b khoản 2	<u>b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;</u>		Tái cấu trúc điều khoản để tránh trùng lặp khoản 1
	Chuyển điểm c thành điểm b khoản 2	<u>c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</u>	<u>b) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</u>	Chuẩn hoá cấu trúc điều khoản
	Sửa đổi nội dung điểm d, đ và chuyển thành điểm c khoản 2	<u>d) Báo cáo của Ủy ban kiểm toán về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;</u> <u>đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ủy ban kiểm toán và thành viên Ủy ban kiểm toán;</u>	<u>c) Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán.</u>	Bổ sung/chuẩn hoá thành phần báo cáo bắt buộc theo khoản 1 Điều 284 Nghị định 155

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đồng	Lược bỏ điểm e khoản 2	<u>e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</u>		Tái cấu trúc điều khoản để tránh trùng lặp khoản 1
	Sửa đổi nội dung điểm f và chuyển thành điểm d khoản 2	<u>f) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán;</u>	<u>d) Số lượng thành viên Hội đồng <u>quản trị</u>;</u>	Điều chỉnh mô tả nhiệm vụ theo cơ cấu tổ chức hiện tại
	Lược bỏ điểm g khoản 2	<u>g) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;</u>		Tái cấu trúc điều khoản để tránh trùng lặp khoản 1
	Lược bỏ điểm h khoản 2	<u>h) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị;</u>		Tái cấu trúc điều khoản để tránh trùng lặp khoản 1
	Lược bỏ điểm i khoản 2	<u>i) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;</u>		Tái cấu trúc điều khoản để tránh trùng lặp khoản 1
	Lược bỏ điểm j khoản 2	<u>j) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;</u>		Tái cấu trúc điều khoản để tránh trùng lặp khoản 1

	Lược bỏ điểm k khoản 2	<u>k) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;</u>		Tái cấu trúc điều khoản để tránh trùng lặp khoản 1
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	Chuyển điểm l lên thành điểm	<u>l) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</u>	<u>đ) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</u>	Chuẩn hoá cấu trúc điều khoản
	Lược bỏ điểm n, khoản 2	<u>n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</u>		Tái cấu trúc điều khoản để tránh trùng lặp khoản 1
	Lược bỏ điểm m, khoản 2	<u>m) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</u>		Tái cấu trúc điều khoản để tránh trùng lặp khoản 1
	Lược bỏ điểm m, khoản 2	<u>o) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</u>		Tái cấu trúc điều khoản để tránh trùng lặp khoản 1
	Chuyển điểm p thành điểm e	<u>p) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</u>	<u>e) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</u>	Chuẩn hoá cấu trúc điều khoản

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đồng	Chuyển điểm q thành điểm f	q) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;	f) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;	Chuẩn hoá cấu trúc điều khoản
	Lược bỏ điểm r khoản 2	r) <u>Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán;</u>		Tái cấu trúc điều khoản để tránh trùng lặp khoản 1
	Bổ sung điểm g khoản 2		g) <u>Báo cáo đánh giá của từng thành viên Hội đồng quản trị độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị (khi Công ty niêm yết).</u>	Thiết lập nghĩa vụ báo cáo bổ sung trong trường hợp Công ty niêm yết
	Chuyển điểm r thành điểm h khoản 2	r) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.	h) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.	Chuẩn hoá cấu trúc điều khoản
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	Bổ sung nội dung khoản 1	1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.	1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp. <u>Việc cử người đại diện</u>	Quy định rõ cơ chế đại diện theo ủy quyền đối với cổ đông tổ chức nhằm kiểm soát tính hợp lệ của ủy quyền, hạn chế tranh chấp tư cách tham dự/biểu

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông			<u>theo ủy quyền thực hiện theo quy định sau đây:</u> a) <u>Cổ đông là tổ chức sở hữu dưới 5% tổng số cổ phần phổ thông ủy quyền cho một (01) người đại diện theo ủy quyền, từ 5% đến dưới 10% được ủy quyền cho tối đa hai (02) người đại diện theo ủy quyền, từ 10% trở lên được ủy quyền cho tối đa ba (03) người đại diện theo ủy quyền. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần được ủy quyền cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông Công ty không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho tất cả người đại diện theo ủy quyền.</u> b) <u>Cổ đông là cá nhân chỉ được ủy quyền cho một (01) người đại diện theo ủy quyền.</u>	quyết và thuận tiện kiểm phiếu.
Điều 17. Thay đổi các quyền	Sửa đổi nội dung khoản 1	1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông <u>đur họp thông qua.</u> Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa	1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông <u>tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.</u> Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội	Chuẩn hoá thuật ngữ theo cách diễn đạt của Luật Doanh nghiệp sửa đổi, làm rõ điều kiện tính tỷ lệ thông qua trên cơ sở cổ đông tham dự và thực hiện

Điều 17. Thay đổi các quyền		vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.	dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.	biểu quyết
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	Sửa đổi bổ sung khoản 4	4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất <u>ba (03)</u> ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.	4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất <u>năm (05)</u> ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.	Tăng thời hạn để bảo đảm quy trình tiếp nhận-thẩm định kiến nghị và chuẩn bị tài liệu họp theo yêu cầu quản trị, giảm rủi ro khiếu kiện về thủ tục
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	Sửa đổi nội dung điểm a khoản 2	a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, <u>Ủy ban kiểm toán điều hành</u> đề Đại hội	a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, <u>Thành viên Hội đồng quản trị độc lập</u>	Điều chỉnh cơ chế điều hành theo hướng độc lập, giảm xung đột lợi ích và phù hợp mô hình công ty đại chúng

		đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;	điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;	
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	Sửa đổi nội dung khoản 1	1. Nghị quyết <u>về nội dung</u> sau đây được thông qua <u>nếu</u> được số cổ đông đại diện từ <u>65%</u> tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự <u>họp tán thành</u>, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp: a) <u>Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</u> b) <u>Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</u> c) <u>Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;</u> d) <u>Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;</u> đ) <u>Tổ chức lại, giải thể Công ty;</u>	1. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên <u>50%</u> tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông <u>tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, kể cả đối với các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 148 Luật Doanh nghiệp, trừ các nội dung theo khoản 3, khoản 4 và khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.</u>	Điều chỉnh ngưỡng thông qua nghị quyết theo hướng linh hoạt hơn trong quản trị, đồng thời vẫn tuân thủ các trường hợp bắt buộc theo Điều 148 Luật Doanh nghiệp
	Lược bỏ nội dung khoản 2	2. Các <u>nghị quyết được thông qua</u> khi được số cổ đông sở hữu trên <u>50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.</u>		Loại bỏ quy định trùng lặp/không cần thiết sau khi tái cấu trúc khoản 1

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của...	Chuyển khoản 3 lên thành khoản 2	<u>3.</u> Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.	2. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.	Chuẩn hoá cấu trúc điều khoản
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Bổ sung khoản 1	Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây: 1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, <u>trừ</u> trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.	Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây: 1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, <u>kể cả</u> trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.	Mở rộng/khẳng định thẩm quyền HĐQT lấy ý kiến bằng văn bản trong các trường hợp pháp luật cho phép, nhằm tăng tính linh hoạt ra quyết định

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	Bổ sung khoản 5		5. <u>Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp. Việc gửi Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc cuộc họp.</u>	Bổ sung cơ chế công bố/gửi nghị quyết-biên bản theo phương thức điện tử để bảo đảm minh bạch, kịp thời
	Bổ sung khoản 6		6. <u>Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.</u>	Thiết lập cơ chế ổn định chứng cứ và thời hạn phản hồi nhằm hạn chế tranh chấp kéo dài
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Sửa đổi nội dung điều 24	Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại <u>khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp</u> có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:	Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại <u>Khoản 2, Điều 12, Điều lệ này</u> có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:	Chuẩn hoá chủ thể có quyền khởi kiện theo cấu trúc quy định của Điều lệ

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông		1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại <u>khoản 3 Điều 21 Điều lệ này</u> . 2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.	1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại <u>khoản 2 Điều 21 Điều lệ này</u> . 2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.	
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	Sửa đổi bổ sung điểm f khoản 1	f) Công ty <u>đại chúng</u> phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).	f) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).	Chuẩn hoá câu chữ theo chủ thể áp dụng (Công ty)
	Sửa đổi nội dung khoản 2	2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% <u>tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</u>	2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% <u>đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử hai (02) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 40% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.</u>	Thiết lập cơ chế phân bổ quyền đề cử theo tỷ lệ sở hữu nhằm minh bạch hoá quyền đề cử
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của	Sửa đổi nội dung khoản 1	1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là <u>năm (05) người và nhiều nhất là chín (09) người</u>	1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người.	Ổn định cơ cấu HĐQT, phù hợp quy mô và nhu cầu quản trị trong giai đoạn hiện tại

thành viên Hội đồng quản trị	Sửa đổi nội dung khoản 2	2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.	2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. <u>Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.</u> Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.	Bổ sung tiêu chí bảo đảm tính độc lập thực chất theo quy định
	Sửa đổi nội dung khoản 3	3. <u>Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:</u> Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo ít nhất 1/5 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập. <u>Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:</u> a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập <u>trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 07 thành viên;</u> b) <u>Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 08 đến 09 thành viên;</u>	3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo: a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập; b) <u>Có tối thiểu 01 thành viên không điều hành.</u>	Cập nhật tiêu chí cơ cấu HĐQT theo yêu cầu quản trị công ty đại chúng theo Nghị định 155 (sửa đổi)

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	Sửa đổi nội dung điểm h khoản 2	h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm <u>d khoản 2 Điều 138</u> , khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;	h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <u>điểm d khoản 1 Điều 15 của Điều lệ này</u> và khoản 1, khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;	Sửa viện dẫn và cấu trúc dẫn chiếu để khớp với thẩm quyền ĐHCĐ theo Điều lệ và Luật Doanh nghiệp
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	Sửa đổi nội dung khoản 7	7. <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ủy ban kiểm toán như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.</u> <u>Thành viên Ủy ban kiểm toán có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</u>	7. <u>Tổng giám đốc, Trưởng Ban kiểm toán nội bộ, các Người quản lý khác, các cá nhân và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể dự họp Hội đồng quản trị theo lời mời của Hội đồng quản trị nhưng không được biểu quyết trừ khi bản thân họ có quyền được biểu quyết như thành viên Hội đồng quản trị.</u>	Điều chỉnh thành phần tham dự theo hướng phù hợp thông lệ quản trị
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	Sửa đổi nội dung khoản 1	1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là <u>ba (03)</u> người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài.	1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là <u>hai (02)</u> người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản	Điều chỉnh số lượng tối thiểu thành viên tiểu ban nhằm tăng tính linh hoạt trong tổ chức bộ máy quản trị

		Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.	trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.	
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty	Sửa đổi nội dung điểm b khoản 3	b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, <u>Ủy ban kiểm toán</u> và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị <u>hoặc Ủy ban kiểm toán;</u>	b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;	Điều chỉnh nhiệm vụ theo đúng phạm vi hỗ trợ HĐQT và ĐHĐCĐ
	Sửa đổi nội dung điểm e khoản 2	e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị <u>và thành viên Ủy ban kiểm toán;</u>	e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị;	Điều chỉnh nhiệm vụ theo đúng phạm vi hỗ trợ HĐQT và ĐHĐCĐ
Điều 34. Người điều hành Công ty	Sửa đổi nội dung khoản 1	1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng <u>và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.</u>	1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.	Xác định rõ nhóm chức danh điều hành chủ chốt, tránh mở rộng khái niệm gây chồng chéo “người điều hành khác”

Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban Kiểm toán	Sửa đổi nội dung khoản 1	1. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, <u>Giám đốc</u> (Tổng giám đốc), Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán.	1. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, <u>Tổng giám đốc</u> , Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán;	Chuẩn hoá thuật ngữ và thống nhất tên chức danh theo mô hình điều hành của Công ty
	Sửa đổi nội dung khoản 5	5. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, <u>Giám đốc</u> (Tổng giám đốc) và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.	5. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;	Chuẩn hoá thuật ngữ và thống nhất tên chức danh theo mô hình điều hành của Công ty
Điều 39. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán	Sửa đổi khoản 2	2. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.	2. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản <u>hoặc hình thức khác do Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán quy định</u> . Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.	Sửa đổi để vấn đề quản trị được thông suốt

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,...	Sửa đổi nội dung tiêu đề mục X	X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, <u>THÀNH VIÊN ỦY BAN KIỂM TOÁN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH</u> Thành viên Hội đồng quản trị, <u>Thành viên Ban kiểm toán nội bộ, Tổng giám đốc và người điều hành khác</u> có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.	X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, <u>TỔNG GIÁM ĐỐC</u> Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.	Tái cấu trúc nội dung trách nhiệm theo mô hình quản trị hiện tại
Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	Sửa đổi nội dung khoản 1	1. Thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên Ủy ban kiểm toán</u> , Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.	1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.	Đồng bộ chủ thể/đầu mối tiếp nhận công khai lợi ích và giao dịch liên quan
	Sửa đổi nội dung khoản 2	2. Thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên Ủy ban kiểm toán</u> , Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.	2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.	Đồng bộ chủ thể/đầu mối tiếp nhận công khai lợi ích và giao dịch liên quan
Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các	Sửa đổi nội dung khoản 3	3. Thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên Ủy ban kiểm toán</u> , Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do	3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở	Đồng bộ chủ thể/đầu mối tiếp nhận công khai lợi ích và giao dịch liên quan

xung đột về quyền lợi		Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.	lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.	
	Sửa đổi nội dung khoản 5	5. Thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên Ủy ban kiểm toán</u> , Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.	5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.	Đồng bộ chủ thể/đầu mối tiếp nhận công khai lợi ích và giao dịch liên quan
	Sửa đổi nội dung điểm a khoản 6	a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng <u>hai mươi (20)%</u> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên Ủy ban kiểm toán</u> , Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;	a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn <u>ba mươi lăm (35)%</u> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;	Đồng bộ chủ thể/đầu mối tiếp nhận công khai lợi ích và giao dịch liên quan

Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	Sửa đổi nội dung điểm b khoản 6	b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn <u>hai mươi (20)% tổng giá trị tài sản</u> được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên Ủy ban kiểm toán</u> , Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.	b) Đối với giao dịch có giá trị <u>từ ba mươi lăm (35) % hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ ba mươi lăm (35)% trở lên tổng giá trị tài sản</u> được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.	Cập nhật ngưỡng theo quy định pháp luật chứng khoán/Nghị định 155, bảo đảm quản trị giao dịch với người có liên quan đúng chuẩn công ty đại chúng.
	Bổ sung khoản 7		<u>7. Tổng giám đốc không được là người có liên quan của người quản lý Công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty và công ty mẹ theo quy định tại điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.</u>	Bổ sung điều kiện nhân sự theo khoản 6 Điều 291 Nghị định 155 sửa đổi
Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	Sửa đổi nội dung khoản 1	1. Thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên Ủy Ban kiểm toán</u> , Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu <u>trách nhiệm</u> về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.	1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng <u>giám đốc và người điều hành khác</u> vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.	Tái cấu trúc đối tượng áp dụng phù hợp mô hình quản trị
Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại	Sửa đổi nội dung khoản 2	2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành	2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính	Tái cấu trúc đối tượng áp dụng phù hợp mô hình quản trị

và bồi thường		chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên Ủy Ban kiểm toán</u> , Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.	và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.	
Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	Sửa đổi nội dung điểm b khoản 1	b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên <u>hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty</u> có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, <u>báo cáo của Ủy ban kiểm toán</u> , hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.	b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.	Chuẩn hoá điều kiện thực hiện quyền theo đúng ngưỡng áp dụng tại Điều lệ
Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại	Sửa đổi bổ sung khoản 3	3. Thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên Ủy ban kiểm toán</u> , Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty,	3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác	Đồng bộ chủ thể và danh mục lưu trữ theo cơ cấu quản trị

và bồi thường		danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.	của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.	
	Sửa đổi bổ sung khoản 4	4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, <u>các báo cáo của Ủy ban kiểm toán</u> , báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.	4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.	Đồng bộ chủ thể và danh mục lưu trữ theo cơ cấu quản trị
Điều 47. Năm tài chính	Sửa đổi nội dung	Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày <u>đầu tiên của tháng một (01) hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.</u>	Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày <u>01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm.</u>	Chuẩn hoá quy định theo thực tế vận hành

Điều 58. Ngày hiệu lực	Sửa đổi khoản 1	1. Bản điều lệ này gồm 21 mục, 58 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang nhất trí thông qua <u>ngày 01 tháng 4 năm 2023</u> tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên <u>năm 2023</u> và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.	1. Bản điều lệ này gồm 21 mục, 58 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang nhất trí thông qua <u>ngày 03 tháng 3 năm 2026</u> tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên <u>năm 2026</u> và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.	Cập nhật mốc thông qua và hiệu lực Điều lệ mới theo Nghị quyết ĐHĐCĐ 2026, đảm bảo thống nhất hồ sơ pháp lý
	Sửa đổi khoản 3	3. Điều lệ này có hiệu lực từ <u>ngày 01/4/2023</u> . Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.	3. Điều lệ này có hiệu lực từ <u>ngày 03 tháng 03 năm 2026</u> . Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.	Cập nhật mốc thông qua và hiệu lực Điều lệ mới theo Nghị quyết ĐHĐCĐ 2026, đảm bảo thống nhất hồ sơ pháp lý
	Sửa đổi khoản 4	4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc <u>tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị./.</u>	4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ này có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc <u>của Người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc được cơ quan /tổ chức có thẩm quyền chứng thực bản sao./.</u>	Mở rộng cơ chế xác nhận bản sao/trích lục để thuận tiện giao dịch, phù hợp mô hình có 02 người đại diện theo pháp luật

DỰ THẢO



ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Cần Thơ, ngày 03 tháng 3 năm 2026

MỤC LỤC
PHẦN MỞ ĐẦU

I.	ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	1
Điều 1.	Giải thích thuật ngữ	1
II.	TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY.....	2
Điều 2.	Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty.....	2
Điều 3.	Người đại diện theo pháp luật của Công ty	3
III.	MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY....	3
Điều 4.	Mục tiêu hoạt động của Công ty.....	3
Điều 5.	Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty.....	6
IV.	VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....	6
Điều 6.	Vốn điều lệ.....	6
Điều 7.	Chứng nhận cổ phiếu.....	7
Điều 8.	Chứng chỉ chứng khoán khác	8
Điều 9.	Chuyển nhượng cổ phần.....	8
Điều 10.	Thu hồi cổ phần	8
V.	CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.....	9
Điều 11.	Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	9
VI.	CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	10
Điều 12.	Quyền của cổ đông	10
Điều 13.	Nghĩa vụ của cổ đông.....	12
Điều 14.	Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 15.	Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 16.	Ủy quyền tham dự họp Đại Hội đồng Cổ đông.....	15
Điều 17.	Thay đổi các quyền.....	17
Điều 18.	Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 19.	Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	19
Điều 20.	Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 21.	Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	22
Điều 22.	Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị	

quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	22
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	24
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	26
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	26
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	26
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	27
Điều 27. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	28
Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	29
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	30
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	31
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	33
Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty.....	33
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	34
Điều 33. Tổ chức bộ máy	34
Điều 34. Người điều hành Công ty	34
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	35
IX. ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	36
Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán.....	36
Điều 37. Thành phần Ủy Ban kiểm toán.....	36
Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán.....	36
Điều 39. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán.....	37
Điều 40. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên	37
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC	38
Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	38
Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	39
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	40
Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	40
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	41
Điều 44. Công nhân viên và công đoàn	41
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	41
Điều 45. Phân phối lợi nhuận.....	41

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ..	42
Điều 46. Tài khoản ngân hàng	42
Điều 47. Năm tài chính	42
Điều 48. Chế độ kế toán	42
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	42
Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	42
Điều 50. Báo cáo thường niên.....	43
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	43
Điều 51. Kiểm toán	43
XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP	43
Điều 52. Dấu của doanh nghiệp	43
XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY	44
Điều 53. Giải thể công ty	44
Điều 54. Gia hạn hoạt động.....	44
Điều 55. Thanh lý	44
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	45
Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ	45
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	46
Điều 57. Điều lệ Công ty.....	46
XXI. NGÀY HIỆU LỰC	46
Điều 58. Ngày hiệu lực.....	46

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết số **01-NQ/DHĐCD.2026 ngày 03 tháng 03 năm 2026** của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) *Vốn điều lệ* là là **tổng mệnh giá cổ phần đã bán và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;**
- b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- đ) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- e) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. **Công ty ghi nhận ngày 03 tháng 3 năm 1976 là ngày truyền thống của Công ty.**
- f) *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc và **Kế toán trưởng;**
- g) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và **người đại diện phần vốn góp của Công ty tại công ty con, công ty liên kết;**
- h) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- i) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của **Công ty;**
- j) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập **Công ty;**
- k) *Cổ đông lớn* là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.
- l) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2

Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua.

m) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

n) *Công ty* là Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang;

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
4. Các từ hoặc thuật ngữ nào được đề cập trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty
 - a) Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG
 - b) Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HAUGIANG MATERIALS **JOINT STOCK** COMPANY
 - c) Tên Công ty viết tắt: HAMACO
2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty:
 - a) Địa chỉ trụ sở chính: 184, Trần Hưng Đạo, **Phường Ninh Kiều**, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam
 - b) Điện thoại: **02923. 735.345**
 - c) Fax:
 - d) E-mail: hamaco@hamaco.vn
 - đ) Website: <https://hamaco.vn/>

Trong trường hợp có thay đổi, các thông tin nêu trên coi như được tự động cập nhật trong Điều lệ này.

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 53 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 54 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có hai (02) người đại diện theo pháp luật, bao gồm: Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng giám đốc.
 - a) Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty đối với các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ các quyết định thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
 - b) Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty đối với các hoạt động điều hành sản xuất, kinh doanh hằng ngày, theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật theo quy định của pháp luật và được quy định tại Khoản 4 Điều 35 Bản Điều lệ này.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh
2022	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít Chi tiết: Gia công pha sơn
2511	Sản xuất các cấu kiện kim loại

2591	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại
5021	Vận tải hành khách đường thủy nội địa
5022	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa
5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
5224	Bốc xếp hàng hóa
4661	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Kinh doanh xăng dầu, dầu nhờn
4662	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép
4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi ; Bán buôn sơn, véc ni ; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
4669 (Chính)	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Mua bán phụ gia chống thấm và phụ gia ngưng kết bê tông. Nhựa đường. Bê tông thương phẩm
4759	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh
3312	Sửa chữa máy móc, thiết bị Chi tiết: Sửa chữa và bảo dưỡng máy móc trong lĩnh vực khai thác mỏ, xây dựng và khí đốt
3320	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp Chi tiết: Lắp đặt hệ thống khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)
4210	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
4290	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
4329	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác

4390	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
4513	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác
4530	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác
4541	Bán mô tô, xe máy Chi tiết: Đại lý mô tô, xe máy
4543	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy Chi tiết: Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy ; Đại lý phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy
4610	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG); Đại lý bếp gas, phụ tùng bếp gas
4632	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thực phẩm khác
4633	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn đồ uống có cồn; Bán buôn đồ uống không có cồn
4649	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ kinh doanh dược phẩm)
4652	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông
4653	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp
4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)
4931	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)

4932	Vận tải hành khách đường bộ khác
4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô, xe tải thông thường, loại khác (trừ ô tô chuyên dụng, xe container)
6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển kinh doanh về sản xuất, thương mại, dịch vụ và các lĩnh vực khác nhằm mục tiêu sinh lợi; giải quyết việc làm ổn định và nâng cao thu nhập cho người lao động; tăng cổ tức và giá trị cổ phiếu cho cổ đông; đóng góp ngân sách Nhà nước thông qua các nghĩa vụ thuế trong quá trình hoạt động kinh doanh.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty hoạt động trong các ngành, nghề đã đăng ký theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và được ghi nhận tại Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật tại từng thời điểm. Công ty được thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu kinh doanh và chiến lược phát triển của Công ty.
2. Công ty được tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà pháp luật không cấm. Công ty có quyền tự chủ kinh doanh và lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh; chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh; chủ động điều chỉnh quy mô và ngành, nghề kinh doanh phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tế.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ của Công ty là 96.380.610.000 đồng (Chín mươi sáu tỷ, ba trăm tám mươi triệu, sáu trăm mười nghìn đồng). Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 9.638.061 cổ phần với mệnh giá là 10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phần.
2. Việc xác định và điều chỉnh vốn điều lệ của Công ty được Đại hội đồng Cổ đông xem xét, thông qua tại từng thời điểm phù hợp; các thay đổi về vốn điều lệ được ghi nhận trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và công bố theo quy định của pháp luật. Sau khi việc góp vốn hoặc điều chỉnh vốn điều lệ đã được thực hiện đầy đủ theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, vốn điều lệ được coi như đã tự động cập nhật trong Điều lệ này mà không phải thực hiện thủ tục sửa đổi, bổ sung Điều lệ nữa.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.
6. Công ty có thể mua Cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.
8. Công ty được phép phát hành cổ phần mới cho người lao động theo chương trình được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt; tổng số cổ phần phát hành trong năm không vượt quá 5% tổng số cổ phần đang lưu hành của Công ty.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là loại chứng khoán do Công ty phát hành, xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông đối với một phần vốn cổ phần của Công ty. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty (người được ủy quyền) và phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn *chín mươi (90) ngày* kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn *sáu mươi (60) ngày* kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu. Quy định tại khoản này

không áp dụng cho trường hợp cổ phần Công ty được niêm yết/đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán tập trung và cổ đông đã đăng ký lưu ký cổ phần thuộc sở hữu của mình vào tài khoản lưu ký mở tại thành viên lưu ký hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

1. Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.
2. Trường hợp chứng khoán được đăng ký lưu ký tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, việc chứng nhận quyền sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật chứng khoán.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều được tự do chuyển nhượng, trừ khi pháp luật hoặc Điều lệ này có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số

tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp.

Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn **phải chịu** trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh và tiền lãi theo *lãi suất cho vay của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)* vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Việc xử lý cổ phần bị thu hồi phải được công bố theo quy định pháp luật chứng khoán nếu làm thay đổi cơ cấu vốn hoặc tỷ lệ sở hữu đáng kể.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

1. Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:
 - a) Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Hội đồng quản trị, Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị;
 - c) Tổng giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:

- a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ này, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
- d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
- đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
- e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ này, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty.
- h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
- i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
- j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
- k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- l) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

- 2) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
- a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại: khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
 - c) Yêu cầu **Hội đồng quản trị** kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là **năm (05) ngày** làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên Cổ đông, số lượng từng loại Cổ phần của Cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
 - đ) Đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp theo quy định tại khoản 2 Điều 140 Luật Doanh nghiệp; việc triệu tập phải được thực hiện trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Doanh nghiệp.**
 - e) Cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài có quyền và nghĩa vụ ngang nhau. Không hạn chế tỷ lệ sở hữu của cổ đông nước ngoài, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.**
 - g) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.**
- 3) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:
- a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc

Đại hội đồng cổ đông;

- b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua;
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;
3. Tuân thủ Điều lệ này và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, email, thư điện tử.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a) Vi phạm pháp luật;

- b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập họp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
- a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm b khoản 3, Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này.
- b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông **theo** quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;
- Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.
- c) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ này;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng **quản trị gây** thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng **quản trị**;
 - l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội **đồng quản trị**;
 - m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề **tại khoản 1 Điều này và các vấn đề sau**:
- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;**
 - c) Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán;**
 - d) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;**
 - đ) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;**
 - e) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;**
 - f) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;**
 - g) Báo cáo đánh giá của từng thành viên Hội đồng quản trị độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị (khi Công ty niêm yết).**
 - h) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại Hội đồng Cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự

hợp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp. Việc cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện theo quy định sau đây:

- a) Cổ đông là tổ chức sở hữu dưới 5% tổng số cổ phần phổ thông ủy quyền cho một (01) người đại diện theo ủy quyền, từ 5% đến dưới 10% được ủy quyền cho tối đa hai (02) người đại diện theo ủy quyền, từ 10% trở lên được ủy quyền cho tối đa ba (03) người đại diện theo ủy quyền. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần được ủy quyền cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông Công ty không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho tất cả người đại diện theo ủy quyền.
 - b) Cổ đông là cá nhân chỉ được ủy quyền cho một (01) người đại diện theo ủy quyền.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.
- Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:
- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.
 - g) Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch.
- Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty.
- Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;
 - c) Phiếu biểu quyết;
 - d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất **bảy (07)** ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 4, Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
 - a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Khoản 4 Điều này;
 - b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
 - c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 4, Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5, Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2, Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thê thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
 - a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến.
 - b) Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;
2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
 - a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, **Thành viên Hội đồng quản trị độc lập** điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
 - d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn

đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
 - a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
 - a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên **50%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông **tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, kể cả đối với các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 148 Luật Doanh nghiệp, trừ các nội dung theo** khoản 3, khoản 4 và khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
2. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, **kể cả** trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Mục đích lấy ý kiến;
 - c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của Cổ đông là tổ chức; số lượng Cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ đông;
 - d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời và
 - g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
- a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Cổ đông không nắm giữ chức danh quản lý của Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - c) Số Cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, phương thức biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách Cổ đông tham gia biểu quyết;

- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng; và
- g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

- 6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu;
- 7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;
- 8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

- 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh

sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
 3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
 4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
 5. **Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp. Việc gửi Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc cuộc họp.**
 6. **Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.**

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại **khoản 2** Điều 21 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
 - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ này;
 - f) **Công ty phải** có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử hai (02) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 40% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.
3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo:
 - a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập;
 - b) Có tối thiểu 01 thành viên không điều hành.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.
5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, **Điều lệ này** và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác
 - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại **điểm d khoản 1 Điều 15 của Điều lệ này** và khoản 1, khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ này quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

- m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
 - r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ này.
3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

- 1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
- 2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
- 3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
- 4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản

trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ này.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại

Điều lệ này. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị;
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường;
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Theo yêu cầu của kiểm toán độc lập để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty. Người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, email, phương tiện điện tử và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
7. **Tổng giám đốc, Trưởng Ban kiểm toán nội bộ, các Người quản lý khác, các cá nhân và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể dự họp Hội đồng quản trị theo lời mời của Hội đồng quản trị nhưng không được biểu quyết trừ khi bản thân họ có quyền được biểu quyết như thành viên Hội đồng quản trị.**
8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 10 Điều này;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, email thư điện tử.
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là **hai (02)** người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài.

Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
3. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập, trách nhiệm của các tiểu ban và trách nhiệm của từng thành viên.

Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty.

1. Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;
 - c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

- d) Tham dự các cuộc họp;
- đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này;
- k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy

1. Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty.
2. Công ty có một (01) Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.
2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng

trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.
2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
 - g) Tuyển dụng lao động;
 - h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

IX. ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán

1. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị đề cử và không phải là người điều hành Công ty.
2. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

Điều 37. Thành phần Ủy Ban kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.
2. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:
 - a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b) Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
3. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.

Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán

Ủy ban kiểm toán có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 161 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, **Tổng giám đốc**, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán;
2. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán;
3. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết;
4. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro, đề xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty;

5. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, **Tổng giám đốc** và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua.

Điều 39. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất 02 lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.
2. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản **hoặc hình thức khác do Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán quy định**. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.

Điều 40. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

1. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:
 - a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;
 - b) Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán;
 - c) Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty;
 - d) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành

viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

- đ) Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty;
- e) Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp;
- g) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên Hội đồng quản trị, **Tổng giám đốc** có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, **Tổng** giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, Công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
 - a) Đối với giao dịch có giá trị **nhỏ hơn ba mươi lăm (35)%** tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
 - b) Đối với giao dịch có giá trị **từ ba mươi lăm (35)%** hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị **từ ba mươi lăm (35)%** trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, **Tổng giám đốc**, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.
7. **Tổng giám đốc không được là người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty và công ty mẹ theo quy định tại điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.**

Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân

thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ này, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ này phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 44. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 45. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng

khoản khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 46. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 47. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày **01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm.**

Điều 48. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm

toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 50. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 51. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm Báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 52. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 53. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ này mà không có quyết định gia hạn;
 - b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 54. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 55. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a) Các chi phí thanh lý;
 - b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c) Nợ thuế;
 - d) Các khoản nợ khác của Công ty;
 - đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:
 - a) Cổ đông với Công ty;
 - b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;
 - c) Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.
2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 57. Điều lệ Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 58. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 mục, 58 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang nhất trí thông qua **ngày 03 tháng 3 năm 2026** tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên **năm 2026** và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này có hiệu lực từ **ngày 03 tháng 3 năm 2026**. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ này có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc **của Người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc được cơ quan /tổ chức có thẩm quyền chứng thực bản sao./**.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Lê Hoàng Nam

TỜ TRÌNH

*V/v: Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty
Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang*

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 (Luật Doanh nghiệp);
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang;
- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị số 35/NQ/HĐQT.2026 ngày 07/02/2026.

Căn cứ yêu cầu tuân thủ pháp luật hiện hành và định hướng nâng cao chuẩn mực quản trị công ty đại chúng, Hội đồng quản trị đã tổ chức rà soát, cập nhật và tái cấu trúc Quy chế nội bộ về quản trị Công ty nhằm bảo đảm tính thống nhất, minh bạch, dễ áp dụng và phù hợp với mô hình quản trị của Công ty trong giai đoạn phát triển mới.

Trên cơ sở đó, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang theo toàn văn Quy chế nội bộ và quản trị Công ty sửa đổi, bổ sung đính kèm Tờ trình này. Do việc sửa đổi, bổ sung và tái cấu trúc toàn diện Quy chế này, Hội đồng quản trị không lập Bảng so sánh sửa đổi đính kèm.
2. Ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Công ty ký ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
3. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sửa đổi, bổ sung có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thay thế toàn bộ các quy định trước đây trái với nội dung sửa đổi, bổ sung.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Lê Hoàng Nam
Lê Hoàng Nam



QUY CHẾ

NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Cần Thơ, ngày 03 tháng 3 năm 2026

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: PHẦN MỞ ĐẦU	4
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	4
CHƯƠNG II: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	4
Điều 2. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	4
Điều 3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	6
Điều 4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	13
Điều 5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến	15
Điều 6. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến	20
CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	21
Điều 7. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị	21
Điều 8. Nhiệm kỳ, số lượng và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị	23
Điều 9. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị	24
Điều 10. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị	25
Điều 11. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị	25
Điều 12. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	25
Điều 13. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	26
Điều 14. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị	27
Điều 15. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị	27
Điều 16. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	28
Điều 17. Cuộc họp đầu tiên và số lượng cuộc họp Hội đồng quản trị tối thiểu theo tháng/quý/năm	29
Điều 18. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường	29
Điều 19. Thông báo họp Hội đồng quản trị	30
Điều 20. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị	30
Điều 21. Cách thức biểu quyết	30
Điều 22. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị	32
Điều 23. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị	32
Điều 24. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị	32
Điều 25. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị	33
Điều 26. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị	33
CHƯƠNG IV: ỦY BAN KIỂM TOÁN	34
Điều 27. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán	34
Điều 28. Nhiệm kỳ, số lượng, tiêu chuẩn, cơ cấu của Ủy ban kiểm toán	34
Điều 29. Ứng cử, đề cử, thành viên Ủy ban kiểm toán	35
Điều 30. Hoạt động của Ủy ban kiểm toán	35
CHƯƠNG V: CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	36

Điều 31. Vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	36
Điều 32. Nhiệm kỳ, số lượng, tiêu chuẩn, cơ cấu của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	36
Điều 33. Cách thức bầu cử, ứng cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	37
Điều 34. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	37
CHƯƠNG VI: NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY	38
Điều 35. Tiêu chuẩn của người phụ trách quản trị công ty	38
Điều 36. Việc bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty	38
Điều 37. Các trường hợp miễn nhiệm người phụ trách công ty	38
Điều 38. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty	38
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của người phụ trách quản trị công ty	38
CHƯƠNG VII: TỔNG GIÁM ĐỐC	39
Điều 40. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc	39
Điều 41. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc	40
Điều 42. Ứng cử, đề cử Tổng giám đốc	40
Điều 43. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký và chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng giám đốc	40
Điều 44. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký và chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng giám đốc	40
Điều 45. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc	41
CHƯƠNG VIII: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC 41	
Điều 46. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc	41
Điều 47. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Tổng giám đốc	41
Điều 48. Các trường hợp Tổng giám đốc đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị	42
Điều 49. Báo cáo của Tổng giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao	42
Điều 50. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc	42
Điều 51. Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị	42
Điều 52. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên	43
Điều 53. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác	43
Điều 54. Xử lý tình huống khẩn cấp	43
CHƯƠNG IX: HIỆU LỰC THI HÀNH	44
Điều 55. Hiệu lực thi hành	44

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (Nghị định 155);
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số.....-NQ/ĐHĐCĐ.2026 ngày 03 tháng 03 năm 2026.

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang. Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I: PHẦN MỞ ĐẦU

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc; Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang và những người liên quan.

CHƯƠNG II: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 2. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Vai trò của Đại hội đồng cổ đông

(Theo khoản 1 Điều 14 Điều lệ Công ty:)

Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

(Theo Điều 15 Điều lệ Công ty:)

- a) Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- i) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - ii) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - iii) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
 - iv) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - v) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
 - vi) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - vii) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - viii) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - ix) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - x) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị;
 - xi) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;
 - xii) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - xiii) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
- b. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề tại khoản 1 Điều này và các vấn đề sau:
- i) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - ii) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - iii) Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán;
 - iv) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
 - v) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - vi) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - vii) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

- viii) Báo cáo đánh giá của từng thành viên Hội đồng quản trị độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị (khi Công ty niêm yết).
- ix) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- c) Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

(Theo khoản 1 Điều 18 Điều lệ Công ty:)

Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty như sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp

(Theo điểm a khoản 2 Điều 18 Điều lệ Công ty:)

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông *(Theo điểm a khoản 2 Điều 18 Điều lệ Công ty:).*

Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

4. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

(Theo khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty:)

Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng nhiều

phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

5. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông

- a) Người có nhiệm vụ chuẩn bị chương trình, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông
(Theo khoản 2 Điều 18 Điều lệ Công ty:)

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- i) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
- ii) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- iii) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
- iv) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
- v) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
- vi) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- vii) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.
- viii) Các công việc khác phục vụ đại hội.

b) Kiến nghị của cổ đông đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông

(Theo khoản 4 Điều 18 Điều lệ Công ty:)

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

c) Từ chối kiến nghị của cổ đông đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông

(Theo khoản 5 Điều 18 Điều lệ Công ty:)

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 4, Điều 18 Điều lệ Công ty nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- i) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Khoản 4 Điều 18 Điều lệ Công ty;
- ii) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty;
- iii) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- iv) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

d) Chấp nhận kiến nghị của cổ đông đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông

(Theo khoản 6 Điều 18 Điều lệ Công ty:)

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều 18 Điều lệ công ty vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 18 Điều lệ Công ty; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

6. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

(Theo Điều 16 Điều lệ Công ty:)

a) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp. Việc cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện theo quy định sau đây:

- i) Cổ đông là tổ chức sở hữu dưới 5% tổng số cổ phần phổ thông ủy quyền cho một (01) người đại diện theo ủy quyền, từ 5% đến dưới 10% được ủy quyền cho tối đa hai (02) người đại diện theo ủy quyền, từ 10% trở lên được ủy quyền

cho tối đa ba (03) người đại diện theo ủy quyền. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần được ủy quyền cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông Công ty không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho tất cả người đại diện theo ủy quyền.

- ii) Cổ đông là cá nhân chỉ được ủy quyền cho một (01) người đại diện theo ủy quyền.
- b) Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

- c) Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:
 - i) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - ii) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - iii) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

7. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

(Theo khoản 1, khoản 6 Điều 20 Điều lệ Công ty:)

- a) Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
 - i) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn

đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến.

- ii) Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;
- b) Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

8. Điều kiện tiến hành

(Theo Điều 19 Điều lệ Công ty:)

- a) Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết.
- b) Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điểm a khoản này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
- c) Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điểm b khoản này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

9. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

(Theo khoản 3 Điều 15 Điều lệ Công ty:)

Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

10. Cách thức bỏ phiếu và cách thức kiểm phiếu

(Theo khoản 1, Điều 20 Điều lệ Công ty:)

Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

- a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến.
- b) Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

11. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

(Theo Điều 21 Điều lệ Công ty:)

- a) Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, kể cả đối với các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 148 Luật Doanh nghiệp, trừ các nội dung theo khoản 3, khoản 4 và khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
- b) Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

12. Thông báo kết quả kiểm phiếu

(Theo khoản 5 Điều 20 Điều lệ Công ty:)

Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

13. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

(Theo quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp:)

- a) Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày kể

từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

- b) Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

14. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

(Theo khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 23 Điều lệ Công ty:)

- a) Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - ii) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - iii) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - iv) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - v) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - vi) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - vii) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - viii) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - ix) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
- b) Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

- c) Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
- d) Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

15. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

(Theo khoản 4 Điều 23 Điều lệ Công ty:)

Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp. Việc gửi Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc cuộc họp.

Điều 4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản

(Theo khoản 1 Điều 22 Điều lệ Công ty:)

Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, kể cả trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

(Theo khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 22 Điều lệ Công ty:)

- a) Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty.
- b) Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - ii) Mục đích lấy ý kiến;
 - iii) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ

đồng là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của Cổ đông là tổ chức; số lượng Cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ đông;

- iv) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - v) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - vi) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời và
 - vii) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- c) Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
- i) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - ii) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - iii) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
- d) Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Cổ đông không nắm giữ chức danh quản lý của Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - ii) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - iii) Số Cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, phương thức biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách Cổ đông tham gia biểu quyết;
 - iv) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - v) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng; và
 - vi) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu

phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

- d. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu;
- e. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;
- f. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến

- 1. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến
 - a) Thảm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông (theo khoản 1 Điều 3 Quy chế này).
 - b) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp (theo khoản 2 Điều 3 Quy chế này).
 - c) Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông (theo khoản 3 Điều 3 Quy chế này).

2. Cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Việc đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được thực hiện trước thời điểm khai mạc cuộc họp theo hướng dẫn cụ thể tại Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông do Công ty công bố, bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung sau:

- a) Điều kiện tham dự:
 - i) Cổ đông có tên trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập theo quy định của pháp luật và Thông báo thực hiện quyền của Công ty;
 - ii) Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.
- b) Yêu cầu về điều kiện kỹ thuật

Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự họp Đại hội đồng

cổ đông trực tuyến phải có thiết bị điện tử phù hợp (như máy tính, máy tính bảng, điện thoại thông minh hoặc thiết bị điện tử khác) và kết nối internet ổn định để truy cập hệ thống hợp và hệ thống bỏ phiếu điện tử do Công ty hoặc đơn vị được Công ty ủy quyền cung cấp.

c) Cách thức ghi nhận việc tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông được coi là đã tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến khi cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đó truy cập vào hệ thống bằng các thông tin truy cập đã được cung cấp theo Khoản 3 Điều này và đã thực hiện biểu quyết trên hệ thống trực tuyến để xác nhận tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

3. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện quyền bỏ phiếu điện tử

- a) Thông tin đường dẫn truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) nhằm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sẽ được cung cấp trong thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông (hoặc hình thức thông báo thông tin đăng nhập do Hội đồng quản trị quy định). Cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông phải có trách nhiệm bảo mật tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác được cấp để đảm bảo rằng chỉ có cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký này.
- b) Khi cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông có yêu cầu cung cấp lại thông tin đăng nhập, Ban tổ chức cuộc họp có thể thông báo thông qua các hình thức: trực tiếp, email hoặc điện thoại. Hình thức cung cấp thông tin đăng nhập qua email hoặc điện thoại chỉ được thực hiện dựa trên thông tin cổ đông từ danh sách cổ đông có quyền bỏ phiếu do Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty.
- c) Cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông sử dụng tên đăng nhập, mật khẩu truy cập hoặc các yếu tố định danh khác (nếu có) truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu điện tử theo nội dung của Chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

4. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Cổ đông thực hiện việc ủy quyền cho người đại diện tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức trực tuyến theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Quy chế này.

Một số quy định cần lưu ý khi thực hiện ủy quyền trực tuyến:

- a) Các cổ đông phải cung cấp đầy đủ các thông tin để thực hiện việc ủy quyền trực tuyến, đặc biệt là cung cấp thông tin của bên nhận ủy quyền: số điện thoại, địa chỉ

liên lạc và địa chỉ email. Đây là cơ sở để cấp tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) đối với bên nhận ủy quyền.

- b) Việc ủy quyền trực tuyến chỉ có hiệu lực pháp lý khi thỏa mãn các điều kiện sau:
 - i) Khi cổ đông điền đầy đủ các thông tin theo mẫu ủy quyền trực tuyến và hoàn thành việc ủy quyền trực tuyến.
 - ii) Giấy ủy quyền được in ra theo mẫu ủy quyền trực tuyến có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu là tổ chức) của bên ủy quyền và cả bên nhận ủy quyền.
 - iii) Công ty nhận được bản chính Giấy ủy quyền trước khi khai mạc cuộc họp.
 - c) Hủy bỏ việc ủy quyền đối với cổ đông đã ủy quyền trực tuyến: cổ đông gửi văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến cho Công ty trước khi khai mạc cuộc họp. Lưu ý thời gian ghi nhận việc hủy ủy quyền có hiệu lực được tính theo thời gian Công ty nhận được văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến.
 - d) Hủy bỏ việc ủy quyền sẽ bị vô hiệu nếu đại diện ủy quyền đã tiến hành bỏ phiếu biểu quyết/bầu cử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.
5. Điều kiện tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến (theo khoản 8 Điều 3 Quy chế này).
6. Thảo luận tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến
- a) Nguyên tắc:
 - i) Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi nội dung, chương trình họp Đại hội đồng cổ đông;
 - ii) Chỉ có cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông mới được tham gia thảo luận;
 - iii) Cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông muốn thảo luận phải đăng ký nội dung thảo luận theo hình thức quy định cụ thể tại Quy chế làm việc của cuộc họp;
 - iv) Ban Thư ký sẽ sắp xếp các nội dung thảo luận của cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông theo thứ tự đăng ký và chuyển đến cho Chủ tọa.
 - b) Giải đáp ý kiến của cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông:
 - i) Trên cơ sở ý kiến của cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông;
 - ii) Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại cuộc họp sẽ được Công ty trả lời sau.
7. Cách thức thông qua Nghị quyết của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến do Hội

đồng quản trị lựa chọn một trong hai phương án sau và được quy định tại Quy chế làm việc của cuộc họp Đại hội cổ đông trực tuyến:

- a) Thực hiện bằng cách bỏ phiếu điện tử theo khoản 8 Điều này.
- b) Hoặc hình thức khác do Quy chế làm việc của cuộc họp Đại hội cổ đông trực tuyến quy định.

8. Cách thức bỏ phiếu điện tử

a) Cách thức bỏ phiếu biểu quyết:

- i) Cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông chọn lựa một trong ba phương án biểu quyết tán thành, không tán thành hoặc không ý kiến đối với từng nội dung được đưa ra biểu quyết tại cuộc họp đã được cài đặt trên hệ thống bỏ phiếu điện tử.
- ii) Sau đó, cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông phải xác nhận biểu quyết để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.

b) Cách thức bỏ phiếu bầu cử

- i) Căn cứ điều lệ Công ty việc bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Theo đó, cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông thực hiện việc bầu cử bằng cách chọn vào ô “Bầu dồn đều” hoặc ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên trong ứng viên Phiếu bầu cử đã được cài đặt trên hệ thống bỏ phiếu điện tử.
- ii) Sau đó, cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông phải xác nhận bầu cử để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.

c) Một số quy định khác khi thực hiện bỏ phiếu điện tử

- i) Trường hợp cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông không thực hiện hết các nội dung biểu quyết, bầu cử theo nội dung chương trình họp thì các nội dung chưa được biểu quyết, bầu cử được xem như cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử nội dung đó.
- ii) Trong trường hợp phát sinh các nội dung ngoài chương trình họp đã gửi, cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông có thể biểu quyết, bầu cử bổ sung. Nếu cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông không thực hiện biểu quyết, bầu cử với những nội dung phát sinh thì xem như cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử nội dung phát sinh đó.
- iii) Cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông có thể thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử (nhưng không thể hủy kết quả biểu quyết, bầu cử); bao gồm cả kết quả biểu quyết, bầu cử bổ sung những nội dung phát sinh ngoài chương trình họp. Hệ thống trực tuyến chỉ ghi nhận kiểm phiếu đối với kết quả biểu quyết, bầu

cử cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử của từng đợt kiểm phiếu được quy định trong Quy chế làm việc của cuộc họp.

- iv) Trong trường hợp, cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông thực hiện bầu ghi số: Phiếu bầu không hợp lệ là phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên lớn hơn tổng số phiếu bầu mà cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông có quyền bầu.
- v) Thời gian bỏ phiếu điện tử được quy định cụ thể trong Quy chế làm việc của cuộc họp. Cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông có thể truy cập hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu 24 giờ trong ngày và 07 ngày trong tuần trừ trường hợp bảo trì hệ thống hoặc lý do khác nằm ngoài tầm kiểm soát của Công ty. Kết thúc thời gian bỏ phiếu, hệ thống không ghi nhận thêm kết quả bỏ phiếu điện tử từ cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông.

9. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến

Khi cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông thực hiện biểu quyết/bầu cử, số phiếu biểu quyết, phiếu bầu đều được ghi nhận trên hệ thống theo nguyên tắc số biểu quyết tán thành, biểu quyết không tán thành và biểu quyết không ý kiến.

10. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Căn cứ biên bản kiểm phiếu ghi nhận như quy định tại khoản 8 Điều này, Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng nội dung trong chương trình họp. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ tọa/Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Kết quả và số liệu sẽ được xuất ra các file mềm và bản cứng và sẽ được lưu trữ tại Công ty.

11. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

- a) Thực hiện theo khoản 14 Điều 3 Quy chế này.
- b) Địa điểm tổ chức được ghi trong biên bản họp Đại hội cổ đông trực tuyến là địa điểm Chủ tọa có mặt. Địa điểm này phải trên lãnh thổ Việt Nam.
- c) Hình thức thông qua Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được quy định cụ thể tại Quy chế làm việc của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

12. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo khoản 15, Điều 3 Quy chế này.

13. Trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng

- a) Trong thời gian Đại hội đồng cổ đông họp trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, có thể xảy ra những sự kiện bất khả kháng tại địa điểm Chủ tọa điều hành cuộc họp (không bao gồm các sự kiện bất khả kháng đối với một hay một số cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông tham dự) như: thiên tai, hỏa hoạn, mất điện hoặc mất kết nối đường truyền internet, sự cố kỹ thuật, các yêu cầu hay chỉ thị của cơ quan

có thẩm quyền...

- b) Trường hợp xảy ra các sự kiện bất khả kháng và không thể khắc phục để cuộc họp có thể diễn ra tiếp tục trong thời gian 60 phút, Chủ tọa sẽ tuyên bố tạm dừng cuộc họp, tất cả các nội dung đã được biểu quyết thông qua trước khi tạm dừng (nếu có) sẽ bị hủy bỏ. Các nội dung này sẽ được biểu quyết lại trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập gần nhất.

Điều 6. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến

1. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông
 - a) Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông (theo khoản 1 Điều 3 Quy chế này).
 - b) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp (theo khoản 2 Điều 3 Quy chế này).
 - c) Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông (theo khoản 3 Điều 3 Quy chế này).
2. Cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến
 - a) Đối với cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đăng ký tham dự trực tiếp (theo khoản 7 Điều 3 Quy chế này).
 - b) Đối với cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đăng ký tham dự trực tuyến (theo khoản 2 Điều 5 Quy chế này).
3. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến áp dụng với cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đăng ký tham dự trực tuyến (theo khoản 3 Điều 5 Quy chế này).
4. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến:
 - a) Đối với cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đăng ký tham dự trực tiếp (theo khoản 6 Điều 3 Quy chế này).
 - b) Đối với cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đăng ký tham dự trực tuyến theo khoản 4 Điều 5 Quy chế này.
5. Điều kiện tiến hành cuộc họp (theo khoản 8 Điều 3 của Quy chế này)
6. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông
 - a) Đối với cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đăng ký tham dự trực tiếp khoản 9 Điều 3 Quy chế này.

- b) Đối với cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đăng ký tham dự trực tuyến (theo khoản 7 Điều 5 Quy chế này)
- 7. Thảo luận tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo: Thực hiện theo điểm g khoản 3 Điều này.
- 8. Cách bỏ phiếu
 - a) Đối với cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đăng ký tham dự trực tiếp (theo điểm a khoản 10 Điều 3 Quy chế này).
 - b) Đối với cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đăng ký tham dự trực tuyến (khoản 8 Điều 5 Quy chế này).
- 9. Cách thức kiểm phiếu
 - a) Đối với cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đăng ký tham dự trực tuyến (theo điểm b khoản 10 Điều 3 Quy chế này).
 - b) Đối với cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đăng ký tham dự trực tuyến (theo khoản 9 Điều 5 Quy chế này).
- 10. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Căn cứ biên bản kiểm phiếu ghi nhận như quy định tại khoản 9 Điều này, Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng nội dung theo nội dung chương trình họp. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ tọa/Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
- 11. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông
 - a) Thực hiện theo khoản 14 Điều 3 Quy chế này.
 - b) Địa điểm tổ chức được ghi trong biên bản họp Đại hội cổ đông trực tuyến là địa điểm Chủ tọa có mặt. Địa điểm này phải trên lãnh thổ Việt Nam.
 - c) Hình thức thông qua Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được quy định cụ thể tại Quy chế làm việc của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- 12. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo khoản 15, Điều 3 Quy chế này.

CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 7. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

(Theo Điều 27 Điều lệ Công ty:)

- 1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác
 - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 15 của Điều lệ Công ty và khoản 1, khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử

- lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
 - r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.
3. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị (theo Điều 159 Luật doanh nghiệp)
- a) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.
 - b) Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 8. Nhiệm kỳ, số lượng và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị

(Theo Điều 26 Điều lệ Công ty:)

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo:
 - a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập;
 - b) Có tối thiểu 01 thành viên không điều hành.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.
5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 9. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

(Theo Điều 155 Luật Doanh nghiệp, Điều 275 Nghị định số 155:)

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty.
 - c) Không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
 - d) Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
 - b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
 - d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
 - đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.
3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn sáu (06) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 10. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

(Theo khoản 2, 3 Điều 25 Điều lệ Công ty)

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử hai (02) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 40% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

(Theo khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:)

1. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị tại cuộc họp phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
2. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty.
3. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 12. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

(Theo Điều 160 Luật doanh nghiệp:)

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh

nghiệp;

- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

Trong thời gian chờ Đại hội đồng cổ đông xem xét, Hội đồng quản trị được phân công tạm thời việc thực hiện nhiệm vụ nhằm bảo đảm hoạt động quản trị không bị gián đoạn.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm số thành viên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp;
 - c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 13. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Sau khi Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị ban hành nghị quyết, quyết định về việc bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Công ty có trách nhiệm thực hiện công bố thông tin đầy đủ, kịp thời và minh bạch theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Việc công bố thông tin được thực hiện thông qua hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán, đồng thời thông báo trong nội bộ Công ty, đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty và gửi đến các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, Sở giao dịch chứng khoán và các tổ chức, cá nhân liên quan theo đúng trình tự, thủ tục và thời hạn quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

(Theo khoản 1 Điều 25 Điều lệ Công ty:)

Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;
- f) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

Điều 15. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

(Theo Điều 29 Điều lệ Công ty)

- 1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
- 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.
- 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
 5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 16. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

(Theo Điều 28 Điều lệ Công Ty)

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 17. Cuộc họp đầu tiên và số lượng cuộc họp Hội đồng quản trị tối thiểu theo tháng/quý/năm

(Theo khoản 1, khoản 2 Điều 30 Điều lệ Công ty)

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

Điều 18. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường

(Theo khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 30 Điều lệ Công ty)

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Theo yêu cầu của kiểm toán độc lập để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
2. Đề nghị quy định tại khoản 1 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải

chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty. Người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

Điều 19. Thông báo họp Hội đồng quản trị

(Theo khoản 6, khoản 7 Điều 30 Điều lệ Công ty)

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
2. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, email, phương tiện điện tử và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
3. Tổng giám đốc, Trưởng Ban kiểm toán nội bộ, các Người quản lý khác, các cá nhân và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể dự họp Hội đồng quản trị theo lời mời của Hội đồng quản trị nhưng không được biểu quyết trừ khi bản thân họ có quyền được biểu quyết như thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 20. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

(Theo khoản 8 Điều 30 Điều lệ Công ty)

1. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp.
2. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Điều 21. Cách thức biểu quyết

(Theo khoản 3 Điều 153 Luật Doanh nghiệp)

1. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

(Theo khoản 9, 10 Điều 30 Điều lệ Công ty)

2. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Điều 23 Quy chế này;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, email thư điện tử.
3. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
4. Biểu quyết
- a) Trừ quy định tại điểm b khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 2 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
5. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị khi thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
- Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.
6. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
- a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 22. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

(Theo khoản 12 Điều 30, khoản 4 Điều 41 Điều lệ Công ty:)

1. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
2. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 23. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị

(Theo khoản 11 Điều 30 Điều lệ Công ty)

Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 24. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị

(Theo khoản 1, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 158 Luật doanh nghiệp)

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Thời gian, địa điểm họp;
 - c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - f) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - g) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - h) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại Điều 25 Quy chế này.
2. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
 3. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
 4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 25. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị

(Theo khoản 2 Điều 158 Luật doanh nghiệp)

1. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 24 Quy chế này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp.
2. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.

Điều 26. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

1. Căn cứ vào các nội dung, quyết định được thông qua của cuộc họp Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ thay mặt Hội đồng quản trị ký ban hành các văn bản nghị quyết của Hội đồng quản trị.
2. Nghị quyết Hội đồng quản trị phải được thông báo tới các bên có liên quan theo quy định tại Điều lệ Công ty.

3. Các nội dung nghị quyết thuộc phạm vi phải công bố thông tin sẽ được công bố thông tin theo quy định pháp luật.

CHƯƠNG IV: ỦY BAN KIỂM TOÁN

Điều 27. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán

(Theo Điều 38 Điều lệ Công ty)

Ủy ban kiểm toán có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 161 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán;
2. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán;
3. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết;
4. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro, đề xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty;
5. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua.

Điều 28. Nhiệm kỳ, số lượng, tiêu chuẩn, cơ cấu của Ủy ban kiểm toán

(Theo Điều 37 Điều lệ Công ty)

1. Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.
2. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:
 - a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b) Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
3. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.

Điều 29. Ứng cử, đề cử, thành viên Ủy ban kiểm toán

(Theo Điều 36 Điều lệ Công ty)

1. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị đề cử và không phải là người điều hành Công ty.
2. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

Điều 30. Hoạt động của Ủy ban kiểm toán

(Theo Điều 39, Điều 40 Điều lệ Công ty)

1. Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất 02 lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.
2. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán quy định. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.
3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
4. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:
 - a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - b) Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán;
 - c) Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty;
 - d) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

- đ) Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty;
- e) Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp;
- g) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.

CHƯƠNG V: CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Căn cứ Điều 31 Điều lệ Công ty)

Điều 31. Vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Ngoài Ủy ban kiểm toán được thành lập theo quy định pháp luật, Hội đồng quản trị, căn cứ Điều lệ Công ty và yêu cầu quản trị từng thời kỳ, được quyền thành lập các Tiểu ban trực thuộc nhằm hỗ trợ Hội đồng quản trị thực hiện chức năng định hướng chiến lược, giám sát và nâng cao hiệu quả quản trị Công ty.
2. Tiểu ban có trách nhiệm:
 - a) Nghiên cứu, đánh giá, thẩm tra và tham mưu cho Hội đồng quản trị về lĩnh vực được phân công;
 - b) Giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị trong phạm vi chức năng;
 - c) Đề xuất chính sách, cơ chế quản trị, kiểm soát và quản lý rủi ro;
 - d) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Hội đồng quản trị;
 - e) Đề nghị Ban điều hành và các bộ phận liên quan cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ hoạt động của Tiểu ban theo cơ chế do Hội đồng quản trị quy định.
3. Tiểu ban hoạt động theo nguyên tắc tư vấn, hỗ trợ Hội đồng quản trị và không thay thế thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cuối cùng đối với các quyết định của Công ty.

Điều 32. Nhiệm kỳ, số lượng, tiêu chuẩn, cơ cấu của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Nhiệm kỳ của tiểu ban tương ứng với nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị, trừ trường hợp Hội đồng quản trị quyết định khác.
2. Mỗi tiểu ban có tối thiểu hai (02) thành viên do Hội đồng quản trị quyết định, bao gồm thành viên Hội đồng quản trị và có thể bao gồm thành viên bên ngoài.
3. Cơ cấu tiểu ban:

- a) Thành viên Hội đồng quản trị độc lập và/hoặc thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số tùy tiểu ban;
 - b) Trưởng tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị độc lập hoặc thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên bên ngoài do Hội đồng quản trị quyết định tùy thời điểm và tùy tiểu ban.
 - c) Thành viên có kiến thức, kinh nghiệm phù hợp với chức năng của tiểu ban.
4. Thành viên bên ngoài tham gia tiểu ban không được xem là người quản lý Công ty, trừ trường hợp được bổ nhiệm chức danh quản lý theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 33. Cách thức bầu cử, ứng cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

- 1. Hội đồng quản trị quyết định việc:
 - a) Thành lập tiểu ban;
 - b) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, thay thế thành viên tiểu ban;
 - c) Bổ nhiệm Trưởng tiểu ban.
- 2. Thành viên tiểu ban được lựa chọn trên cơ sở:
 - a) Đề cử của Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - b) Đề xuất của thành viên Hội đồng quản trị.
- 3. Thành viên tiểu ban bị miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm trong các trường hợp:
 - a) Có đơn từ nhiệm;
 - b) Không còn đáp ứng tiêu chuẩn thành viên;
 - c) Không tham gia hoạt động theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;
 - d) Vi phạm nghĩa vụ trung thực, cẩn trọng hoặc xung đột lợi ích;
 - e) Theo quyết định của Hội đồng quản trị.
- 4. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm thành viên tiểu ban được thực hiện bằng nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

- 1. Hoạt động của các tiểu ban phải tuân thủ:
 - a) Pháp luật hiện hành;
 - b) Điều lệ Công ty;
 - c) Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;
 - d) Quy chế hoạt động do Hội đồng quản trị ban hành.

2. Tiểu ban làm việc theo chế độ tập thể hoặc chế độ thủ trưởng do Hội đồng quản trị quyết định, họp định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Trưởng tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị.
3. Cuộc họp tiểu ban được tiến hành khi có đa số thành viên tham dự hoặc theo quy định của Quy chế hoạt động của tiểu ban.
4. Kiến nghị của tiểu ban có giá trị tham mưu và là cơ sở để Hội đồng quản trị xem xét, quyết định.
5. Tiểu ban phải báo cáo định kỳ hoặc theo yêu cầu về hoạt động, kết quả giám sát và kiến nghị đối với Hội đồng quản trị.
6. Hội đồng quản trị ban hành quy chế hoạt động chi tiết, quy định quyền hạn, trách nhiệm và cơ chế phối hợp giữa các tiểu ban và Ban Điều hành.

CHƯƠNG VI: NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 35. Tiêu chuẩn của người phụ trách quản trị công ty

(Theo khoản 2 Điều 31 Điều lệ Công ty)

Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

Điều 36. Việc bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty

(Theo khoản 1 Điều 31 Điều lệ Công ty)

Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

Điều 37. Các trường hợp miễn nhiệm người phụ trách công ty

Hội đồng quản trị có quyền miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty theo nhu cầu quản trị và theo quy định của pháp luật có liên quan; đồng thời quyết định bố trí nhân sự hỗ trợ khi cần thiết.

Điều 38. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty

Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật chứng khoán.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của người phụ trách quản trị công ty

(Theo khoản 3 Điều 32 Điều lệ Công ty)

1. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
2. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;
3. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
4. Tham dự các cuộc họp;
5. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
6. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị;
7. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
8. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
9. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VII: TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 40. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc

(Khoản 2, 4 Điều 35 Điều lệ Công ty)

1. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
2. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
 - g) Tuyển dụng lao động;
 - h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

- i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 41. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc

(Theo khoản 3 Điều 35, khoản 7 Điều 41 Điều lệ Công ty)

1. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo Điều 64 Luật Doanh nghiệp:
 - a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.
 - b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty và điều kiện khác do Điều lệ Công ty quy định.
 - c) Không được là người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ theo quy định tại điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.

Điều 42. Ứng cử, đề cử Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc, các thành viên Hội đồng quản trị có quyền ứng cử, đề cử ứng viên Tổng giám đốc theo đúng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 41 Quy chế này và trình lên Hội đồng quản trị xem xét khi Công ty có nhu cầu tìm kiếm Tổng giám đốc.

Điều 43. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký và chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng giám đốc

(Theo khoản 1, 5 Điều 35, căn cứ điểm i khoản 2 Điều 27 Điều lệ Công ty:)

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.
2. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.
3. Hội đồng quản trị có thẩm quyền ký kết, chấm dứt hợp đồng và quyết định các điều khoản của hợp đồng lao động được quy định tại điểm i Khoản 2 Điều 27 Điều lệ Công ty.

Điều 44. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký và chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng giám đốc

1. Sau khi Hội đồng quản trị ban hành nghị quyết, quyết định về việc bầu, miễn nhiệm

hoặc bãi nhiệm Tổng giám đốc, Công ty có trách nhiệm thực hiện công bố thông tin đầy đủ, kịp thời và minh bạch theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Việc công bố thông tin được thực hiện thông qua hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán, đồng thời thông báo trong nội bộ Công ty, đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty và gửi đến các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, Sở giao dịch chứng khoán và các tổ chức, cá nhân liên quan theo đúng trình tự, thủ tục và thời hạn quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 45. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc

(Theo khoản 3, khoản 4 Điều 34 Điều lệ Công ty:)

1. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
2. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

CHƯƠNG VIII: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 46. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc

1. Khi Tổng giám đốc là thành viên Hội đồng quản trị thì thủ tục và trình tự mời họp đã được đề cập trong phần triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Chương trình, nội dung họp giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc được kết hợp trong chương trình họp Hội đồng quản trị.
3. Hội đồng quản trị không trực tiếp điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty.

Điều 47. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Tổng giám đốc

Nghị quyết/ Quyết định Hội đồng quản trị (với các nội dung liên quan đến trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng giám đốc) sau khi được ban hành phải được gửi đến cho Tổng giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 48. Các trường hợp Tổng giám đốc đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị

1. Giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc có xung đột quyền và nghĩa vụ.
2. Tổng giám đốc xử lý vượt quá thẩm quyền của Tổng giám đốc.
3. Tổng giám đốc có giao dịch mà là một bên liên quan.
4. Trong quá trình thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị có phát sinh trọng yếu.

Điều 49. Báo cáo của Tổng giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

1. Báo cáo của Tổng giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao được tích hợp thành một mục trong chương trình họp Hội đồng quản trị.
2. Các nội dung báo cáo bao gồm các nội dung:
 - a) Việc triển khai các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - b) Các kết quả tài chính của Công ty;
 - c) Các nội dung khác theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.

Điều 50. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc

Việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc được tích hợp thành một mục trong chương trình họp Hội đồng quản trị.

Điều 51. Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị

Tổng giám đốc phải cung cấp thông tin khi:

1. Thành viên Hội đồng quản trị yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty theo đúng quy định của pháp luật.
2. Trưởng các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị yêu cầu bằng văn bản, thư điện tử đối với các nội dung mà Tiểu ban đã thông qua rằng Tổng giám đốc phải cung cấp. Khi đó, Tổng giám đốc sẽ phải báo cáo bằng văn bản.

Điều 52. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát Tổng giám đốc theo quy chế hoạt động của các tiểu ban chuyên trách.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể trao đổi ngay tại các cuộc họp Hội đồng quản trị, cuộc họp các tiểu ban.
3. Thành viên Hội đồng quản trị có thể phối hợp với các người điều hành doanh nghiệp khác sau khi tham khảo với Tổng giám đốc về chủ đề, thời gian.

Điều 53. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác

Hội đồng quản trị quyết định khen thưởng hoặc kỷ luật đối với việc hoàn thành hoặc không hoàn thành thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác.

Điều 54. Xử lý tình huống khẩn cấp

1. Tổng giám đốc là người điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm bảo đảm hoạt động liên tục, an toàn và hiệu quả theo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
2. Tổng giám đốc có quyền quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp để bảo vệ lợi ích của Công ty nhưng phải báo cáo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong thời gian sớm nhất có thể và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông gần nhất về các quyết định đó.
3. Tổng giám đốc có quyền từ chối thi hành (ý kiến được bảo lưu) đối với các quyết định của Hội đồng quản trị nếu nhận định rằng quyết định này trái pháp luật hoặc gây tổn hại đến quyền lợi của cổ đông. Khi đó, Tổng giám đốc phải có báo cáo giải trình bằng văn bản ngay với Hội đồng quản trị.
4. Trước khi thực hiện các nhiệm vụ cần phải có sự phê duyệt của Hội đồng quản trị thì Tổng giám đốc phải gửi tờ trình đến Hội đồng quản trị trước 07 ngày, trừ trường hợp khẩn cấp theo khoản 2 Điều này.

CHƯƠNG IX: HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 55. Hiệu lực thi hành

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang bao gồm 55 điều và 9 chương có hiệu lực thi hành kể từ ngày 03 tháng 3 năm 2026. Quy chế này thay thế toàn bộ Quy chế quản trị nội bộ trước đây./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lê Hoàng Nam

TỜ TRÌNH

V/v: Sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 (Luật Doanh nghiệp);
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang;
- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị số 35/NQ/HĐQT.2026 ngày 07/02/2026.

Căn cứ yêu cầu tuân thủ pháp luật hiện hành và định hướng nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị đã tổ chức rà soát, cập nhật và tái cấu trúc Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị nhằm bảo đảm tính thống nhất với Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và mô hình quản trị, kiểm soát nội bộ của Công ty trong giai đoạn phát triển mới.

Trên cơ sở đó, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang theo nội dung chi tiết và toàn văn Quy chế sửa đổi, bổ sung đính kèm Tờ trình này.
2. Ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Công ty ký ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
3. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị sửa đổi, bổ sung có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thay thế toàn bộ các quy định trước đây trái với nội dung sửa đổi, bổ sung.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ




Lê Hoàng Nam



**BẢNG TÓM TẮT ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI
TRONG QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG**

(Ngày 03/3/2026)

Ghi chú:

- Phụ lục này cập nhật các nội dung chính được sửa đổi trong Dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua để các cổ đông tiện theo dõi, so sánh.
- Các nội dung đề xuất thay đổi trong mục “Nội dung hiện hành” là các dòng chữ thể hiện dưới dạng gạch chân.
- Các nội dung cần sửa đổi bổ sung tại mục “Sau khi sửa đổi, bổ sung” là nội dung gạch chân.

Điều khoản	Sửa đổi	Nội dung hiện hành	Sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do điều chỉnh
Phần mở đầu	Số và ngày nghị quyết	- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số <u>01-NQ/ĐHĐCĐ.2021</u> ngày <u>29 tháng 04 năm 2021</u> .	- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số <u>....-NQ/ĐHĐCĐ.2026</u> ngày <u>03 tháng 03 năm 2026</u> .	Cập nhật căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị	Sửa đổi nội dung khoản 1	1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ <u>công ty</u> , trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.	1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ <u>Công ty</u> , trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.	Chuẩn hóa thuật ngữ pháp lý
	Sửa đổi nội dung khoản 3	3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.	3. <u>Từng</u> thành viên Hội đồng quản trị độc lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị (khi Công ty niêm yết).	Cập nhật theo quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung)

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị	Sửa đổi nội dung khoản 1	1. <u>Hội đồng quản trị có 05 thành viên. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng thành viên Hội đồng quản trị.</u>	1. <u>Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người.</u>	Quy định rõ số lượng thành viên Hội đồng quản trị theo Điều lệ Công ty
	Sửa đổi nội dung khoản 3	3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, <u>trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.</u>	3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.	Lược bỏ nội dung ngoại lệ nhằm bảo đảm thống nhất với Điều lệ Công ty hiện hành
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị	Sửa đổi nội dung điểm b, tách thành điểm b, c khoản 1	b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đồng của Công ty, <u>trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;</u>	b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty. c) Không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.	Chuẩn hóa cấu trúc điều khoản
	Sửa đổi nội dung điểm c, chuyển thành điểm d, khoản 1	c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty <u>có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;</u>	d) Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty <u>chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.</u>	Cập nhật theo Nghị định 155/2020/NĐ- CP (đã được sửa đổi, bổ sung)
	Sửa đổi nội dung khoản 2	2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập <u>theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp</u> phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:	2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:	Chuẩn hóa dẫn chiếu pháp luật, tránh trùng lập quy định của Luật Doanh nghiệp

	Sửa đổi nội dung điểm đ khoản 2	đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, <u>Ủy Ban kiểm toán của Công ty</u> ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;	đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.	Làm rõ tiêu chuẩn độc lập, loại bỏ khả năng xung đột lợi ích theo quy định quản trị công ty đại chúng.
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	Sửa đổi nội dung điểm a khoản 1	a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;	a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông. <u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử hai (02) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 40% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;</u>	Cập nhật theo Điều lệ Công ty nhằm bảo đảm quyền đề cử của cổ đông phù hợp cơ cấu sở hữu và quy định nội bộ
	Sửa đổi nội dung khoản 3	3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có	3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị <u>tại cuộc họp</u> phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt	Chuẩn hóa kỹ thuật diễn đạt và thống nhất thuật ngữ theo Điều lệ Công ty và quy chế bầu cử

		số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.	cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.	
	Sửa đổi nội dung khoản 4	4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.	4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu <u>tại cuộc họp hoặc biểu quyết thông qua lấy ý kiến bằng văn bản.</u>	Bổ sung hình thức lấy ý kiến bằng văn bản phù hợp Luật Doanh nghiệp 2020
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	Sửa đổi nội dung điểm e khoản 1	e) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).	e) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).	Chuẩn hóa quy định công bố thông tin theo quy định hiện hành.
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	Sửa đổi nội dung điểm g khoản 2	g) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền	g) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm <u>d khoản 1</u>	Điều chỉnh thẩm quyền phê duyệt giao dịch để thống nhất với tỷ lệ quy định tại Điều lệ Công ty sau khi sửa đổi

		quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm <u>d khoản 2 Điều 138, khoản 1</u> và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;	<u>Điều 15 của Điều lệ Công ty</u> và khoản 1, khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;	
	Sửa đổi nội dung điểm h khoản 2	h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc <u>hoặc Giám đốc</u> và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;	h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ này quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;	Chuẩn hóa chức danh quản lý và thống nhất thuật ngữ với Điều lệ Công ty
Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch	Sửa đổi nội dung và tạo các điểm a, b, c khoản 1	1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau: - Thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên Ủy ban kiểm toán</u> , Tổng giám	1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau: <u>a)</u> Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này; <u>b)</u> Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông	Tái cấu trúc điều khoản thành các điểm a, b, c nhằm tăng tính rõ ràng và thuận lợi khi áp dụng kiểm soát giao dịch có liên quan

		độc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này; - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ; - Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.	sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ; c) Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.	
	Sửa đổi nội dung khoản 2	2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên Ủy ban kiểm toán</u> về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.	2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.	Điều chỉnh chủ thể nhận thông báo phù hợp mô hình quản trị hiện hành của Công ty
Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội	Sửa đổi nội dung khoản 1	1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi	1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội	Điều chỉnh số lượng tối thiểu thành viên tiểu ban nhằm tăng tính linh hoạt trong tổ

đồng quản trị		ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là <u>03</u> người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.	đồng quản trị quyết định có tối thiểu là <u>hai (02)</u> người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.	chức bộ máy quản trị
	Bổ sung khoản 3		<u>3. Chi tiết về vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền, nhiệm kỳ, số lượng, tiêu chuẩn, cơ cấu, cách thức bầu cử, ứng cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên và hoạt động của các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều 31, Điều 32, Điều 33 và Điều 34 của Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.</u>	Đồng bộ thẩm quyền và hoạt động các Tiểu ban với Quy chế nội bộ về quản trị Công ty
Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị	Sửa đổi nội dung khoản 7	<u>7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ủy Ban Kiểm toán như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.</u>	<u>7. Tổng giám đốc, Trưởng Ban kiểm toán nội bộ, các Người quản lý khác, các cá nhân và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể dự họp Hội đồng quản trị theo lời mời của Hội đồng quản trị nhưng không được biểu quyết trừ khi</u>	Mở rộng thành phần tham dự họp nhằm tăng cường hỗ trợ chuyên môn cho Hội đồng quản trị

		<u>Thành viên Ủy Ban Kiểm toán có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</u>	<u>bản thân họ có quyền được biểu quyết như thành viên Hội đồng quản trị.</u>	
	Lược bỏ điểm đ khoản 9	<u>đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác [theo quy định trong Điều lệ công ty].</u>		Lược bỏ nội dung trùng lặp
Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị	Sửa đổi số Điều 17 thành Điều 16,		Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị	Điều chỉnh đánh số điều cho thống nhất
	Sửa đổi nội dung khoản 2	2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự <u>họp ký</u> và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.	2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự <u>và đồng ý thông qua biên bản họp ký</u> và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. <u>Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.</u>	Bổ sung cơ chế xử lý trường hợp từ chối ký biên bản nhằm bảo đảm tính pháp lý của nghị quyết Hội đồng quản trị theo Luật Doanh nghiệp 2020

Điều <u>18</u> . Trình báo cáo hăng năm	Sửa đổi số Điều 18 thành Điều 17,		Điều <u>17</u> . Trình báo cáo hằng năm	Điều chỉnh đánh số điều cho thống nhất
	Lược bỏ điểm d khoản 1	<u>d) Báo cáo thẩm định của Ủy Ban kiểm toán.</u>		Điều chỉnh quy trình thẩm định báo cáo phù hợp mô hình quản trị hiện hành
	Lược bỏ khoản 2	2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ủy Ban kiểm toán để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.		Điều chỉnh quy trình thẩm định báo cáo phù hợp mô hình quản trị hiện hành
	Chuyển khoản 3 thành khoản 2	3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ủy Ban kiểm toán và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.	<u>2.</u> Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ủy ban kiểm toán và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.	

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	Sửa đổi số Điều 19 thành Điều 18		Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	Điều chỉnh đánh số điều cho thống nhất
Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan	Sửa đổi nội dung, số Điều 20 thành Điều 19,	<u>Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn</u> , việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:	Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:	Chuẩn hóa điều khoản
Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị	Sửa đổi số Điều 21 thành Điều 20		Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị	Điều chỉnh đánh số điều cho thống nhất
Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành	Sửa đổi số Điều 22 thành Điều 21		Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành	Điều chỉnh đánh số điều cho thống nhất
Điều 23. Mối quan hệ với Ủy ban kiểm toán	Sửa đổi số Điều 23 thành Điều 22		Điều 22. Mối quan hệ với Ủy ban kiểm toán	Điều chỉnh đánh số điều cho thống nhất
Điều 24. Hiệu lực thi hành	Sửa đổi nội dung, số Điều 24 thành Điều 23	Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần vật tư Hậu Giang bao gồm <u>12</u> chương, 24 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày <u>01 tháng 06 năm 2021</u> .	Điều 23. Hiệu lực thi hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần vật tư Hậu Giang bao gồm <u>07</u> chương, <u>23</u> điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày <u>03 tháng 03 năm 2026</u> .	Cập nhật hiệu lực theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2026

QUY CHẾ

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Cần Thơ, ngày 03 tháng 3 năm 2026

MỤC LỤC

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	3
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị	3
Chương II: THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	4
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị	4
Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị	4
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị	5
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị	5
Điều 7. Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị	6
Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	7
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	8
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	9
Chương III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	10
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	10
Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch	11
Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường	12
Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị	13
Chương IV: CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	14
Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị	14
Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị	15
Chương V: BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH	16
Điều 17. Trình báo cáo hằng năm	16
Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	17
Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan	17
Chương VI: MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	18
Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị	18
Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành	19
Điều 22. Mối quan hệ với Ủy ban kiểm toán	19
Chương VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	19
Điều 23. Hiệu lực thi hành	19

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (Nghị định 155);
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Vật tư Hậu Giang;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số....-NQ/ĐHĐCĐ.2026 ngày 03 tháng 03 năm 2026.

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vật tư Hậu Giang.

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Công ty cổ phần Vật tư Hậu Giang bao gồm các nội dung sau:

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.
2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II: THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

(Theo Điều 277 Nghị định 155)

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
 - b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.
3. **Từng thành** viên Hội đồng quản trị độc lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị (khi Công ty niêm yết).

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

(Theo Điều 159 Luật Doanh nghiệp)

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ Công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

(Theo khoản 1, 2 Điều 26 Điều lệ Công ty:)

1. **Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người.**
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.
3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
4. Điều lệ Công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

(Theo Điều 155 Luật Doanh nghiệp, Điều 275 Nghị định số 155:)

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp:
 - a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty;**
 - c) Không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;**
 - d) Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.**
2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
 - b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
 - d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

- đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.
3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn sáu (06) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị

(Theo Điều 29 Điều lệ Công ty, Điều 156 Luật Doanh nghiệp:)

1. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch hoặc một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi

dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện thay công việc của Chủ tịch Hội đồng quản trị cho đến khi Hội đồng quản trị bầu lại Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
 - b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
 - c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
 - d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
 - đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

(Theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp:)

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
- b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp;
- c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

(Theo khoản 3 Điều 12, khoản 1 Điều 22, khoản 2, 3 Điều 25 Điều lệ Công ty, khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:)

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:
 - a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử hai (02) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 40% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;
 - b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị **tại cuộc họp** phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.
4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu tại cuộc họp **hoặc biểu quyết thông qua lấy ý kiến bằng văn bản.**

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

(Theo khoản 1 Điều 25 Điều lệ Công ty:)

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
 - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - e) **Công ty** phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

(Theo khoản 1, 2 Điều 27 Điều lệ Công ty:)

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - f) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - g) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại **điểm d khoản 1 Điều 15 của Điều lệ Công ty** và khoản 1, khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - i) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

- j) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - k) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - l) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - m) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - n) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - o) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
 - p) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.
3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

(Theo khoản 1, 2 Điều 167 Luật Doanh nghiệp:)

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:
 - a) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- b) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
 - c) Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

(Theo khoản 3, điểm a khoản 4 Điều 14, khoản 2 Điều 18 Điều lệ Công ty:)

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
- Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm b khoản 1, Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này.
3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
- a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

- Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - c) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - d) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - đ) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.
 - g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị

(Theo khoản 1, 2 Điều 31 Điều lệ Công ty, theo Điều 31, 32, 33, 34 Quy chế nội bộ về quản trị Công ty:)

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là **hai (02)** người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài.

Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
3. **Chi tiết về vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền, nhiệm kỳ, số lượng, tiêu chuẩn, cơ cấu, cách thức bầu cử, ứng cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên và hoạt động của các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều 31, Điều 32, Điều 33 và Điều 34 của Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.**

Chương IV: CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Theo yêu cầu của kiểm toán độc lập để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty. Người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, email, phương tiện điện tử và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
7. **Tổng giám đốc, Trưởng Ban kiểm toán nội bộ, các người quản lý khác, các cá nhân và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể dự họp Hội đồng quản trị theo lời mời của**

Hội đồng quản trị nhưng không được biểu quyết trừ khi bản thân họ có quyền được biểu quyết như thành viên Hội đồng quản trị.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, email thư điện tử.
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Thời gian, địa điểm họp;
 - c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.
3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V: BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:
 - a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính;
 - c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
2. Báo cáo quy định tại các khoản 1 Điều này, báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội

đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

(Theo Điều 28 Điều lệ Công ty:)

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

(Theo khoản 2, 3, 5 Điều 164 Luật Doanh nghiệp:)

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI: MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.
3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 22. Mối quan hệ với Ủy ban kiểm toán

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ủy ban kiểm toán là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ủy ban kiểm toán theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ủy ban kiểm toán, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vật tư Hậu Giang bao gồm **07 chương, 23** điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày **03 tháng 03 năm 2026**. Quy chế này thay thế toàn bộ Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trước đây./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Hoàng Nam

TỜ TRÌNH

***V/v: Miễn nhiệm Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021 - 2025
và bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2026-2030***

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 (Luật Doanh nghiệp);
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 năm 2019 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang;
- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị số 35/NQ/HĐQT.2026 ngày 07/02/2026.

Nhiệm kỳ 2021 - 2025 của Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty đã kết thúc theo quy định tại Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ). Để bảo đảm tính liên tục trong quản trị, tuân thủ quy định pháp luật và phù hợp với định hướng nâng cao chuẩn mực quản trị doanh nghiệp trong giai đoạn phát triển mới, Hội đồng quản trị kính trình ĐHĐCĐ xem xét việc miễn nhiệm HĐQT nhiệm kỳ 2021 - 2025 và bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2026 - 2030 theo đúng thẩm quyền và trình tự, thủ tục pháp luật quy định.

1. Miễn nhiệm Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021 - 2025

Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc miễn nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021 - 2025 kể từ thời điểm ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 thông qua Nghị quyết về kết quả bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2026 - 2030, đối với các Ông, bà:

- 1) Ông Lê Hoàng Nam - Chủ tịch HĐQT;
- 2) Ông Phạm Ngọc Minh - Phó Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch UBKT, TV độc lập;
- 3) Ông Mai Bảo Ngọc - Thành viên HĐQT;
- 4) Ông Đào Đức Đại - Thành viên HĐQT, thành viên UBKT;
- 5) Bà Lâm Thị Trúc Hà - Thành viên HĐQT.

2. Bầu Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2026 - 2030

Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2026 - 2030, như sau:

- a) Số thành viên HĐQT: 05 người;
- b) Thời gian nhiệm kỳ: 05 năm (2026 - 2030);
- c) Tiêu chuẩn ứng viên: Theo Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử HĐQT.

- d) Số ứng viên: Theo danh sách ứng viên hợp lệ được công bố tại Đại hội, bảo đảm tối thiểu bằng số lượng thành viên HĐQT cần bầu theo Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử.

3. Công bố danh sách ứng viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2026 - 2030

Đại hội đồng cổ đông xem xét, ghi nhận danh sách ứng viên hợp lệ do Ban Tổ chức ĐHĐCĐ công bố tại Đại hội để tiến hành bầu cử HĐQT nhiệm kỳ 2026 - 2030 theo Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử được ĐHĐCĐ thông qua:

- 1)
- 2)
- 3)
- 4)
- 5)

...

Các nội dung khác liên quan đến việc đề cử, ứng cử và bầu cử HĐQT nhiệm kỳ 2026 - 2030 được thực hiện theo Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử HĐQT tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Lê Hoàng Nam

**QUY CHẾ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG
Nhiệm kỳ 2026 - 2030**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 (Luật Doanh nghiệp);
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 năm 2019 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, ban hành ngày 31/12/2020 (Nghị định 155);
- Điều lệ Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang (Điều lệ Công ty);
- Quy chế làm việc và biểu quyết tại Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 (Quy chế làm việc và biểu quyết tại Đại hội).

Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) nhiệm kỳ 2026 - 2030 tại Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 (Cuộc họp ĐHĐCĐ) của Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang (Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử) bao gồm các điều khoản, như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng thực hiện

1. Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử này bao gồm những quy định về việc tham gia đề cử, ứng cử, bầu cử thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang nhiệm kỳ 2026 - 2030 tại Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2026.
2. Cổ đông là cá nhân hoặc tổ chức sở hữu cổ phần của Công ty.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ và từ viết tắt

Các thuật ngữ, từ viết tắt không được định nghĩa, giải thích khác trong Quy chế này thì được định nghĩa, giải thích theo Quy chế làm việc và biểu quyết tại Đại hội.

Điều 3. Mục tiêu của việc đề cử, ứng cử thành viên HĐQT

Việc đề cử, ứng cử thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang phải đáp ứng các mục tiêu cụ thể như sau:

1. Đảm bảo tuân thủ luật pháp và các thông lệ tại Việt Nam;
2. Đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả các cổ đông;
3. Bảo đảm tính ổn định và hiệu quả tổ chức của Cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 4. Số lượng thành viên HĐQT cần bầu và nhiệm kỳ

1. Số lượng thành viên HĐQT cần bầu là: 05 thành viên HĐQT, trong đó:
 - a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập HĐQT nhằm đảm bảo số lượng và cơ cấu thành viên HĐQT theo quy định tại điểm b khoản 1, Điều 137 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 276 Nghị định 155.

- b) Có tối thiểu 01 thành viên không điều hành HĐQT nhằm đảm bảo số lượng và cơ cấu thành viên HĐQT theo quy định tại khoản 3 Điều 276 Nghị định 155 (sửa đổi).
2. Nhiệm kỳ của các thành viên HĐQT cần bầu là: nhiệm kỳ 5 năm (2026 - 2030).

Điều 5. Điều kiện đề cử, ứng cử thành viên HĐQT

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử hai (02) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 40% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Tiêu chuẩn người được đề cử, ứng cử thành viên HĐQT

1. Đối với Thành viên HĐQT: đáp ứng quy định tại Khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp cụ thể:
 - a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty;
 - c) Không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
 - d) Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.
2. Đối với Thành viên độc lập HĐQT: đáp ứng quy định tại Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp cụ thể:
 - a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong ba (03) năm liền trước đó;
 - b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên HĐQT được hưởng theo quy định;
 - c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; không phải là người quản lý doanh nghiệp của Công ty hoặc người quản lý doanh nghiệp của công ty con của Công ty;

- d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
- e) Không phải là người đã từng làm thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát của Công ty ít nhất trong năm (05) năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục hai (02) nhiệm kỳ; và
- f) Các tiêu chuẩn và điều kiện mà thành viên HĐQT phải đáp ứng theo Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT.

Điều 7. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử thành viên HĐQT

1. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử HĐQT bao gồm:

- a) Giấy đề cử, ứng cử vào HĐQT (theo mẫu kèm theo);
- b) Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai (theo mẫu);
- c) Báo cáo công khai các lợi ích có liên quan (theo mẫu).

Lưu ý: trong trường hợp ứng viên trúng cử Thành viên HĐQT tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026, Quý ứng viên vui lòng chuẩn bị và nộp cho Công ty Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ký ngày 16/11/2020 ngay khi kết thúc cuộc họp.

- d) Bản sao công chứng: CCCD/Căn cước/Hộ chiếu và tài liệu có liên quan của người được đề cử/người ứng cử;
- e) Bản sao công chứng các bằng chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn (nếu có) của ứng viên;
- f) Giấy tờ xác nhận số lượng cổ phiếu sở hữu của cổ đông/nhóm cổ đông thỏa mãn điều kiện đề cử/ứng cử.

2. Cách thức gửi hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử HĐQT:

- a) Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử vui lòng gửi về Ban Tổ chức họp ĐHĐCĐ trước 16 giờ 00, ngày 25/02/2026 theo địa chỉ sau đây:

Ban Tổ chức họp ĐHĐCĐ

Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang.

184 Trần Hưng Đạo, Phường Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Điện thoại: 0292 3735345 - Email: hamaco@hamaco.vn.

Điều 8. Nguyên tắc và phương thức bầu cử

- 1. Nguyên tắc bầu cử: bầu cử bằng hình thức bỏ phiếu kín.
- 2. Phương thức bầu cử: theo phương thức bầu dồn phiếu.
- 3. Mỗi Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm số cổ phần sở hữu và số cổ phiếu nhận ủy quyền) nhân với số thành viên HĐQT được bầu. Cụ thể theo công thức như sau:

$$\begin{array}{ccccc} \text{Tổng số} & & \text{Tổng số} & & \text{Số} \\ \text{phiếu} & = & \text{cổ phiếu} & \times & \text{thành viên HĐQT} \\ \text{bầu} & & \text{biểu quyết} & & \text{được bầu} \end{array}$$

Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp có thể dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu cho một hoặc một số ứng cử viên mà mình muốn bầu.

Điều 9. Phiếu bầu cử và thực hiện bầu cử

1. Hình thức phiếu bầu cử: được thể hiện trên Phiếu bầu cử.
2. Danh sách ứng cử viên thành viên HĐQT gồm đầy đủ họ và tên từng ứng cử viên. Danh sách ứng cử viên thành viên HĐQT được thể hiện trên Phiếu bầu cử.
3. Phiếu bầu cử và cách ghi Phiếu bầu cử:
 - a) Hình thức Phiếu bầu cử:
 - i) Phiếu bầu cử được in thống nhất và do Ban Tổ chức phát cho Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền tại Cuộc họp ĐHĐCĐ;
 - ii) Trên mỗi Phiếu bầu cử có đóng dấu treo của Công ty;
 - iii) Có chữ ký của Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền.
 - b) Nội dung Phiếu bầu cử:

Trên mỗi Phiếu bầu cử thể hiện nội dung sau:

 - i) Họ và tên Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền;
 - ii) Mã số Cổ đông;
 - iii) Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;
 - iv) Số lượng thành viên HĐQT cần bầu;
 - v) Danh sách ứng cử viên HĐQT được bầu.Mẫu Phiếu bầu cử được đính kèm theo Quy chế này.
 - c) Nhận phiếu bầu cử và cách ghi Phiếu bầu cử:
 - i) Nhận phiếu bầu cử: khi Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền đến làm thủ tục tham dự Cuộc họp ĐHĐCĐ, Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền đăng ký dự họp với Ban Tổ chức và nhận phiếu bầu cử tại bàn đăng ký.
 - ii) Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền phải tự mình thực hiện việc bầu cử cụ thể như sau:
 - Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền lựa chọn tối đa 5 thành viên trong số các ứng cử viên HĐQT;
 - Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền ghi trực tiếp số phiếu bầu vào ô trống bên phải của tên ứng cử viên mà mình lựa chọn. Số phiếu bầu cho ứng cử viên tùy thuộc vào sự tín nhiệm của cổ

đồng/đại diện cổ đông đối với ứng cử viên đó. Tổng số phiếu bầu cổ đông bầu cho ứng cử viên không được vượt quá tổng số phiếu bầu của cổ đông/đại diện cổ đông đó.

Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 100 cổ phần có quyền biểu quyết sẽ có $100 \times 5 = 500$ phiếu bầu để bầu các thành viên HĐQT. Cổ đông A có thể bầu theo một trong các trường hợp như sau với điều kiện bầu không vượt quá 500 phiếu bầu:

- Bầu dồn hết số phiếu bầu cho một thành viên HĐQT (ứng cử viên X: 500 phiếu bầu); hoặc
- Bầu dồn đều số phiếu bầu cho tất cả các thành viên HĐQT (mỗi ứng cử viên 100 phiếu bầu); hoặc
- Bầu dồn số phiếu khác nhau cho mỗi ứng cử viên HĐQT (ứng cử viên X: 200 phiếu bầu, ứng cử viên Y: 100 phiếu bầu, ứng cử viên Z: 50 phiếu bầu).

iii) Trong trường hợp người tham dự bầu cử là người đại diện theo ủy quyền (có giấy ủy quyền hợp lệ và hợp pháp theo Quy chế làm việc và biểu quyết tại Đại hội), người được ủy quyền có đầy đủ số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần có quyền biểu quyết được ủy quyền.

iv) Trường hợp Cổ đông đánh dấu sai nội dung, Cổ đông được quyền đề nghị Ban Kiểm phiếu đổi phiếu bầu cử khác.

v) Sau khi thực hiện việc bầu cử và ký tên, ghi họ tên đầy đủ trên Phiếu bầu cử, Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền tiến hành bỏ Phiếu bầu cử vào thùng phiếu có ghi tên là “Thùng phiếu bầu cử”.

d) Các trường hợp phiếu bầu cử không hợp lệ:

- i) Không phải là phiếu bầu theo mẫu do Ban Tổ chức phát ra, không có đóng dấu treo của Công ty.
- ii) Phiếu bầu không còn nguyên vẹn, bị tẩy xóa, cạo sửa, viết thêm tên người khác hoặc nội dung khác ngoài mục được phép ghi.
- iii) Bầu vượt quá tổng số phiếu bầu được phép của mình hoặc bầu quá số lượng thành viên được bầu.
- iv) Phiếu bầu cử được chuyển đến Ban Kiểm phiếu sau khi việc bỏ phiếu kết thúc.
- v) Phiếu bầu cử gạch/xóa để sửa lại.

Điều 10. Kiểm phiếu bầu cử

1. Ban Kiểm phiếu kiểm tra thùng phiếu tại nơi tiến hành Cuộc họp ĐHĐCĐ;
2. Việc bỏ phiếu được bắt đầu theo thông báo của Chủ tọa tại Cuộc họp ĐHĐCĐ sau khi việc kiểm tra thùng phiếu được hoàn tất và kết thúc khi Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;

3. Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc;
4. Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản, được Trưởng Ban Kiểm phiếu công bố tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 11. Nguyên tắc xác định ứng viên trúng cử thành viên HĐQT

1. Ứng viên trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định và phải đảm bảo số thành viên độc lập theo quy định. Trong đó:
 - a) Các ứng viên độc lập sẽ được chọn trước (tính theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp riêng cho các ứng viên độc lập).
 - b) Sau khi đã đạt số lượng tối thiểu thành viên độc lập theo quy định (tối thiểu là 01 thành viên), việc chọn thành viên còn lại của HĐQT sẽ được tính theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp (bao gồm các ứng viên HĐQT không độc lập và độc lập còn lại).
2. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho vị trí thành viên HĐQT cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại giữa các ứng viên này để chọn ứng viên có số phiếu bầu cao nhất.

Điều 12. Lập và công bố kết quả kiểm phiếu bầu cử

1. Sau khi kiểm phiếu, Ban Kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu.
2. Nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm các nội dung cơ bản sau: tổng số Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền tham dự họp; tổng số Phiếu bầu cử phát ra, tổng số Phiếu bầu cử thu về; số lượng và tỷ lệ phiếu bầu cử hợp lệ, phiếu bầu cử không hợp lệ; số phiếu bầu cho từng ứng cử viên.
3. Việc công bố kết quả kiểm phiếu bầu cử được thực hiện theo quy định về công bố kết quả kiểm phiếu tại Quy chế làm việc và biểu quyết tại Đại hội.

Điều 13. Hiệu lực thi hành

Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử này được lấy ý kiến biểu quyết của Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền trước khi tiến hành bầu cử. Quy chế gồm 13 điều và có hiệu lực kể từ thời điểm được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua./.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Lê Hoàng Nam

GIẤY ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ
ỨNG VIÊN THAM GIA BẦU CỬ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG
Nhiệm kỳ 2026 - 2030

Kính gửi: Ban Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang

Tên cổ đông:.....
Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu/GCNĐKDN:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....
Người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức):
Địa chỉ:.....Điện thoại:
Hiện đang sở hữu:..... cổ phần của Công ty.

Đề nghị Ban Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang cho tôi được: ☐ Ứng cử; ☐ Đề cử:

Ông (bà):
Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu:..... Ngày cấp: Nơi cấp:
Địa chỉ thường trú:
Trình độ học vấn: Chuyên ngành:
Hiện đang sở hữu: cổ phần, chiếm.....% vốn điều lệ.

Làm ứng viên tham gia bầu cử:

- ☐ Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- ☐ Thành viên Hội đồng quản trị.

Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang nhiệm kỳ 2026 - 2030

được bầu cử tại Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 tổ chức vào ngày 03/03/2026.

Chúng tôi/Tôi cam kết đáp ứng đủ điều kiện đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị và chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của việc đề cử này.

Trân trọng cảm ơn./.

Ngàytháng năm 2026
CỔ ĐÔNG/ĐẠI DIỆN NHÓM CỔ ĐÔNG
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu là tổ chức)

.....

Trong trường hợp Cổ đông được quyền đề cử nhiều hơn 01 ứng cử viên cho chức danh thành viên Hội đồng Quản trị, đề nghị Cổ đông ghi thêm thông tin tương ứng của từng ứng viên.

Nhiệm kỳ 2026 - 2030

Tổng cộng

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng để tham gia làm ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị
nhiệm kỳ 2026 - 2030

Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang)

ẢNH

- Họ và tên:.....Giới tính:
- Ngày tháng năm sinh:.....Quốc tịch:
- Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu:..... ngày cấp: nơi cấp:
- Địa chỉ thường trú:.....
- Địa chỉ liên hệ:.....
- Số điện thoại liên lạc:.....
- Trình độ học vấn:
- Trình độ chuyên môn:

Bằng cấp	Chuyên ngành	Năm tốt nghiệp	Thời gian đào tạo	Cơ sở đào tạo

- Quá trình công tác

Thời gian công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ

- Các chức vụ hiện tại (bao gồm thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác) hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác (liệt kê cụ thể chức vụ và tên công ty, tổ chức liên quan).

STT	Tên công ty, tổ chức	Chức vụ

- Số lượng cổ phiếu được ủy quyền hoặc nắm giữ:cổ phần, chiếm:....% vốn điều lệ.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang (nếu có):
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang (nếu có):
- Tôi đáp ứng các tiêu chuẩn của:

a) ☐ Thành viên độc lập Hội đồng quản trị:

b) ☐ Thành viên Hội đồng quản trị.

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đầy đủ, chính xác, đúng sự thật và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lời khai của mình. Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, tôi sẽ thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của Công ty và đem hết năng lực, tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Công ty.

Ngày.....tháng.....năm 2026

NGƯỜI KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên)

.....

BÁO CÁO CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH LIÊN QUAN

(Dùng để tham gia làm ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2026 - 2030
Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang)

1. Tôi tên:.....Giới tính:.....
2. Ngày tháng năm sinh:.....Nơi sinh:.....
3. Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu:..... Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....
4. Doanh nghiệp có sở hữu cổ phần/phần vốn góp như sau:

Tên Doanh nghiệp	Địa chỉ trụ sở chính	Ngành nghề kinh doanh	Số GCN ĐKDN/ Ngày cấp/Nơi cấp	Số lượng cổ phần/vốn góp	Tỷ lệ sở hữu/vốn điều lệ	Thời điểm sở hữu

5. Doanh nghiệp người có liên quan với tôi đang sở hữu cổ phần/phần vốn góp từ 5% vốn điều lệ:

Họ và tên (mối quan hệ)	Tên Doanh nghiệp	Địa chỉ trụ sở chính	Ngành nghề kinh doanh	Số GCN ĐKDN/ Ngày cấp/Nơi cấp	Số lượng cổ phần/vốn góp	Tỷ lệ sở hữu/vốn điều lệ	Thời điểm sở hữu

6. Doanh nghiệp mà tôi đang là thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc):

Tên Doanh nghiệp	Địa chỉ trụ sở chính	Ngành nghề kinh doanh	Số GCN ĐKDN/ Ngày cấp/Nơi cấp	Chức vụ đang nắm giữ

7. Doanh nghiệp mà người có liên quan với tôi đang là thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc):

Họ và tên (mối quan hệ)	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ trụ sở chính	Ngành nghề kinh doanh	Số GCN ĐKDN/ Ngày cấp/Nơi cấp	Chức vụ đang nắm giữ

Tôi cam kết báo cáo công khai lợi ích liên quan trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Ngày.....tháng.....năm 2026

NGƯỜI BÁO CÁO

(Ký, ghi rõ họ tên)

.....

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG
Ngày 03/03/2026

<Mã barcode> **PHIẾU BẦU CỬ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
Nhiệm kỳ 2026 - 2030

Mã số tham dự:

Họ và tên cổ đông/người tham dự:

Số lượng cổ phần sở hữu: cổ phần

Số lượng cổ phần nhận ủy quyền: cổ phần

Tổng số lượng cổ phần biểu quyết: cổ phần

Tổng số phiếu bầu:.....X 5 =.....phiếu bầu

Tôi đồng ý Bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2026 - 2030 như sau:

STT	Họ và tên ứng viên	Số phiếu bầu
1		
2		
3		
4		
5		
6		

Ngày 03 tháng 03 năm 2026
CỔ ĐÔNG/NGƯỜI ĐẠI DIỆN
(Ký & ghi rõ họ tên)

Hướng dẫn:

- Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền lựa chọn tối đa 5 thành viên trong số các ứng cử viên HĐQT;
- Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền ghi trực tiếp số phiếu bầu vào ô trống bên phải của tên ứng cử viên mà mình lựa chọn. Số phiếu bầu cho ứng cử viên tùy thuộc vào sự tín nhiệm của cổ đông/đại diện cổ đông đối với ứng cử viên đó. Tổng số phiếu bầu cổ đông bầu cho ứng cử viên không được vượt quá tổng số phiếu bầu của cổ đông/đại diện cổ đông đó.

Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 100 cổ phần có quyền biểu quyết sẽ có $100 \times 5 = 500$ phiếu bầu để bầu các thành viên HĐQT. Cổ đông A có thể bầu theo một trong các trường hợp như sau với điều kiện bầu không vượt quá 500 phiếu bầu:

- Bầu dồn hết số phiếu bầu cho một thành viên HĐQT (ứng cử viên X: 500 phiếu bầu); hoặc
- Bầu dồn đều số phiếu bầu cho tất cả các thành viên HĐQT (mỗi ứng cử viên 100 phiếu bầu); hoặc
- Bầu dồn số phiếu khác nhau cho mỗi ứng cử viên HĐQT (ứng cử viên X: 200 phiếu bầu, ứng cử viên Y: 100 phiếu bầu, ứng cử viên Z: 50 phiếu bầu,....).

DỰ THẢO**NGHỊ QUYẾT**
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 (Luật Doanh nghiệp);
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 năm 2019 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 ngày 03/03/2026.

QUYẾT NGHỊ:**Điều 1. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025**

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 của Công ty, trong đó, một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh năm 2025 cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	% thực hiện kế hoạch 2025	Tăng/giảm 2025 so 2024
Doanh thu thuần	Tr.đ	3.400.000	3.292.409	96,8%	9,1%
Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	45.000	51.299	114%	5,3%
Tỷ lệ chi trả cổ tức	%	10	10	100%	0%

Điều 2. Thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2026

Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2026 của Công ty, trong đó, thông qua các chỉ tiêu kinh doanh năm 2026 (hợp nhất), cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026	Tăng/giảm 2026 so 2025
1. Doanh thu thuần	Tr.đ	3.292.409	3.500.000	6,3%
2. Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	51.299	55.000	7,2%
3. Cổ tức (%/mệnh giá cổ phiếu)	%	10	10	0%

Điều 3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026

Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT) năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026.

Điều 4. Thông qua Báo cáo hoạt động của Thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán năm 2025

Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo hoạt động của Thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán năm 2025.

Điều 5. Thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán

Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ (đã được Công ty công bố thông tin theo quy định).

Điều 6. Thông qua việc phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2025 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026

Đại hội đồng cổ đông thông qua việc phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2025 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026 cụ thể như sau:

1. Phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025

a) Kết quả kinh doanh năm 2025 (hợp nhất)

- i) Lợi nhuận sau thuế hợp nhất : 51.299.852.100 đồng;
- ii) Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát: 6.245.588.672 đồng;
- iii) Lợi nhuận sau thuế thuộc cổ đông Công ty mẹ : 45.054.263.428 đồng.

b) Tổng lợi nhuận sau thuế được phân phối : 45.054.263.428 đồng:

(Tính trên lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ)

- i) Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (4%) : 1.802.170.537 đồng;
- ii) Chi trả cổ tức (10%/mệnh giá) : 9.638.061.000 đồng;
(đã chi trả trong tháng 02/2026)
- iii) Lợi nhuận còn lại chưa phân phối : 33.614.031.891 đồng;
- iv) Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước : 118.112.103.709 đồng;

- v) Trích nguồn phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu : 28.162.348.638 đồng;

- vi) Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối : 123.563.786.962 đồng.

Việc phân phối lợi nhuận bảo đảm tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty và phù hợp tình hình tài chính, nhu cầu vốn hoạt động của Công ty.

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2026:

- a) Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: Dự kiến trích 4% lợi nhuận sau thuế thuộc cổ đông Công ty mẹ năm 2026;
- b) Chi trả cổ tức năm 2026: Dự kiến tỷ lệ 10%/mệnh giá (bằng tiền mặt).

Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng quản trị quyết định thời điểm chi trả cổ tức năm 2026 và tổ chức triển khai thực hiện theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 7. Thông qua việc Báo cáo Tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác của HĐQT năm 2025 và Kế hoạch chi trả thù lao, thưởng của HĐQT năm 2026

Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo Tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác của HĐQT năm 2025 và Kế hoạch chi trả thù lao, thưởng của HĐQT năm 2026 cụ thể như sau:

STT	Hạng mục	Kế hoạch 2026
1	Tổng tiền lương (đối với thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành)	1.680.000.000 đồng
2	Tổng thù lao cố định (đối với Hội đồng quản trị không trực tiếp điều hành)	1.440.000.000 đồng
3	Thưởng theo lợi nhuận vượt kế hoạch	10% phần lợi nhuận sau thuế hợp nhất vượt kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, căn cứ theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán.

Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng quản trị xác định mức thù lao, thưởng cho từng thành viên và thời điểm chi trả. Việc chi trả thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 8. Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính năm 2026

Đại hội đồng cổ đông thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn công ty kiểm toán cho năm tài chính 2026 với nội dung như sau:

1. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty;
2. Công ty kiểm toán được lựa chọn phải thuộc danh sách được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận;
3. Hội đồng quản trị quyết định phạm vi dịch vụ và mức phí kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

Điều 9. Thông qua phương án phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu

Đại hội đồng cổ đông phê duyệt phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu như sau:

1. Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang
2. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
3. Mã chứng khoán: HAM
4. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
5. Vốn điều lệ hiện tại: 96.380.610.000 đồng
6. Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 9.638.061 cổ phiếu

Trong đó:

- Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 9.638.061 cổ phiếu
 - Tổng số cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
7. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 4.819.030 cổ phiếu
 8. Giá trị phát hành dự kiến tính theo mệnh giá: 48.190.300.000 đồng
 9. Hình thức phát hành: Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
 10. Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ phiếu. Thời điểm chốt danh sách được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định.
 11. Tỷ lệ phát hành (*số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/số lượng cổ phiếu đang lưu hành*): 50%
 12. Tỷ lệ thực hiện quyền: 2:1. Mỗi cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ có 01 quyền nhận thêm cổ phiếu, cứ 02 quyền nhận thêm cổ phiếu sẽ nhận được thêm 01 cổ phiếu mới.
 13. Phương án xử lý cổ phiếu lẻ: Số cổ phiếu phát hành thêm cho mỗi cổ đông sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân (nếu có) sẽ được hủy bỏ.
Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 179 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách cổ đông. Với tỷ lệ thực hiện quyền 2:1, cổ đông A được nhận $179 \times 1/2 = 89,5$ cổ phiếu. Theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị, cổ đông A thực nhận 89 cổ phiếu mới. Số phần thập phân là 0,5 cổ phiếu sẽ bị hủy bỏ.
 14. Nguồn vốn thực hiện: Quỹ đầu tư phát triển và Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo thứ tự thực hiện như sau:
 - Giá trị Quỹ đầu tư phát triển được xác định tại ngày 31/12/2025 căn cứ theo Báo cáo tài chính riêng năm 2025 đã được kiểm toán: 20.027.951.362 đồng.
 - Giá trị Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được xác định tại ngày 31/12/2025 căn cứ theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán: 28.162.348.638 đồng.
 15. Thời gian thực hiện: Sau khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua và sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo về việc nhận đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành, dự kiến từ Quý II/2026. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn thời điểm phát hành thích hợp để đảm bảo quyền lợi của cổ đông và theo quy định của pháp luật.

16. Đăng ký chứng khoán bổ sung và đăng ký giao dịch bổ sung: Sau khi hoàn tất đợt phát hành, ĐHCĐ thông qua và ủy quyền cho HĐQT thực hiện các thủ tục đăng ký chứng khoán bổ sung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
17. Thông qua việc thay đổi Vốn điều lệ: Thông qua việc thay đổi Điều lệ Công ty tại Khoản 1 Điều 6 Điều lệ Công ty và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo về việc nhận được báo cáo kết quả đợt phát hành.
18. Trình tự thực hiện chào bán/phát hành:
Công ty thực hiện việc chào bán/phát hành cổ phiếu theo thứ tự như sau:
 - (1) *Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.*
 - (2) *Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động.*
 - (3) *Chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Công ty.*
19. Thông qua việc ủy quyền:
Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề liên quan đến đợt phát hành, cụ thể:
 - Chủ động xây dựng và giải trình hồ sơ báo cáo phát hành chứng khoán gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan chức năng khác. Đồng thời, chủ động điều chỉnh phương án phát hành và các hồ sơ khác có liên quan theo tình hình thực tế của Doanh nghiệp hoặc yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan chức năng khác.
 - Lựa chọn ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.
 - Chủ động xây dựng phương án đảm bảo tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật.
 - Thực hiện các thủ tục, công việc và lựa chọn thời điểm thích hợp để đăng ký chứng khoán bổ sung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) và đăng ký giao dịch chứng khoán bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) số lượng cổ phiếu phát hành thêm theo kết quả thực tế của đợt phát hành sau khi UBCKNN thông báo bằng văn bản về việc nhận được báo cáo kết quả đợt phát hành;
 - Thực hiện các thủ tục thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp của Công ty liên quan tới việc thay đổi vốn điều lệ theo kết quả thực tế của đợt phát hành với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo về việc nhận được báo cáo kết quả đợt phát hành;
 - Sửa đổi các điều liên quan đến vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo về việc nhận được báo cáo kết quả đợt phát hành;

- Thực hiện các công việc khác có liên quan nhằm đảm bảo cho đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu được thành công;
- Tùy từng trường hợp cụ thể, Hội đồng quản trị được ủy quyền lại cho Chủ tịch HĐQT/Người đại diện theo pháp luật để thực hiện một hoặc một số công việc cụ thể nêu trên.

Điều 10. Thông qua phương án phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP)

Đại hội đồng cổ đông phê duyệt phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động (“ESOP”), với nội dung như sau:

I. Mục đích

- Tạo động lực để người lao động nâng cao hiệu quả làm việc, đóng góp cho sự tăng trưởng Công ty.
- Gắn một phần thu nhập của người lao động với lợi ích cổ đông Công ty.
- Thu hút và giữ chân nhân tài, đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty.

II. Thông tin phát hành

1. Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang
2. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
3. Mã chứng khoán: HAM
4. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu
5. Vốn điều lệ hiện nay: 96.380.610.000 đồng
6. Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 9.638.061 cổ phiếu
Trong đó:
 - Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 9.638.061 cổ phiếu
 - Tổng số cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
7. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 480.000 cổ phiếu.
8. Tổng giá trị dự kiến phát hành tối đa theo mệnh giá: 4.800.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn tỷ, tám trăm triệu đồng*)
9. Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.
10. Nguyên tắc xác định giá phát hành: bằng mệnh giá.
11. Đối tượng phát hành: Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang (“Công ty/HAMACO”); Cán bộ quản lý của HAMACO và các Công ty con thuộc HAMACO; và cán bộ nhân viên của HAMACO tại thời điểm lập danh sách, đáp ứng tiêu chuẩn tham gia Chương trình ESOP và thuộc danh sách người lao động được tham gia Chương trình ESOP do HĐQT thông qua theo ủy quyền của ĐHĐCĐ.

12. Tiêu chí tham gia Chương trình ESOP: Là các đối tượng (sau đây gọi tắt là “người lao động” hoặc “NLĐ”) thỏa mãn đủ các tiêu chuẩn như sau:
- Thành viên HĐQT (không bao gồm Thành viên độc lập HĐQT) tại HAMACO nhiệm kỳ 2021 – 2025 của Công ty;
 - Cán bộ quản lý công tác tại HAMACO và các Công ty con thuộc HAMACO bao gồm: Ban Tổng Giám đốc/ Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng ban, Trưởng phòng/ Quyền trưởng phòng, Phó phòng, Trưởng chi nhánh, Quản đốc, Phó Quản đốc, Trưởng trạm có ký hợp đồng lao động và đang làm việc, hưởng lương tại Công ty, Công ty con tính đến ngày 31/12/2024. Danh sách Công ty con thuộc HAMACO cụ thể như sau:
 - + Công ty Cổ phần Bê tông Hamaco (HAMACO sở hữu 81,8% vốn Điều lệ)
 - + Công ty TNHH MTV Hamaco Petro (HAMACO sở hữu 100% vốn Điều lệ)
 - + Công ty TNHH MTV Bê tông Hamaco - Hậu Giang (HAMACO sở hữu 100% vốn Điều lệ)
 - + Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Xanh Hamaco (HAMACO sở hữu 100% Vốn Điều lệ)
 - Cán bộ nhân viên công tác tại HAMACO đã ký hợp đồng lao động trước thời điểm 01/01/2021.
 - Có những đóng góp vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong giai đoạn 2021 – 2025.
 - Có nguyện vọng gắn bó lâu dài, tự nguyện tham gia Chương trình ESOP theo các tiêu chuẩn đặt ra;
 - Thành viên tham gia chương trình phát hành cổ phiếu cho người lao động nộp đơn xin nghỉ việc/ đơn xin từ nhiệm trước khi kết thúc thời gian thu tiền sẽ không được tiếp tục tham gia chương trình phát hành cổ phiếu cho người lao động, không phụ thuộc vào thời gian nộp tiền của người lao động.
 - Không áp dụng đối với: NLĐ bị xử lý kỷ luật lao động hoặc đang trong thời gian chờ xử lý kỷ luật/chờ xem xét xử lý kỷ luật trong thời gian từ năm 2021 - 2025;
13. Nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng:
Chi tiết kèm theo
14. Hạn chế chuyển nhượng: Số cổ phiếu phát hành theo chương trình ESOP sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 100% trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.
Các quyền, lợi ích phát sinh từ cổ phiếu ESOP này trong thời gian hạn chế chuyển nhượng nêu tại Điều này sẽ không bị hạn chế chuyển nhượng.
15. Xử lý trong trường hợp Người lao động nghỉ việc/ chấm dứt Hợp đồng lao động trong thời gian hạn chế chuyển nhượng:
Trong thời gian hạn chế chuyển nhượng, nếu có Người lao động nghỉ việc hoặc

Công ty/ Công ty con cho thôi việc hoặc các hình thức chấm dứt Hợp đồng lao động khác thì số cổ phiếu đã phát hành cho Người lao động đó sẽ được Công ty mua lại với giá 10.000 đồng/ cổ phiếu và không còn bị hạn chế chuyển nhượng trừ một số trường hợp khác, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định. Công ty được phép bán ra theo quy định của pháp luật hiện hành.

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định chi tiết Phương án bán ra số cổ phiếu được Công ty mua lại.

16. Thời gian thực hiện: Sau khi được UBCKNN thông báo nhận đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành, dự kiến từ Quý II – Quý III/2026.
17. Phương án sử dụng vốn: Toàn bộ số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu ESOP sẽ được sử dụng để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh của Công ty.
18. Phương án xử lý trong trường hợp không chào bán hết: Số lượng cổ phiếu chưa chào bán hết theo dự kiến, sẽ được ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT chào bán cho người lao động khác sao cho giá bán không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phiếu. Trong trường hợp HĐQT vẫn không tìm được người lao động phù hợp, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT điều chỉnh giảm tổng số lượng cổ phiếu chào bán theo đúng số lượng cổ phiếu thực tế đã phân phối.
19. Cam kết việc đưa chứng khoán vào giao dịch trên thị trường chứng khoán có tổ chức: Sau khi hoàn tất đợt phát hành, ĐHĐCĐ thông qua và ủy quyền cho HĐQT thực hiện các thủ tục đăng ký chứng khoán bổ sung với Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch chứng khoán bổ sung với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
20. Thông qua việc thay đổi Vốn điều lệ: Thông qua việc thay đổi Điều lệ (Mục vốn điều lệ) và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền sau khi có thông báo của UBCKNN về việc nhận đầy đủ Báo cáo kết quả phát hành.
21. Trình tự thực hiện chào bán/phát hành
Công ty thực hiện việc chào bán/phát hành cổ phiếu theo thứ tự như sau:
(1) Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.
(2) Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động.
(3) Chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của công ty.
22. Ủy quyền Hội đồng quản trị:
ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT thực hiện các công việc liên quan tới việc triển khai Chương trình ESOP như sau:
 - Xây dựng và giải trình hồ sơ xin phép phát hành cổ phiếu theo Chương trình ESOP gửi cho UBCKNN và các cơ quan có thẩm quyền khác. Đồng thời, chủ động điều chỉnh Chương trình ESOP và các hồ sơ khác có liên quan theo tình hình thực tế của Công ty hoặc theo yêu cầu của UBCKNN và/hoặc các cơ quan có thẩm quyền khác hoặc cho mục đích tuân thủ các quy định pháp luật có liên

quan (nếu có);

- Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty;
- Thông qua danh sách, số lượng Người lao động được tham gia Chương trình ESOP; và xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng Người lao động được tham gia Chương trình ESOP và thời gian thực hiện;
- Thông qua việc cập nhật, bổ sung, điều chỉnh danh sách, số lượng Người lao động được tham gia Chương trình ESOP, bao gồm cả việc chấm dứt quyền của Người lao động tham gia Chương trình ESOP;
- Quyết định xử lý số lượng cổ phiếu dồi dư sau khi phân phối (nếu có) hoặc số cổ phiếu không được đăng ký mua hết/không bán hết (nếu có) do Người lao động tự nguyện từ bỏ quyền mua cổ phiếu hoặc do Người lao động tham gia Chương trình ESOP đã nộp đơn xin nghỉ việc/đơn xin từ nhiệm không được thực hiện quyền mua cổ phiếu;
- Xây dựng kế hoạch chi tiết về sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu ESOP theo Chương trình ESOP;
- Thực hiện công việc cần thiết để thông qua và sửa đổi Điều lệ, bao gồm các điều liên quan đến vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu trong Điều lệ và hoạt động của Công ty sau khi có thông báo của UBCKNN về việc nhận đầy đủ Báo cáo kết quả phát hành;
- Thực hiện các thủ tục thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của Công ty liên quan tới việc thay đổi vốn điều lệ theo kết quả thực tế của đợt phát hành cổ phiếu theo Chương trình ESOP với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sau khi có thông báo của UBCKNN về việc nhận đầy đủ Báo cáo kết quả phát hành;
- Thực hiện các thủ tục, công việc và lựa chọn thời điểm thích hợp để đăng ký chứng khoán bổ sung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch bổ sung tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội số lượng cổ phiếu phát hành theo phương án đã được ĐHĐCĐ thông qua sau khi có thông báo của UBCKNN về việc nhận đầy đủ Báo cáo kết quả phát hành;
- Thực hiện các thủ tục khác với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu theo Chương trình ESOP theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc quy định pháp luật;
- Tùy từng trường hợp cụ thể, Hội đồng quản trị được ủy quyền lại cho Chủ tịch HĐQT/ Người đại diện theo pháp luật để thực hiện một hoặc một số công việc cụ thể nêu trên; và
- Các vấn đề khác có liên quan đến việc phát hành cổ phiếu theo Chương trình ESOP.

**NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH SỐ CỔ PHIẾU ĐƯỢC PHÂN PHỐI CHO TỪNG ĐỐI
TƯỢNG NGƯỜI LAO ĐỘNG THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH ESOP**

Nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng tại Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang (HAMACO) và các Công ty con thuộc HAMACO, cụ thể được xác định như sau:

STT	Đối tượng	Số lượng (cổ phiếu)
I	Thành viên HĐQT (không bao gồm Thành viên độc lập HĐQT) tại HAMACO nhiệm kỳ 2021 – 2025 của Công ty; Cán bộ quản lý công tác tại HAMACO và các Công ty con thuộc HAMACO bao gồm: Ban Tổng Giám đốc/ Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng ban, Trưởng phòng/ Quyền trưởng phòng, Phó phòng, Trưởng chi nhánh, Quản đốc, Phó Quản đốc, Trưởng trạm	370.000
II	Cán bộ nhân viên công tác tại HAMACO	110.000
	Tổng số	480.000

I. Thành viên Hội đồng quản trị (không bao gồm Thành viên độc lập HĐQT) và Nhóm Cán bộ quản lý tại HAMACO và các Công ty con thuộc HAMACO (Gọi tắt là “Nhóm I”)

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không bao gồm Thành viên độc lập HĐQT)

Số lượng cổ phiếu được phân phối cho thành viên Hội đồng quản trị (không bao gồm Thành viên độc lập HĐQT) nhiệm kỳ 2021 – 2025 được xác định cụ thể như sau:

STT	Chức danh	Số lượng cổ phiếu phân bổ (cổ phiếu/ người)
1	Chủ tịch HĐQT	39.000
2	Thành viên HĐQT	8.000
	- <i>Kiểm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc</i>	+ 6.000
	- <i>Kiểm nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc</i>	+ 3.000

2. Nhóm Cán bộ quản lý công tác tại HAMACO và các Công ty con thuộc HAMACO

**Số lượng cổ phiếu mỗi Người lao động
tham gia chương trình ESOP được mua** **= A + B + C + D**

Trong đó:

- A là Số lượng cổ phiếu phân bổ theo hệ số thâm niên
- B là Số lượng cổ phiếu phân bổ theo hệ số cấp bậc
- C là Số lượng cổ phiếu phân bổ theo hệ số hiệu quả làm việc
- D là Số lượng cổ phiếu phân bổ theo Đóng góp của Người lao động có thành tích đặc biệt cho sự phát triển của Công ty/ Công ty con

a) Số lượng cổ phiếu phân bổ theo hệ số thâm niên (A):

Hệ số thâm niên được xác định là khoảng thời gian mà CBNV đã làm việc thực tế tại Công ty mẹ - HAMACO và các công ty con, bao gồm cả trường hợp Người lao động gia nhập làm việc tại Công ty mẹ, sau đó được điều động, luân chuyển hoặc chuyển công tác sang làm việc tại công ty con trong cùng hệ thống.

- b)** Thời gian làm việc được tính liên tục, không gián đoạn, kể từ ngày Người lao động chính thức bắt đầu làm việc tại Công ty mẹ hoặc công ty con đầu tiên trong hệ thống HAMACO cho đến ngày 31/12/2025, cụ thể như sau:

Tiêu chí	Số lượng cổ phiếu phân bổ theo hệ số thâm niên (A) (cổ phiếu/người)
≥ 25 năm	3.500
≥ 15 năm và < 25 năm	2.500
≥ 11 năm và < 15 năm	2.000
≥ 5 năm và < 11 năm	1.500
≥ 1 năm và < 5 năm	500

- c) Số lượng cổ phiếu phân bổ theo hệ số cấp bậc (B):** được xác định dựa trên chức vụ và bộ phận làm việc của Người lao động tham gia chương trình ESOP năm 2026, cụ thể như sau:

Tiêu chí	Số lượng cổ phiếu phân bổ theo hệ số cấp bậc (B) (cổ phiếu/người)
S1	4.000
S2	3.000
S3	2.500
S4	2.000
S5	1.800
S6	1.500

Tiêu chí	Số lượng cổ phiếu phân bổ theo hệ số cấp bậc (B) (cổ phiếu/người)
S7	1.000
S8	800
S9	500
S10	0

Trong đó, Tiêu chuẩn các cấp bậc S1, S2, ... được quy định chi tiết như sau:

Tiêu chí	Tiêu chuẩn vị trí	Công ty (*)
S1	- Tổng Giám đốc/ Phó Tổng Giám đốc	HAMACO
S2	- Người phụ trách Quản trị Công ty - Kế toán trưởng	HAMACO
	- Tổng Giám đốc/ Giám đốc	Bê tông, Green, Hậu Giang
S3	- Phó Tổng Giám đốc/ Phó Giám đốc	Bê tông, Green, Hậu Giang
S4	- Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ - Trưởng ban Xây dựng cơ bản - Trưởng ban Pháp chế - Trưởng phòng - Cửa hàng trưởng	HAMACO
S5	- Kế toán trưởng	Bê tông, Green, Hậu Giang
S6	- Trưởng chi nhánh	HAMACO
S7	- Phó phòng	HAMACO
	- Trưởng phòng	Bê tông, Green, Hậu Giang
	- Giám đốc	Petro
S8	- Kế toán trưởng	Petro
S9	- Quyền Trưởng phòng	Bê tông, Green, Hậu Giang
	- Trưởng phòng	Petro
S10	- Quản đốc - Trưởng trạm - Phó phòng	Bê tông, Green, Hậu Giang

Tiêu chí	Tiêu chuẩn vị trí	Công ty (*)
	- Phó Quản đốc - Trợ lý Chủ tịch	

(*) Danh sách tên viết tắt của Công ty, các công ty con của HAMACO như sau:

Tên viết tắt	Tên công ty
HAMACO	Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang
Bê tông	Công ty Cổ phần Bê tông Hamaco
Petro	Công ty TNHH MTV Hamaco Petro
Hậu Giang	Công ty TNHH MTV Bê Tông Hamaco - Hậu Giang
Green	Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Xanh Hamaco

- d) **Số lượng cổ phiếu phân bổ theo hệ số hiệu quả làm việc (C):** được xác định dựa trên mức độ hoàn thành công việc phân bổ trong năm 2025 của Người lao động tham gia chương trình ESOP, cụ thể như sau:

Tiêu chí	Số lượng cổ phiếu phân bổ theo hệ số hiệu quả làm việc (cổ phiếu/người)
Hoàn thành công việc $\geq 150\%$	3.500
Hoàn thành công việc $\geq 140\%$ và $< 150\%$	3.000
Hoàn thành công việc $\geq 130\%$ và $< 140\%$	2.500
Hoàn thành công việc $\geq 120\%$ và $< 130\%$	2.000
Hoàn thành công việc $\geq 110\%$ và $< 120\%$	1.800
Hoàn thành công việc $\geq 100\%$ và $< 110\%$	1.500
Hoàn thành công việc $\geq 90\%$ và $< 100\%$	1.000
Hoàn thành công việc $\geq 80\%$ và $< 90\%$	500
Không xếp loại	0

- e) **Số lượng cổ phiếu phân bổ theo Đóng góp của Người lao động có thành tích đặc biệt cho sự phát triển của Công ty/ Công ty con (D)**

Công ty xem xét phân bổ cổ phiếu ESOP cho Người lao động có đóng góp nổi bật, lâu dài đối với sự phát triển và hiệu quả hoạt động của Công ty, cụ thể:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	Số lượng cổ phiếu phân bổ (cổ phiếu /người)
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG			
1.	Phạm Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc	2.500
2.	Huỳnh Việt Hùng	Người phụ trách QTCT	1.500
3.	Nguyễn Thị Bé Ghí	Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ	1.500
4.	Nguyễn Hồng Phúc	Trưởng Ban Xây dựng cơ bản	1.500
5.	Khổng Liên Phương	Trưởng Ban Pháp chế	2.000
6.	Trần Thị Thanh Vân	Trưởng phòng Hành chính nhân sự	1.500
7.	Lâm Thị Thu Hiền	Kế toán trưởng	2.000
8.	Phạm Đức Cường	Trưởng phòng Công nghệ thông tin	1.500
9.	Quách Kim Ngân	Trưởng phòng Mua hàng	1.500
10.	Lục Quốc Cường	Trưởng phòng Bán hàng	1.800
11.	Nguyễn Kim Diệu	Cửa hàng trưởng Trà Nóc	1.800
12.	Võ Hồng Sang	Trưởng phòng Kinh doanh Sơn	1.800
13.	Trần Thanh Tùng	Trưởng chi nhánh Bạc Liêu	2.000
14.	Hoàng Văn Hùng	Trưởng chi nhánh Phú Quốc	2.000
CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG HAMACO			
1.	Đỗ Xuân Thành	Tổng Giám đốc	2.500
2.	Trần Duy Minh	Phó Tổng Giám đốc	1.500
3.	Phạm Kim Quỳnh	Kế toán trưởng	1.500
4.	Lý Quốc Toàn	Trưởng phòng Bán hàng	1.500
CÔNG TY TNHH MTV VẬT LIỆU XÂY DỰNG XANH HAMACO			
1.	Nguyễn Thanh Liêm	Giám Đốc	2.500
2.	Nguyễn Thanh Thảo	Trưởng phòng Hành chính nhân sự	1.500
3.	Vũ Thị Lan Phương	Kế toán trưởng	1.500

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	Số lượng cổ phiếu phân bổ (cổ phiếu/người)
4.	Cao Minh Thiện	Trưởng phòng Kinh doanh	1.500
CÔNG TY TNHH MTV BÊ TÔNG HAMACO - HẬU GIANG			
1.	Nguyễn Thanh Điền	Tổng Giám đốc	2.500
2.	Nguyễn Ngọc Lộc	Trưởng phòng Bán hàng	1.500
3.	Lê Ngọc Viện	Trưởng phòng Dịch vụ khách hàng	1.500

Lưu ý: Xác định số lượng cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng trong nhóm I

Để đảm bảo phân phối hết 370.000 cổ phiếu, ĐHĐCĐ giao cho HĐQT quyết định phân phối như sau:

- Nếu tổng số lượng cổ phiếu phân bổ cho tất cả người lao động trong nhóm I = 370.000 cổ phiếu, thì số lượng cổ phiếu ESOP của từng người được giữ nguyên.
- Nếu tổng số lượng cổ phiếu phân bổ cho tất cả người lao động trong nhóm I < 370.000 cổ phiếu, thì số lượng cổ phiếu còn lại được phân phối cho người lao động có số lượng cổ phiếu nhiều nhất trong Danh sách ESOP.
- Nếu tổng số lượng cổ phiếu phân bổ cho tất cả người lao động trong nhóm I > 370.000 cổ phiếu, thì số lượng cổ phiếu bị dư ra được trừ đi cho người lao động có số lượng cổ phiếu nhiều nhất trong Danh sách ESOP.

II. Cán bộ nhân viên công tác tại HAMACO (Gọi tắt là “Nhóm II”)

$$\begin{array}{l}
 \text{Số lượng cổ phiếu} \\
 \text{mỗi người lao} \\
 \text{động được mua} \\
 \text{(ESOP}_i\text{)}
 \end{array}
 = \frac{\text{Tổng số Cổ phiếu ESOP phát hành} \\
 \text{cho cấp độ nhân viên của} \\
 \text{HAMACO (T}_{\text{ESOP}_i}\text{)}}{\text{Tổng số điểm của tất cả người lao} \\
 \text{động thuộc cấp độ nhân viên của} \\
 \text{HAMACO được mua cổ phiếu} \\
 \text{ESOP}}
 * \text{Số điểm của người lao} \\
 \text{động (SCORE}_i\text{)}$$

Trong đó:

$$SCORE_i = a_i * b_i$$

- **TESOP**: là tổng số cổ phiếu ESOP tối đa phát hành cho cấp độ nhân viên được phát hành đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, bằng 110.000 cổ phiếu
- **SCORE_i**: Số điểm của Người lao động i được quyền mua
- **a_i**: là hệ số thâm niên của Người lao động i
- **b_i**: là hệ số hoàn thành công việc của cá nhân của Người lao động i

1. Cách xác định các hệ số:

a) Hệ số thâm niên (a)

Hệ số thâm niên được xác định dựa trên thời gian thực tế làm việc của Người lao động (là nhân viên) được tham gia Chương trình ESOP năm 2026 tại Công ty tính đến ngày 31/12/2025, cụ thể như sau:

STT	Tiêu chí	Hệ số thâm niên (a)
1	>= 10 năm	1
2	>= 8 năm và < 10 năm	0,8
3	>= 5 năm và < 8 năm	0,5

b) Hệ số hoàn thành công việc (b)

Hệ số hoàn thành công việc được xác định bằng kết quả mức độ hoàn thành những chỉ tiêu được giao và những sáng kiến cải tiến nhằm nâng cao hiệu suất công việc. Tiêu chí này được xem xét, đánh giá theo thang điểm sau:

STT	Mức độ hoàn thành	Hệ số hoàn thành công việc (b)
1	Hoàn thành công việc >= 140%	5
2	Hoàn thành công việc >= 130% và < 140%	4
3	Hoàn thành công việc >= 120% và < 130%	3,5
4	Hoàn thành công việc >= 110% và < 120%	3
5	Hoàn thành công việc >= 100% và < 110%	2,5
6	Hoàn thành công việc >= 90% và < 100%	2
7	Không xếp loại	0

2. Nguyên tắc làm tròn (nếu có):

- a) Sau khi xác định số lượng cổ phiếu phân phối cho người lao động theo công thức nêu trên, số lượng cổ phiếu ESOP của từng người sẽ được làm tròn tới hàng trăm, như sau:

- Nếu số lẻ sau hàng trăm có giá trị < 50 (làm tròn xuống) thì hàng trăm được giữ nguyên.

Ví dụ số lượng cổ phiếu phân phối cho người lao động sau khi áp dụng công thức nêu trên là 2.512 cổ phiếu. Theo nguyên tắc làm tròn nêu trên, người lao động sẽ được nhận 2.500 cổ phiếu.

- Nếu số lẻ sau hàng trăm có giá trị ≥ 50 (làm tròn lên) thì hàng trăm được cộng thêm một đơn vị.

Ví dụ nếu số lượng cổ phiếu được phân bổ là 2.488 cổ phiếu thì được làm tròn là 2.500 cổ phiếu.

- b) Sau khi tính số lượng cổ phiếu mỗi người lao động được phân phối theo nguyên tắc làm tròn trên, để đảm bảo phân phối hết 110.000 cổ phiếu, HĐQT quyết định phân phối như sau:

- Nếu tổng số lượng cổ phiếu phân bổ cho tất cả người lao động thuộc nhóm II = 110.000 cổ phiếu, thì số lượng cổ phiếu ESOP của từng người sau khi được làm tròn tới hàng trăm được giữ nguyên theo nguyên tắc làm tròn.
- Nếu tổng số lượng cổ phiếu phân bổ cho tất cả người lao động thuộc nhóm II < 110.000 cổ phiếu, thì số lượng cổ phiếu còn lại được phân phối cho người lao động có tổng điểm cá nhân cao nhất trong Danh sách ESOP.

Trường hợp có từ hai (02) Người lao động trở lên có tổng điểm cá nhân cao nhất bằng nhau, số lượng cổ phiếu còn lại sẽ được phân bổ cho Người lao động có thâm niên công tác lớn nhất trong nhóm Người lao động có tổng điểm cao nhất.

- Nếu tổng số lượng cổ phiếu phân bổ cho tất cả người lao động thuộc nhóm II > 110.000 cổ phiếu, thì số lượng cổ phiếu bị dư ra được trừ đi cho người lao động có tổng điểm cá nhân cao nhất trong Danh sách ESOP.

Trường hợp có từ hai (02) Người lao động trở lên có tổng điểm cá nhân cao nhất bằng nhau, số lượng cổ phiếu phân bổ vượt sẽ được điều chỉnh giảm từ Người lao động có thâm niên công tác nhỏ nhất trong nhóm Người lao động có tổng điểm cao nhất.

Điều 11. Thông qua phương án phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu

Đại hội đồng cổ đông phê duyệt phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Công ty, với nội dung cụ thể như sau:

1. Tên tổ chức phát hành: Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang
2. Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang
3. Mã cổ phiếu: HAM
4. Loại cổ phiếu chào bán: Cổ phiếu phổ thông
5. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu
6. Vốn điều lệ hiện tại của Công ty: 96.380.610.000 đồng
7. Tổng số lượng cổ phiếu đã phát hành: 9.638.061 cổ phiếu

Trong đó:

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 9.638.061 cổ phiếu
 - Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
8. Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán: Tối đa 4.481.127 cổ phiếu
 9. Tổng giá trị cổ phiếu dự kiến chào bán thêm theo mệnh giá: 44.811.270.000 đồng
 10. Hình thức chào bán: Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.
 11. Đối tượng chào bán: Tất cả các cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang có tên trong danh sách Người sở hữu cổ phần tại ngày đăng ký cuối cùng (ngày chốt danh sách) do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam cung cấp để thực hiện quyền mua.
 12. Mức tăng vốn điều lệ dự kiến
 - Vốn điều lệ dự kiến trước phát hành (đã bao gồm số lượng cổ phiếu dự kiến sau phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động) :
149.370.910.000 đồng
 - Số vốn điều lệ dự kiến tăng (theo mệnh giá) : 44.811.270.000 đồng
 - Vốn điều lệ sau khi phát hành : 194.182.180.000 đồng
 13. Nguyên tắc và căn cứ xác định giá chào bán: Giá phát hành được xác định bằng mệnh giá.
 14. Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu
 15. Tổng giá trị số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán: 44.811.270.000 đồng
 16. Tỷ lệ thực hiện quyền: 10:3 (Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cứ 01 cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được nhận 01 quyền mua cổ phiếu và cứ 10 quyền mua cổ phiếu sẽ được mua 03 cổ phiếu mới).
 17. Phương án làm tròn đối với cổ phiếu lẻ (nếu có) phát sinh khi thực hiện quyền: Để đảm bảo không vượt quá số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán, số lượng cổ phiếu chào bán

thêm mà cổ đông hiện hữu được mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân (nếu có) sẽ được ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn đối tượng phân phối, tiêu chí, phương thức phân phối cho các nhà đầu tư khác với điều kiện giá bán phải lớn hơn hoặc bằng 10.000 đồng/cổ phiếu.

Ví dụ: Tại ngày chốt danh sách cổ đông được quyền mua cổ phiếu chào bán thêm, cổ đông A đang sở hữu 119 cổ phiếu. Với tỷ lệ thực hiện quyền 10:3, cổ đông A được quyền mua $(119 \times 3 / 10) = 35,7$ cổ phiếu. Theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị thì số cổ phiếu mà cổ đông A được quyền mua là 35 cổ phiếu, số cổ phiếu lẻ 0,7 cổ phiếu sẽ được HĐQT quyết định phân phối lại cho các nhà đầu tư khác với điều kiện giá bán phải lớn hơn hoặc bằng 10.000 đồng/cổ phiếu.

18. Phương án xử lý cổ phiếu lẻ (nếu có), cổ phiếu cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua: Việc xử lý số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống (nếu có) và cổ phiếu của cổ đông không đăng ký mua, không nộp tiền mua phải đảm bảo tuân thủ quy định tại Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và tuân thủ quy định về đầu tư góp vốn vào công ty mẹ, công ty con theo quy định tại Khoản 2 Điều 195 Luật Doanh nghiệp 2020.
- Số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống (nếu có) và số cổ phiếu do cổ đông hiện hữu không đăng ký, không nộp tiền mua, được ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn đối tượng phân phối, tiêu chí, phương thức phân phối và giá chào bán không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu (với điều kiện giá chào bán không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phiếu).
 - Số lượng cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống và Số lượng cổ phiếu do cổ đông hiện hữu không đăng ký, không nộp tiền mua khi phân phối lại sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong thời hạn 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.
 - Đối với trường hợp phân phối lại cổ phiếu thuộc một trong các trường hợp được quy định tại khoản 3 Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, HĐQT sẽ thực hiện xin ý kiến ĐHĐCĐ để thông qua việc phân phối lại.
 - Trong trường hợp, hết hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật (bao gồm cả thời gian được gia hạn - nếu có), nếu vẫn còn cổ phiếu chưa phân phối hết thì số cổ phiếu chưa được phân phối hết này được hủy và HĐQT ra quyết định kết thúc đợt chào bán. HĐQT cân nhắc lựa chọn và điều chỉnh phương án sử dụng vốn để đảm bảo không ảnh hưởng đến nguồn vốn cũng như hoạt động kinh doanh của Công ty.
19. Quy định về cổ phiếu chào bán và Chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu:
- Cổ phiếu chào bán là cổ phiếu phổ thông và không bị hạn chế chuyển nhượng.
 - Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho người khác trong thời gian quy định và chỉ được chuyển nhượng 01 (một) lần (người nhận chuyển nhượng quyền mua không được chuyển

nhượng quyền mua đó cho người thứ ba). Bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận mức giá chuyển nhượng, thanh toán tiền và chịu trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định liên quan đến việc chuyển nhượng.

20. Phương thức phân phối

- Đối với cổ đông đã lưu ký cổ phiếu HAM: Làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký mua cổ phiếu tại các thành viên lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký.
- Đối với cổ đông chưa lưu ký cổ phiếu HAM: Làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu, đăng ký mua cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang tại 184 Trần Hưng Đạo, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

21. Phương thức thanh toán: Nộp tiền mua cổ phiếu vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu theo quy định.

22. Thời gian dự kiến chào bán: Sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, sau khi hoàn thành việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động và sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng, dự kiến thực hiện từ Quý III – Quý IV/2026.

23. Phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài: ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT triển khai phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty theo quy định.

24. Mục đích và Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán:

Toàn bộ số tiền dự kiến huy động được từ đợt chào bán sẽ được phân bổ sử dụng cho các hoạt động bổ sung vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể như sau:

STT	Mục đích sử dụng vốn	Giá trị dự kiến (đồng)
1	Thanh toán khoản nợ vay với tổ chức tín dụng (Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ)	44.811.270.000

Tiến độ sử dụng vốn dự kiến từ Quý IV/2026, thời gian cụ thể do HĐQT quyết định phù hợp với tiến độ thực hiện.

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT xây dựng phương án sử dụng vốn cụ thể, quyết định và được quyền điều chỉnh phân bổ nguồn tiền thu được từ đợt chào bán và/hoặc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh phương án sử dụng vốn phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty khi thực hiện chào bán cổ phiếu, kế hoạch phát triển chung của Công ty và đảm bảo lợi ích của cổ đông đáp ứng các quy định của pháp luật.

Trường hợp thay đổi mục đích sử dụng vốn, HĐQT phải thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành và báo cáo tại cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất về việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán này.

25. Phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn trong trường hợp cổ phiếu không chào bán hết theo dự kiến: Trong trường hợp cổ phiếu không phân phối hết và số lượng vốn huy động không đạt đủ như dự kiến, HĐQT quyết định phương án bù đắp phần vốn thiếu hụt bao gồm và không giới hạn việc huy động nguồn vốn hợp pháp khác, sử dụng nguồn vốn thu được từ hoạt động kinh doanh; điều chỉnh phương án sử dụng vốn theo đúng quy định của pháp luật.
26. Cam kết việc đưa chứng khoán vào giao dịch trên thị trường chứng khoán có tổ chức: Sau khi hoàn tất đợt chào bán, ĐHĐCĐ thông qua và ủy quyền cho HĐQT thực hiện các thủ tục đăng ký chứng khoán bổ sung với Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) và đăng ký giao dịch chứng khoán bổ sung với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) theo quy định.
27. Thông qua việc thay đổi Vốn điều lệ: Thông qua việc thay đổi Điều lệ công ty (mục vốn điều lệ) và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
28. Trình tự thực hiện chào bán/phát hành:
- Công ty thực hiện việc chào bán/phát hành cổ phiếu theo thứ tự như sau:
- (1) *Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.*
 - (2) *Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động.*
 - (3) *Chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của công ty.*
29. Ủy quyền Hội đồng quản trị:
- Để việc triển khai thực hiện công tác chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu được nhanh chóng và thuận lợi, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT thực hiện các công việc liên quan tới việc chào bán như sau:
- Triển khai phương án chào bán cổ phiếu, quyết định số lượng cổ phiếu phát hành theo số lượng cổ phiếu đang lưu hành thực tế tại thời điểm triển khai phương án chào bán, đảm bảo tổng số lượng cổ phiếu phát hành không vượt quá số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành tối đa đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo tỷ lệ thực hiện quyền cổ định là 10:3.
 - Quyết định thời điểm thực hiện phương án chào bán, thực hiện các thủ tục cần thiết với các cơ quan chức năng để đăng ký chào bán cổ phiếu. Chủ động xây dựng và giải trình hồ sơ xin phép chào bán gửi cho UBCKNN và các cơ quan chức năng khác. Đồng thời, chủ động điều chỉnh phương án chào bán và các hồ sơ khác có liên quan theo tình hình thực tế của Doanh nghiệp hoặc theo yêu cầu của UBCKNN và các cơ quan chức năng khác.
 - Lập phương án xử lý số cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) và cổ phiếu không chào bán hết do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua (nếu có) theo quy định của Pháp luật. Lựa chọn nhà đầu tư, thực hiện đàm phán, quyết định các điều kiện và điều khoản, xác định tiêu chí, danh sách nhà đầu tư được phân phối mua số lượng cổ phiếu do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết trong đợt chào bán

chứng khoán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu với giá bán phải lớn hơn hoặc bằng 10.000 đồng/cổ phiếu hoặc hủy bỏ và kết thúc đợt chào bán. Việc lựa chọn nhà đầu tư đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty theo quy định pháp luật hiện hành.

- Trong các trường hợp việc phân phối số cổ phiếu chưa bán hết không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo quy định, HĐQT sẽ thực hiện xin ý kiến ĐHĐCĐ để thông qua việc phân phối cổ phiếu.
- Quyết định Phương án sử dụng vốn cụ thể và chủ động điều chỉnh về việc sử dụng nguồn vốn thu được, thời điểm giải ngân nguồn vốn, mục đích sử dụng vốn phù hợp với tình hình thực tế của Công ty và đáp ứng các quy định của pháp luật có liên quan.
- Thực hiện các thủ tục cần thiết với các cơ quan chức năng để đăng ký chào bán cổ phiếu.
- Sửa đổi các điều liên quan đến vốn điều lệ, cổ phần trong Điều lệ Công ty sau khi có thông báo bằng văn bản của UBCKNN về việc nhận được báo cáo kết quả đợt chào bán.
- Thực hiện các thủ tục thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của Công ty liên quan tới việc thay đổi vốn điều lệ theo kết quả thực tế của đợt phát hành với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sau khi UBCKNN thông báo bằng văn bản về việc nhận được báo cáo kết quả đợt chào bán.
- Thực hiện các thủ tục, công việc và lựa chọn thời điểm thích hợp để đăng ký chứng khoán bổ sung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) và đăng ký giao dịch chứng khoán bổ sung với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) số lượng cổ phiếu phát hành theo phương án đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua sau khi UBCKNN thông báo bằng văn bản về việc nhận được báo cáo kết quả đợt chào bán.
- Điều chỉnh, thay đổi phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán với giá trị thay đổi nhỏ hơn 50% số tiền thu được từ đợt chào bán nếu thấy cần thiết. Việc thay đổi phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán phải được báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên gần nhất.
- Tùy từng trường hợp cụ thể, Hội đồng quản trị được ủy quyền lại cho Chủ tịch Hội đồng quản trị/ Người đại diện theo pháp luật để thực hiện một hoặc một số công việc cụ thể nêu trên.
- Ngoài những nội dung ủy quyền trên đây, trong quá trình thực hiện phương án chào bán, ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định sửa đổi, bổ sung, hoàn chỉnh nội dung các tài liệu liên quan đến phương án chào bán (bao gồm cả quyết định về các nội dung chưa được trình bày trong phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu này) theo yêu cầu của Cơ quan quản lý Nhà nước sao cho việc

chào bán cổ phiếu của Công ty được thực hiện đúng quy định, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và Công ty.

Điều 12. Thông qua phương án xử lý cổ phiếu lẻ, cổ phiếu cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua khi triển khai Phương án phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu

Đại hội đồng cổ đông phê duyệt phương án xử lý cổ phiếu lẻ (nếu có), cổ phiếu cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua khi triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu của Công ty theo Điều 11 như sau:

1. Việc xử lý số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống (nếu có) và cổ phiếu của cổ đông không đăng ký mua, không nộp tiền mua phải đảm bảo tuân thủ quy định tại Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và tuân thủ quy định về đầu tư góp vốn vào công ty mẹ, công ty con theo quy định tại Khoản 2 Điều 195 Luật Doanh nghiệp 2020.
2. Số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống (nếu có) và số cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hoặc không nộp tiền mua sẽ được ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT thực hiện phân phối (xác định tiêu chí, danh sách nhà đầu tư được mua cổ phiếu) cho đối tượng khác (*có thể bao gồm hoặc không bao gồm phân phối cho 04 nhà đầu tư thuộc danh sách (*)*), đảm bảo tuân thủ các tiêu chí, phương thức phân phối và giá chào bán không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu (với điều kiện giá chào bán không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phiếu), thực hiện các thủ tục cần thiết để phân phối cổ phiếu theo phương án đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua để đợt chào bán đảm bảo thành công và đem lại lợi ích cao nhất cho Công ty và cổ đông.

(*) *Danh sách 04 nhà đầu tư với thông tin như sau:*

STT	Họ và tên	Chức vụ hiện tại tại Công ty	Số ĐKSH	Tỷ lệ sở hữu tại ngày (04/02/2026)
1	Lê Hoàng Nam	Chủ tịch HĐQT	092078009326	7,31%
2	Mai Bảo Ngọc	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	086080002788	2,05%
3	Đào Đức Đại	Thành viên HĐQT không điều hành kiêm Thành viên Ủy ban kiểm toán	031066004151	0,99%

4	Lâm Thị Trúc Hà	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	092178001163	3,21%
---	-----------------	--	--------------	-------

- a) Đại hội đồng cổ đông chấp thuận việc các nhà đầu tư thuộc danh sách (*) được phép mua thêm cổ phiếu được phân phối lại do cổ phiếu cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua, số cổ phiếu lẻ trong trường hợp danh sách nhà đầu tư được mua cổ phiếu trong đợt phân phối lại được Hội đồng quản trị lựa chọn có 04 nhà đầu tư thuộc danh sách (*). Đồng thời, Đại hội đồng cổ đông chấp thuận việc:
- (i) 04 nhà đầu tư thuộc danh sách (*) và người có liên quan được phép mua cổ phiếu phân phối lại do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua, số cổ phiếu lẻ (nếu có) trong trường hợp dẫn đến tỷ lệ sở hữu của các đối tượng này vượt mức sở hữu được quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 35 Luật Chứng khoán;
 - (ii) 04 nhà đầu tư thuộc danh sách (*) và người có liên quan được phép mua cổ phiếu từ 10% vốn điều lệ trở lên của tổ chức phát hành trong một đợt chào bán hoặc trong các đợt chào bán, phát hành trong 12 tháng gần nhất.
- b) Trường hợp lựa chọn nhà đầu tư khác thuộc quy định tại khoản 3 Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020, Hội đồng quản trị thực hiện trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định của pháp luật hiện hành.
3. Số lượng cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống và số lượng cổ phiếu do cổ đông hiện hữu không đăng ký, không nộp tiền mua khi phân phối lại sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong thời hạn 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.
4. Trong trường hợp, hết hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật (*bao gồm cả thời gian được gia hạn - nếu có*), nếu vẫn còn cổ phiếu chưa phân phối hết thì số cổ phiếu chưa được phân phối hết này được hủy và HĐQT ra quyết định kết thúc đợt chào bán. HĐQT cân nhắc lựa chọn và điều chỉnh phương án sử dụng vốn để đảm bảo không ảnh hưởng đến nguồn vốn cũng như hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều 13. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty với các nội dung sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang theo toàn văn Điều lệ sửa đổi, bổ sung đính kèm Tờ trình số: 09/TTr-HĐQT/2026 ngày 07 tháng 02 năm 2026.

2. Giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị ký ban hành Điều lệ Công ty sửa đổi, bổ sung.
3. Điều lệ Công ty sửa đổi, bổ sung có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thay thế toàn bộ các quy định trước đây trái với nội dung sửa đổi, bổ sung.

Điều 14. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty với các nội dung sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang theo toàn văn Quy chế nội bộ và quản trị Công ty sửa đổi, bổ sung đính kèm Tờ trình số: 10/TTr-HĐQT/2026 ngày 07 tháng 02 năm 2026.
2. Giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị ký ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sửa đổi, bổ sung.
3. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sửa đổi, bổ sung có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thay thế toàn bộ các quy định trước đây trái với nội dung sửa đổi, bổ sung.

Điều 15. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty

Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty với các nội dung sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang theo toàn văn Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị sửa đổi, bổ sung đính kèm Tờ trình số: 11/TTr-HĐQT/2026 ngày 07 tháng 02 năm 2026.
2. Giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị ký ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty sửa đổi, bổ sung.
3. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị sửa đổi, bổ sung có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thay thế toàn bộ các quy định trước đây trái với nội dung sửa đổi, bổ sung.

Điều 16. Thông qua việc miễn nhiệm Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021 - 2025 và bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2026 - 2030

Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021 - 2025 và bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2026 - 2030 như sau:

1. Thông qua việc miễn nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021 - 2025 đối với các Ông, bà:
 - 1) Ông Lê Hoàng Nam - Chủ tịch HĐQT;

- 2) Ông Phạm Ngọc Minh - Phó Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch Ủy ban kiểm toán, thành viên HĐQT độc lập;
 - 3) Ông Mai Bảo Ngọc - Thành viên HĐQT;
 - 4) Ông Đào Đức Đại - Thành viên HĐQT, thành viên Ủy ban kiểm toán;
 - 5) Bà Lâm Thị Trúc Hà - Thành viên HĐQT.
2. Thông qua việc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2026 - 2030:
- a) Số thành viên HĐQT: 05 người;
 - b) Thời gian nhiệm kỳ: 05 năm (2026 - 2030).
3. Thông qua kết quả bầu Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2026 – 2030
- Thành viên trúng cử vào Hội đồng quản trị:
- 1) - Thành viên HĐQT độc lập;
 - 2) - Thành viên HĐQT;
 - 3) - Thành viên HĐQT;
 - 4) - Thành viên HĐQT;
 - 5) - Thành viên HĐQT.

Điều 17. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang thông qua toàn văn tại cuộc họp ngày 03/03/2026.

Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng quản trị tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này; Ban Điều hành và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 03 năm 2026./.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Lê Hoàng Nam